

Số: 737/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án “Cơ cấu lại lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai giai
đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030
và tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 4972/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
UBND thành phố về việc ban hành Danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển
kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 2683/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố về việc Điều chỉnh, bổ sung
Danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành
phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của
UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt đề cương và dự toán Đề án “Cơ
cấu lại lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025, tầm
nhìn đến năm 2030”;*

*Thực hiện nội dung Công văn số 7170/UBND-STC ngày 25 tháng 10
năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy trình xây dựng Đề án, dự
án, nhiệm vụ Phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
5302/TTr-SNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 và kết quả lấy ý kiến thành viên
UBND thành phố bằng Phiếu theo Công văn số 829/VP-KT ngày 17 tháng 3
năm 2023 của Văn phòng UBND thành phố.*

✓

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Cơ cấu lại lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND Tp (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND Tp;
- UBMTTQ VN TP và các tổ chức hội, đoàn thể;
- VP Thành ủy;
- VP Đoàn ĐHQH&HĐNP Tp;
- VP UBND Tp: CPVP,
- các phòng chuyên môn trực thuộc;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Báo Đà Nẵng;
- Lưu: VT, SNN.

ASU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh



ĐỀ ÁN

**Cơ cấu lại lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025,
tầm nhìn đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

PHẦN I

**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THỦY LỢI, PHÒNG, CHỐNG THIÊN
TẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

A. SỰ CẦN THIẾT

Thành phố Đà Nẵng là trung tâm kinh tế trọng điểm của khu vực miền Trung, tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 1.285km², nằm ở 15°55' - 16°14' Bắc, 107°18' - 108°20' Đông và có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa từ tháng 8-12, mùa khô từ tháng 1-7, có những đợt rét mùa đông nhưng không đậm. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25,9°C; cao nhất các tháng 6,7,8; thấp nhất các tháng 12,1,2. Địa hình phía Tây là đồi núi, có các nhánh núi cấu tạo đá macma chạy vắt ngang và đâm ra biển với đặc điểm lớp vỏ phong hóa dày và bờ vụn. Bà Nà ở độ cao 1.500m có nhiệt độ trung bình 20°C. Độ ẩm trung bình là 83,4%; Lượng mưa 2.500 mm/năm; cao nhất các tháng 10, 11 và thấp nhất các tháng 1,2,3,4. Số giờ nắng 2.156 giờ/năm; nhiều nhất là tháng 5,6 và ít nhất là tháng 11,12. Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của Đà Nẵng (thời tiết - khí hậu, địa hình, tài nguyên nước, biển) có nhiều thuận lợi, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội với nhiều ngành thế mạnh như du lịch, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, thủy hải sản,...

Sự ra đời của Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định 393/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã, đang và sẽ ảnh hưởng đến định hướng Quy hoạch chung đã được phê duyệt.

Tại Quyết định 393/QĐ-TTg có nêu rõ định hướng phát triển đối với ngành nông nghiệp như sau:

- Hình thành các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch để tạo ra các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường. Tập trung quản lý, bảo vệ diện tích 3 loại rừng, triển khai thực hiện đúng quy định về chính sách trồng rừng thay thế và phát triển trồng rừng kinh tế.

- Phát triển toàn diện và bền vững hoạt động đánh bắt xa bờ để có thể khai thác hết tiềm năng biển, đặc biệt là gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, hoàn thành mục tiêu xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm thủy sản vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

- Đến năm 2020, khu vực nông nghiệp đóng góp khoảng từ 1-2% trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), tốc độ tăng trưởng của ngành đạt bình quân 1,5%/năm. Dự kiến trong giai đoạn 2021-2030 tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp đạt 2,2%, chiếm khoảng 1% trong cơ cấu GRDP của Đà Nẵng vào năm 2030.

Hiện trạng hệ thống thủy lợi và các quy hoạch thủy lợi trước đây không còn phù hợp với định hướng phát triển chung kinh tế xã hội của thành phố cũng như đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp về việc phát triển, ứng dụng các khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, gia tăng giá trị sản xuất dẫn đến nhiều hệ thống thủy lợi, các giải pháp cấp nước không còn phù hợp cũng như đảm bảo yêu cầu. Ngoài ra, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) như hạn hán, xâm nhập mặn, ... dẫn đến năng lực hoạt động của một số hệ thống thủy lợi không đảm bảo, không phù hợp với thực tế hiện nay, dẫn đến hiệu quả kinh tế sản xuất không cao.

Do vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên, thành phố Đà Nẵng thường xuyên phải đối mặt với các loại hình thiên tai gây thiệt hại trên phạm vi lớn như: bão, áp thấp nhiệt đới, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, Đồng thời, nằm ở hạ du của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, thành phố còn phải đối mặt với các đợt mưa lớn gây ngập úng đô thị, lũ, ngập lụt. Trung bình mỗi năm thành phố chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của 1-2 cơn bão mạnh trên cấp 10 và từ 1-2 đợt lũ, lụt lớn trên mức báo động III gây thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản của người dân. Những năm gần đây, diễn biến thời tiết bất thường và đặc biệt là ảnh hưởng của BĐKH, kết hợp với các tác động từ việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố (gia tăng dân số, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, các khu đô thị, cao độ nền các khu hạ tầng, chưa đồng bộ) gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý, triển khai các kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai cũng như khả năng chống chịu, gây thiệt hại nhiều về kinh tế và tài sản. Các loại hình thiên tai như bão, lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn, sạt lở đất,... ngày càng gia tăng cả về mức độ và cường độ, gây ra nhiều thiệt hại đến hoạt động kinh tế, xã hội của thành phố, ảnh hưởng đến các ngành, lĩnh vực trong đó nông nghiệp là một trong số các ngành bị ảnh hưởng nặng.

Có thể nói, yêu cầu của xã hội đối với đảm bảo an toàn trong thiên tai để bảo vệ tính mạng, tài sản cũng như duy trì sản xuất, kinh doanh ngày càng đòi hỏi cao hơn, trong khi công tác phòng chống thiên tai còn nhiều hạn chế: bộ máy tổ chức người làm công tác phòng chống thiên tai các cấp hoạt động kiêm nhiệm, không được thường xuyên đào tạo, lại hay luân chuyển, dẫn đến thiếu tính kế thừa và thiếu hụt nhân lực có kinh nghiệm. Vấn đề này đặt ra cho thành phố, nhất là các cơ quan chuyên môn cần có những giải pháp phù hợp, chiến

lược để có thể xây dựng vùng nông nghiệp, nông thôn khu vực miền núi, ven sông an toàn trong thiên tai.

Đứng trước vấn đề như vậy, việc Cơ cấu lại lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 là rất cần thiết và cấp bách trong định hướng phát triển chung kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng.

B. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006.
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013.
3. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.
5. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
6. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.
7. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
8. Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị ban hành về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.
9. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai.
10. Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
11. Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn 2050.
12. Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Thành ủy Đà Nẵng về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố.
13. Kế hoạch số 8066/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai.

14. Kế hoạch số 956/KH-SNN ngày 03 tháng 4 năm 2020 về việc xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

15. Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

16. Kế hoạch số 6623/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

17. Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

18. Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

19. Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

20. Quyết định số 4972/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố về việc ban hành Danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố về việc Điều chỉnh, bổ sung Danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

C. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

I. Đối tượng

Hệ thống thủy lợi và phòng, chống thiên tai thành phố Đà Nẵng.

II. Phạm vi nghiên cứu của Đề án

1. Về không gian: Toàn bộ thành phố Đà Nẵng (Bao gồm cả địa giới đất liền, quần đảo Hoàng Sa và trên biển).

2. Về thời gian: Số liệu hiện trạng thu thập để nghiên cứu, đánh giá cho giai đoạn 2017 - 2020; các thông tin dự báo, định hướng được tính toán đến năm 2030.

✓

D. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thực hiện các chính sách trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Lĩnh vực thủy lợi:

- Triển khai thực hiện đầy đủ theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi: Trên cơ sở các Luật và các Nghị định về Thủy lợi, Tài nguyên nước, Phòng chống thiên tai, các chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thành uỷ Đà Nẵng; UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản triển khai, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, UBND thành phố đã ban hành quy định về nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và công trình đê, kè bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố tại

Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020. Các công trình thủy lợi đã được phân cấp cho đơn vị có đủ năng lực để quản lý, vận hành đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm trong việc sử dụng nước; kịp thời sửa chữa hư hỏng, duy tu, bảo dưỡng định kỳ làm tăng tuổi thọ công trình, đảm bảo an toàn hạ du đối với các hồ chứa,...

- Bước đầu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thể hiện qua việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp (tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước,...), các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm rau, hoa, nấm, các quy trình công nghệ, sơ chế và chế biến sản phẩm nông nghiệp,... đã góp phần tăng năng suất lao động, giảm lao động nặng nhọc, giảm tổn thất trong khâu thu hoạch và sau thu hoạch.

b) Lĩnh vực phòng, chống thiên tai:

- Triển khai thực hiện đầy đủ theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác phòng chống thiên tai: Trên cơ sở các Luật và các Nghị định về Phòng chống thiên tai, Tài nguyên nước, Thủy lợi, các chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thành uỷ Đà Nẵng; UBND thành phố Đà Nẵng và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố đã ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản triển khai, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai theo hướng dẫn, thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy và phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động đảm bảo lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đều nằm trong danh sách thành viên, được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin liên quan.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai: Hằng năm, ngân sách thành phố và ngân sách quận,

huyện có trích nguồn dự phòng ngân sách để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Ngân sách các sở ngành, đơn vị, địa phương chỉ đầu tư, trang bị những điều kiện cơ bản, thiết yếu phục vụ công tác thông tin phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

- Dân cư các vùng nguy cơ cao về thiên tai được quan tâm đầu tư các dự án, hỗ trợ kinh phí để thực hiện di dời tránh vùng thiên tai, ổn định dân cư.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố, các đơn vị lực lượng vũ trang và sở, ban, ngành từng bước được trang bị, hiện đại hóa.

- Đã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

- Tổ chức triển khai, tiếp nhận và tham gia nhiều dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ, phối hợp thực hiện về lĩnh vực phòng, chống thiên tai đảm bảo kịp thời, minh bạch và hiệu quả.

- Cơ sở hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai được nâng cấp cơ bản đáp ứng trong công tác ứng phó.

- Cơ sở hạ tầng các lĩnh vực đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Công tác quản lý trồng rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng từng bước chuyên nghiệp.

- Nhận thức của các cấp, ngành và cộng đồng về phòng, chống thiên tai từng bước được nâng cao. Công tác thông tin truyền thông về phòng, chống thiên tai được đa dạng hóa.

- Ứng dụng, nghiên cứu khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống thiên tai được chú trọng đầu tư, áp dụng công nghệ thông tin như hệ thống mạng internet, Facebook, Zalo,... để nhanh chóng nắm bắt về diễn biến thời tiết, thiên tai, tiếp nhận các Chỉ thị, Công điện, Thông báo... của Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và kịp thời thông tin, tham mưu công tác phòng, ứng phó thiên tai đến các địa phương, cơ quan, đơn vị và trực tiếp đến người dân.

- Công tác triển khai khắc phục hậu quả thiên tai trong thời gian qua cơ bản thực hiện tốt. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng đã kiện toàn Ban Cứu trợ thành phố Đà Nẵng, thực hiện tốt công tác tổ chức vận động, tiếp nhận, phân phối, quản lý và sử dụng tiền, hàng từ các nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ.

2. Kết quả đầu tư hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Hạ tầng thủy lợi:

- Về nâng cao mức bảo đảm an toàn hồ chứa và nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi khác:

+ Trong các năm qua, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 75 công trình thủy lợi, bê tông kiên cố hóa 250 km kênh mương. Diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt 92%.

+ Hồ chứa: Đến nay đã hoàn thành nâng cấp 17/19 hồ chứa đảm bảo an toàn với mưa, lũ lớn. Hai hồ chứa nước lớn Hòa Trung và Đồng Nghệ đã được đầu tư nâng cấp theo tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn tần suất thiết kế $P = 1\%$ và tần suất kiểm tra $P = 0,1\%$; các hồ chứa vừa và nhỏ đã được hoàn thành nâng cấp đảm bảo an toàn với mưa, lũ lớn.

+ Công trình trạm bơm: Thành phố Đà Nẵng hiện có 29 trạm bơm tưới, trong đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng quản lý 23/29 trạm bơm; UBND quận Ngũ Hành Sơn quản lý 04/29 trạm bơm; UBND huyện Hoà Vang quản lý 02/29 trạm bơm. Các trạm bơm này cùng với các hồ chứa thủy lợi đã được vận hành để bổ sung nguồn nước đảm bảo phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

+ Hệ thống đập dâng: Toàn thành phố có 27 đập dâng lớn nhỏ khác nhau, tuy nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc cấp nước cho thành phố Đà Nẵng là đập dâng An Trạch. Theo thiết kế đập An Trạch làm nhiệm vụ cấp nước tưới cho khoảng 9.700 ha đất nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng và cấp nước cho nhà máy nước Cầu Đỏ, đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng cho vùng hạ du trong mùa mưa lũ.

+ Hệ thống kênh mương: Tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay khoảng 406 km, trong đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng quản lý các tuyến kênh chính, cấp 1 và cấp 2 là 176km (đã kiên cố hóa được khoảng 150km đạt tỷ lệ 90%). Số km kênh mương địa phương quản lý 230km (đã kiên cố hóa khoảng 100km).

- Về phát triển thủy lợi đa mục tiêu:

+ Khả năng cấp nước của các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thành phố khoảng 32,3 triệu m^3 .

+ Vận hành các hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn cấp nước sinh hoạt: Đập dâng An Trạch tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 210.000 m^3 /ngày đêm, đến năm 2020 cấp 420.000 m^3 / ngày đêm; hồ Hòa Trung tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 10.000 m^3 /ngày đêm.

- Đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn:

+ Năm 2015 sửa chữa được 04 công trình gồm: công trình cấp nước thôn Tà Lang (khe Áo), công trình cấp nước thôn Giàn Bí (khe Áo), công trình cấp nước thôn Giàn Bí (khe Sô), công trình cấp nước thôn Lộc Mỹ (khe Đập).

+ Năm 2016 tiếp tục sửa chữa hoàn chỉnh 02 công trình đã đầu tư năm 2015: công trình cấp nước thôn Giàn Bí (khe Áo), công trình cấp nước thôn Lộc Mỹ (khe Đập) và sửa chữa mới 04 công trình gồm công trình cấp nước thôn Nam Yên (khu tái định cư), công trình cấp nước thôn Tà Lang (khe Ba Bi), công trình cấp nước thôn Nam Mỹ (khe Trí), công trình cấp nước thôn Phò Nam (khe Dâu).

+ Năm 2017: Mở rộng mạng lưới cấp nước xã Hòa Khương.

+ Năm 2018: Thực hiện đầu tư công trình cấp nước xã Hòa Bắc cấp nước cho thôn An Định và thôn Nam Yên.

+ Năm 2019: Thực hiện 02 dự án Mở rộng, đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn các xã Hòa Bắc, Hòa Phú.

+ Năm 2020: Thực hiện 02 dự án Mở rộng, đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn các xã Hòa Bắc, Hòa Phú.

Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, nước sạch theo QCVN-02 đạt 98,44% (tính đến đầu năm 2020).

b) Hạ tầng phòng, chống thiên tai:

Tính đến năm 2020, việc đầu tư hạ tầng phòng, chống thiên tai đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hệ thống đê, kè phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Tổng chiều dài đê, kè đã được xây dựng trên địa bàn thành phố khoảng 56 km (đê, kè biển, cửa sông và kè sông), trong đó giai đoạn 2017-2020 xây dựng được 17 km kè. Các công trình đê, kè biển, đê kè cửa sông có kết cấu chủ yếu là dạng kè tường đứng bằng bê tông cốt thép; các công trình kè sông có kết cấu chủ yếu là kè mềm.

- Về nhà phòng, chống thiên tai cộng đồng: Thành phố đã đầu tư xây dựng được 18 nhà; chủ yếu tập trung ở 4 quận/huyện, gồm: Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu và Hòa Vang (Bảng 1.1). Các nhà phòng, chống thiên tai cộng đồng do UBND các xã, phường quản lý giao cho ban nhân dân thôn/ khối phố sử dụng, khi không có thiên tai, công trình sử dụng cho việc dạy và học cho học sinh mầm non, nhà sinh hoạt cộng đồng các hội đoàn thể trong thôn ... Nhìn chung, tất cả các công trình đã phát huy tối đa công năng sử dụng, đáp ứng được yêu cầu phòng tránh thiên tai, đồng thời giải quyết được nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng về nhà văn hóa và trường học, góp phần hoàn thiện tiêu chí trường học và tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Bảng 1.1. Địa điểm các nhà phòng tránh thiên tai

TT	Quận, huyện	Địa điểm
1	Quận Sơn Trà	Nhà Phòng, chống thiên tai phường Mân Thái
2	Quận Ngũ Hành Sơn	Nhà Phòng, chống thiên tai An Lưu, phường Hòa Quý
		Nhà Phòng, chống thiên tai Mân Quang, phường Hòa Quý
3	Quận Liên Chiểu	Nhà Phòng, chống thiên tai tổ 37, phường Hòa Hiệp Bắc
		Nhà sinh hoạt cộng đồng Khu văn hóa biển Kim Liên, phường Hòa Hiệp Bắc
4	Huyện Hòa Vang	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phong Nam, xã Hòa Châu
		Trường mầm non Hòa Tiến 1, thôn Cẩm Nê, xã Hòa Tiến
		Nhà sinh hoạt cộng đồng Hòa Liên, thôn Trường Định, xã Hòa Liên
		Trường mầm non Hòa Phước, thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước
		Nhà Phòng, chống thiên tai thôn An Trạch, xã Hòa Tiến
		Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Giáng Nam, xã Hòa Phước

✓

	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Bắc An, xã Hòa Tiến
	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Phú Sơn 3, xã Hòa Khương
	Nhà văn hóa thôn Lệ Sơn Bắc, kết hợp nhà Phòng chống thiên tai, xã Hòa Tiến
	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Trà Kiềm, xã Hòa Phước
	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Giáng Đông, xã Hòa Châu
	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Thạch Bô, xã Hòa Phong
	Nhà Phòng, chống thiên tai thôn Phước Hưng xã Hòa Nhơn

(Nguồn: Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng)

Bên cạnh đó, khi có thiên tai xảy ra, các trụ sở UBND quận/huyện, xã/phường, trường học, cơ sở tôn giáo, trụ sở các cơ quan và một số khách sạn được trưng dụng để làm nơi tập kết sơ tán nhân dân khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố. Các công trình này đã được Sở Xây dựng phối hợp với UBND các quận/huyện tiến hành thẩm định an toàn hàng năm để đảm bảo về chất lượng công trình. Danh sách các công trình sử dụng là nơi tập kết sơ tán dân trong trường hợp thiên tai theo Phương án phòng, chống và khắc phục hậu quả ứng với một số kịch bản thiên tai được phê duyệt hàng năm. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2020, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố và bán kiên cố toàn thành phố đạt 99,5% (tại khu vực đô thị: 99,6%, tại khu vực nông thôn: 98,8%) cao hơn mức bình quân của cả nước là 93,1% (tại khu vực đô thị: 98,2%, tại khu vực nông thôn: 90,3%); tỷ lệ hộ có nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ toàn thành phố đạt 0,5% (tại khu vực đô thị: 0,4%, tại khu vực nông thôn: 1,2%) thấp hơn mức bình quân của cả nước là 6,9% (tại khu vực đô thị: 1,8%, tại khu vực nông thôn: 9,6%).

Bảng 1.2. Bảng thống kê hộ có nhà phân theo loại nhà và đơn vị hành chính

Đơn vị tính: Hộ

	Tổng số	Phân theo loại nhà			
		Kiên cố	Bán kiên cố	Thiếu kiên cố	Đơn sơ
Toàn thành phố	299.341	248.215	49.608	664	854
Quận Liên Chiểu	56.573	41.766	14.320	343	144
Quận Thanh Khê	48.050	42.963	5.085	-	2
Quận Hải Châu	54.316	44.319	9.812	84	101
Quận Sơn Trà	37.520	31.412	5.914	89	105
Quận Ngũ Hành Sơn	22.144	16.844	5.170	53	77
Quận Cẩm Lệ	42.669	37.117	5.506	14	32
Huyện Hòa Vang	38.069	33.794	3.801	81	393
Huyện Hoàng Sa					

(Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng)

- Về hệ thống quan trắc, đo đạc, cảnh báo thiên tai: Các trạm đo khí tượng, thủy văn phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai cơ bản đã được đầu tư, nâng cấp: Với 12 trạm đo khí tượng, thủy văn do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ quản lý và 21 trạm đo mưa tự động, 04 trạm đo mực nước tự động trên sông Cu Đê và Túy Loan, 02 trạm cảnh báo lũ tự động do Chi cục

Thủy lợi quản lý cung cấp số liệu theo thời gian thực, 21 trạm trực canh cảnh báo thiên tai đa mục tiêu ven biển; 250 biển cảnh báo khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét, nguy hiểm. Chi tiết cụ thể như tại bảng 1.3.

Bảng 1.3. Hệ thống quan trắc, đo đạc, cảnh báo thiên tai

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trạm đo khí tượng, thủy văn	Trạm	12
2	Trạm đo mưa tự động	Trạm	21
3	Trạm đo mực nước tự động	Trạm	04
4	Trạm cảnh báo lũ tự động	Trạm	02
5	Biển cảnh báo khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét	Biển	250
6	Trạm trực canh cảnh báo thiên tai đa mục tiêu ven biển	Trạm	21

- Hệ thống giao thông, kết hợp đường cứu hộ cứu nạn: Các tuyến giao thông đã được đầu tư tương đối đầy đủ, xuyên suốt từ tuyến Quốc lộ đến tỉnh lộ, giao thông nông thôn đến các xã mở rộng làn xe, nâng cao nền đường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các vùng có nguy cơ thiên tai nhanh chóng và thuận tiện, kịp thời trong ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, giảm thiệt hại về tính mạng và tài sản.

- Hệ thống y tế: Mật độ phân bố đồng đều toàn thành phố với 871 cơ sở khám bệnh chữa bệnh, trong đó: 20 Bệnh viện, 07 Trung tâm Y tế, 56 Trạm Y tế xã, phường, 21 phòng khám đa khoa, 01 bệnh xá, 600 phòng khám chuyên khoa, 159 phòng chẩn trị y học cổ truyền, 07 trạm y tế cơ quan. Ngoài ra, trên địa bàn có 05 đơn vị khối y tế dự phòng, 07 dịch vụ cấp cứu, vận chuyển người bệnh, 42 cơ sở dịch vụ y tế, 02 phòng tư vấn sức khỏe. Hiện nay, thành phố duy trì đội ngũ 1.089 cộng tác viên dân số - y tế tại 56 xã, phường và 119 nhân viên y tế thôn tại huyện Hòa Vang. Hệ thống y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe nhân dân, vận chuyển, thu dung, cấp cứu, điều trị, ứng cứu trước, trong và sau thiên tai.

- Hệ thống trường học: Kiên cố, đặc biệt các trường học tại vùng nông thôn còn được tích hợp sử dụng làm nơi tập kết sơ tán nhân dân khi có thiên tai, gồm 04 trường mẫu giáo, 203 trường mầm non, trong đó có 135 trường ngoài công lập; 99 trường tiểu học, trong đó có 01 trường ngoài công lập; 60 trường Trung học cơ sở và trường tiểu học, trong đó có 02 trường ngoài công lập; 37 trường Trung học phổ thông, trong đó có 12 trường ngoài công lập; 03 trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố được xây dựng kiên cố. Trong thời gian qua, khi có mưa, bão, một số trường học được sử dụng làm nơi sơ tán, trú tránh thiên tai cho cộng đồng, người dân.

- Hệ thống thông tin - truyền thông: Hiện đại, đa kênh, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông với quy mô lớn và hiện đại, sẵn sàng trong công tác đảm bảo thông tin liên lạc, truyền tin cảnh báo cũng như công tác chỉ đạo trong ứng phó thiên tai. Hiện nay, trên địa bàn thành phố đã chuyển hoàn toàn qua Internet băng rộng và đến cấp thôn, tổ dân phố. Với hơn 2.500 trạm thu phát sóng di

động, tuyến cáp viễn thông (đồng và quang) 3,4km đi treo và hơn 3km đi ngầm sẵn sàng phục vụ thông tin liên lạc trong công tác phòng chống thiên tai.

- Khu neo đậu tàu thuyền: Trong điều kiện thời tiết có bão, lũ, áp thấp nhiệt đới Âu thuyền Thọ Quang là nơi trú tránh của rất nhiều tàu thuyền không chỉ của thành phố Đà Nẵng mà còn của các tỉnh lân cận. Vùng nước Âu thuyền Thọ Quang có 32 phao neo (khoảng cách giữa các phao neo từ 85 - 100m); xung quanh khu neo đậu có 60 trụ neo (khoảng cách giữa 2 trụ neo là 25m), chứa 479 chiếc, khu vực hậu phương cảng phường Thọ Quang và khu vực cồn Mân Quang chứa 450 chiếc, khu vực đầm Nại Nam 150 chiếc, khu vực Hói Kiếng 50 chiếc và tàu được kéo lên bờ và trên triền đả sửa chữa 185 chiếc. Khu neo đậu tàu thuyền đang được mở rộng, hiện nay dự án đang được tiếp tục đầu tư triển khai nâng cấp giai đoạn 2 để đầu tư đồng bộ hạ tầng tổng thể khu vực cảng cá Thọ Quang đáp ứng yêu cầu, tiêu chí cảng cá loại I (cảng cá động lực) kết hợp với khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu cá cấp vùng theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hạ tầng công trình Văn hóa - Thể thao - Du lịch: Được trùng tu, tôn tạo và kiên cố, công tác trùng tu, tôn tạo đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng công trình, tuân thủ các quan điểm, nguyên tắc về bảo tồn, không làm sai lệch biến dạng, đặc điểm vốn có và các yếu tố gốc cấu thành di tích đồng thời đảm bảo an toàn trước thiên tai. Đến năm 2020, tổng số cơ sở lưu trú du lịch là 1.239 cơ sở với 44.697 phòng, hệ thống chủ yếu là công trình cấp 3, 2. Kết cấu bền vững, chống chịu được gió cấp 12.

- Hệ thống khu dịch vụ thương mại: Kiên cố, lưu trữ hàng hóa thiết yếu đa dạng, số lượng lớn và phân bố tương đối đồng đều (trừ huyện Hòa Vang) đảm bảo nhu cầu hàng hóa cho người dân với 8 trung tâm thương mại; 71 siêu thị tổng hợp, siêu thị chuyên doanh và khoảng 400 cửa hàng tiện lợi, tự chọn, hầu hết được phân bố đều ở các quận của thành phố. Riêng huyện Hòa Vang chỉ mới hình thành một số cửa hàng tiện lợi, chưa có siêu thị nào, nguyên nhân chủ yếu do địa bàn rộng nhưng dân cư thưa thớt, mô hình chợ truyền thống, cửa hàng bán lẻ, tạp hóa tại các xã đã đáp ứng được nhu cầu của người dân trên địa bàn. Toàn thành phố có 74 chợ, trong đó có một số khu chợ đã trở thành điểm đến yêu thích của khách du lịch trong và ngoài nước như Chợ Hàn, Chợ Cồn,...

II. NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Đối với lĩnh vực thủy lợi

a) Các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi: Hệ thống văn bản pháp quy tuy nhiều nhưng nhiều văn bản thiếu tính ổn định, dài hạn, thường thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, thay thế, một số nội dung chồng chéo, khối lượng văn bản đến lớn, gây khó khăn cho cán bộ trong việc theo dõi, cập nhật và khó khăn cho nhân dân trong thực hiện, chấp hành.

b) Hạ tầng hệ thống thủy lợi: Những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH), đó là mưa lớn vượt quá tần suất thiết kế, nắng hạn kéo dài bất thường và bão lớn gây nhiều lũ lụt lớn, hiện tượng lũ quét, sạt lở đất

nhiều... Vì vậy cần phải xem xét lại năng lực tưới, tiêu, cấp nước và phòng chống lũ của các hệ thống công trình hiện có. Ngoài ra khu vực ven biển lại bị ảnh hưởng của mặn gây khó khăn cho việc lấy nước tưới, cấp nước cho nuôi thủy sản, công nghiệp và sinh hoạt trong mùa kiệt... Các vấn đề tồn tại và hạn chế cụ thể:

- Về công trình hồ chứa: Có 02 hồ chứa lớn có dung tích trên 10 triệu m^3 (hồ Hòa Trung, Đồng Nghệ), 01 hồ chứa vừa với dung tích 2,3 triệu m^3 (hồ Trước Đông), còn lại 16 hồ chứa nhỏ với dung tích từ 0,1 đến 1,0 triệu m^3 . Đánh giá chung:

+ Các hồ chứa thủy lợi tập trung ở vùng đồi núi phía Tây của huyện Hòa Vang.

+ Vùng hạ du hồ chứa có nhiều dân cư sống tập trung, đặc biệt hồ Đồng Nghệ có đến gần 100.000 người, hồ Hòa Trung có đến 50.000 người sẽ nguy hiểm khi xảy ra sự cố vỡ hồ chứa.

+ Có 17 hồ chứa nước đã được sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế, tần suất kiểm tra 1% và 0,1% và có 08/17 hồ chứa này đã được tính toán kiểm tra với tần suất lũ cực hạn (PMF).

+ Tuy phần lớn các hồ chứa trên địa bàn thành phố đã được nâng cấp đảm bảo an toàn nhưng chưa tính đến điều kiện BĐKH mà đáng chú ý nhất là lượng mưa một ngày lớn nhất ($X_{1\text{ngaymax}}$) và lượng mưa 5 ngày lớn nhất ($X_{5\text{ngaymax}}$) sẽ tăng mạnh. Đây là thông số quyết định đến lưu lượng dòng chảy lũ đến hồ chứa, ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa và an toàn của người dân ở khu vực hạ du hồ chứa. Theo báo cáo của Trung tâm ứng phó BĐKH, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì $X_{1\text{ngaymax}}$ trên địa bàn Hòa Vang ứng với kịch bản RCP 4.5 và RCP 8.5 (bức xạ tác động tổng cộng của khí nhà kính trong khí quyển đến thời điểm năm 2100 là trung bình ($4,5W/m^2$) và cao ($8,5W/m^2$)) đều tăng từ 50% đến 80,4%; $X_{5\text{ngaymax}}$ tăng từ 36,4% đến 75,6%. Điều này cho thấy, dù phần lớn các hồ chứa đã được nâng cấp an toàn nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ vỡ hồ chứa gây nên thảm họa cho hạ du hồ.

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của thành phố liên tục được giảm nhường cho việc phát triển đô thị và công nghiệp nên một số hồ chứa thủy lợi có khả năng tham gia một phần vào lĩnh vực cấp nước, cảnh quan môi trường sinh thái, du lịch, thể thao bên cạnh nhiệm vụ cắt giảm lũ.

+ Phần lớn các hồ chứa có dung tích nhỏ, lưu vực sinh thủy nhỏ nên thường xuyên thiếu nước vào cuối mùa khô. Một số hệ thống công trình thủy lợi chưa được đầu tư hoàn chỉnh, mới chỉ tập trung xây dựng phần đầu mối và kênh chính, thiếu kênh mương nội đồng, nên chưa phát huy hết năng lực công trình. Trên thực tế, nhiều công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp chỉ khai thác được từ 60 đến 70% năng lực thiết kế. Cần tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước đảm bảo yêu cầu cấp nước, phòng chống hạn hán, thiếu nước. Các hồ chứa được thiết kế xả lũ bởi tràn tự do (chỉ riêng hồ Đồng Nghệ có thêm tràn xả sâu) nên không thể vận hành cắt giảm lũ trước khi lũ đến. Bên cạnh đó,

ngoài 2 hồ chứa lớn Hòa Trung, Đồng Nghệ, các hồ chứa còn lại hệ thống thiết bị quan trắc mưa, mực nước tại hồ chủ yếu theo hình thức thủ công.

+ Một số hồ chứa bị bồi lắng, do đó cần đánh giá khả năng bị bồi lắng lòng hồ, nhất là hồ Hòa Trung do hoạt động xây dựng đường giao thông quanh hồ và khu dân cư ngay trong vùng lòng hồ và cần có giải pháp khắc phục, nạo vét lòng hồ.

+ Hồ Hòa Khê (xã Hòa Sơn) nay không còn phục vụ sản xuất nông nghiệp do đất nông nghiệp đã chuyển đổi mục đích. Hồ được xây dựng trên núi cao, gần như không có đơn vị quản lý, cần nghiên cứu phương án chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc hoành triệt vì khi xảy ra vỡ đập sẽ rất nguy hiểm cho vùng hạ du.

- Về công trình đập dâng: Toàn thành phố có 27 đập dâng, đập dâng An Trạch là đập dâng lớn nhất, còn lại các đập khác có quy mô nhỏ. Đập dâng An Trạch là công trình thủy lợi quan trọng nhất của thành phố vừa đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp vừa đảm bảo nguồn nước sinh hoạt trong thời gian dài trong năm khi sông Cầu Đỏ bị nhiễm mặn. Do được thiết kế với cửa van lật tự động nên độ an toàn các cửa van không cao, ngoài ra diện tích mặt cắt ướt của đập nhỏ gây dâng cao mực nước thượng lưu đập, gia tăng mức lũ ở phía thượng lưu.

- Về công trình trạm bơm: Toàn thành phố có 29 trạm bơm phục vụ tưới cho trên 2000 ha đất canh tác lúa. Theo đánh giá, các trạm bơm đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an toàn trong lũ. Tuy nhiên vào mùa khô, một số trạm bơm trong vùng thiếu nguồn nước để hoạt động nên chưa phát huy được hiệu quả cấp nước. Mặt khác, do sự thay đổi về cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thay đổi cơ cấu mùa vụ, phát triển ngành thủy sản và các ngành công nghiệp và dịch vụ trong vùng đã làm thay đổi nhu cầu cấp và thoát nước của khu vực. Nhiều máy bơm lắp đặt, khai thác hơn 20 năm, chưa được thay thế, hiệu suất chỉ còn 70 đến 75%.

- Về hệ thống kênh mương: Tổng chiều dài hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn thành phố là 406 km (chưa kể kênh nội đồng). Phần lớn kênh chính, kênh cấp 1 đã được lát bê tông nhằm giảm thất thoát nước và hạn chế hư hỏng trong thiên tai. Công tác kiên cố hóa hệ thống kênh mương chưa được quan tâm thích đáng, kiên cố hóa, do đó gây tổn thất nguồn nước lớn.

Do chịu tác động trực tiếp của thiên tai bão, lũ, mưa lớn nên kênh mương thường xuyên bị thiệt hại nặng do thiên tai. Gần như toàn bộ kênh là kênh nổi, chưa được ngầm hóa chiếm diện tích lớn, thiệt hại nặng trong thiên tai. Nhiều trục kênh tưới, tiêu lớn bị bồi lắng, giảm đáng kể khả năng dẫn nước.

Kênh N5 Đồng Nghệ, kênh chính trạm bơm An Trạch và một số kênh khác như hệ thống đê chắn lũ sông Vu Gia trên sông Yên làm gia tăng mức ngập lũ ở thượng lưu, gia tăng thiệt hại do lũ cho bản thân kênh và khu vực. Do đó cần xem xét nghiên cứu thiết kế để ngầm hóa bằng đường ống các đoạn kênh này.

c) Việc áp dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi còn hạn chế. Đầu tư trang thiết bị công nghệ trong quản lý khai thác công trình thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu, hoặc thiếu bền vững, đổi mới công tác quản lý khai thác, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi chưa được quan tâm đúng mức, nhất là kỹ thuật sử dụng nước tiết kiệm.

d) Việc đầu tư xây dựng các công trình đê, kè chống sạt lở còn chậm và chưa được tu bổ thường xuyên. Công tác duy tu bảo dưỡng thường xuyên chưa được thực hiện tốt, nhiều công trình bị hư hỏng chưa được sửa chữa kịp thời do thiếu kinh phí.

2. Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phòng, chống thiên tai những năm qua cũng còn bộc lộ một số vấn đề tồn tại, hạn chế:

a) Thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, bất thường, cực đoan, gây ra nhiều thiệt hại về người, tài sản và khó khăn trong công tác quản lý, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Bộ máy tham mưu còn chưa đáp ứng đối với yêu cầu ngày càng cao của công tác phòng, chống thiên tai. Đặc biệt, đối với cán bộ địa phương cấp quận, huyện, xã, phường thường xuyên thay đổi vị trí công tác nên thiếu ổn định, không nắm bắt xuyên suốt công việc và khó phối hợp. Chính quyền và người dân thành phố trong những năm qua đã có nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm ứng phó với bão và ngập lũ vùng nông thôn hơn so với ứng phó ngập lụt đô thị diện rộng, đặc biệt là với cường độ mưa lịch sử vừa qua, vì vậy, ứng phó với tình trạng ngập lụt lớn trong đô thị có phần bị động.

c) Hoạt động phòng, chống thiên tai của các cấp, ngành chưa đồng bộ.

d) Khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng thành phố chưa cao¹, chưa đáp ứng yêu cầu trước sự tàn phá của bão, lũ; trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn còn chưa đảm bảo, nhất là khi có các tình huống thiên tai quy mô lớn.

đ) Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai cần tiếp tục được nâng cao, nhất là liên quan đến các loại hình thiên tai nguy hiểm, sức tàn phá lớn như mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét, động đất. Công tác dự báo về lượng mưa chưa theo kịp diễn biến thực tế mưa, lũ, chưa chính xác, cụ thể về thời điểm, phạm vi mưa lớn và định lượng mưa trên địa bàn.

e) Nhận thức của một bộ phận cộng đồng, người dân còn chủ quan, chưa được tập huấn thường xuyên và đầy đủ.

¹ Hệ thống thoát nước thành phố đảm bảo khả năng thoát nước khoảng từ 30-50 mm/01 giờ tùy theo từng vị trí và ảnh hưởng của triều, với cường độ trận mưa như ngày 14/10/2022 đúng thời điểm triều cường (đạt đỉnh 1,4 m vào lúc 23 giờ 00 ngày 14/10, lưu ý lũ tại Cẩm Lệ báo động I là 1,0 m, báo động II là 1,8m) thì hệ thống thoát nước của thành phố không thể đáp ứng được dẫn đến ngập sâu trên diện rộng.



g) Việc lồng ghép công tác phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và đầu tư cơ sở hạ tầng của một số ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

h) Việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ đã và đang có nguy cơ gia tăng rủi ro thiên tai đặc biệt là tình trạng ngập lụt, ngập úng cục bộ.

i) Công tác vận hành, điều tiết lũ hồ chứa thủy điện trên thượng nguồn sông Vu Gia - Thu Bồn còn một số tồn tại, bất cập cần phải tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp, có nguy cơ gây gia tăng ngập lũ và ảnh hưởng đến an ninh nguồn nước thành phố.

k) Công tác khắc phục hậu quả thiên tai (đối với các công trình) vẫn phải thực hiện theo quy trình xây dựng cơ bản, Luật Đầu tư công,...nên thường hay bị chậm trễ trong việc khắc phục, thông thường phải qua năm sau mới đầu tư, khắc phục, sửa chữa.

PHẦN II

NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

A. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ NGUY CƠ THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NĂM 2030 KHU VỰC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Theo Kịch bản biến đổi khí hậu cập nhật năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì diễn biến BĐKH tại Đà Nẵng đến năm 2030 như sau:

1. Về nhiệt độ

Theo kịch bản trung bình RCP4.5 (nồng độ khí nhà kính đại diện “Representative Concentration Pathways - RCP), nhiệt độ trung bình năm khu vực thành phố Đà Nẵng có xu thế tăng so với trung bình thời kỳ cơ sở (1986-2005). Theo kịch bản trung bình RCP4.5, giữa thế kỷ tăng khoảng 1,4°C; đến cuối thế kỷ tăng khoảng 1,9°C. Theo kịch bản cao RCP8.5, giữa thế kỷ tăng khoảng 1,9°C; đến cuối thế kỷ tăng khoảng 3,2°C.

Theo kịch bản RCP4.5, đến cuối thế kỷ 21, nhiệt độ tối cao và tối thấp trung bình năm có xu thế tăng từ 1,9 đến 2,0°C. Theo kịch bản cao RCP8.5, mức tăng có thể đến 3,4°C.

Vào giữa thế kỷ 21 số ngày nắng nóng (ngày nhiệt độ cao nhất $T_x \geq 35^\circ\text{C}$) có xu thế tăng, với mức tăng từ 30 đến 40 ngày so với thời kỳ cơ sở. Đến cuối thế kỷ 21, số ngày nắng nóng tăng từ 40 đến 80 ngày.

2. Về lượng mưa

Theo kịch bản trung bình RCP4.5, lượng mưa năm có xu thế tăng. Giữa thế kỷ tăng 22,7%; đến cuối thế kỷ tăng khoảng 25,5%. Theo kịch bản cao RCP8.5, giữa thế kỷ tăng 22,0%; đến cuối thế kỷ tăng khoảng 20,8%.

Lượng mưa một ngày lớn nhất và 5 ngày lớn nhất đều được dự tính có xu thế tăng trong thế kỷ 21 theo các kịch bản trung bình và kịch bản cao². Đến cuối thế kỷ 21, theo kịch bản trung bình RCP4.5, mức tăng của lượng mưa 1 ngày lớn

² Theo thống kê đợt mưa từ 06 giờ 00 phút ngày 14/10/2022 đến 03 giờ 00 phút ngày 15/10 (trong 21 giờ) lớn nhất là 787 mm (Sơn Trà) đã vượt lượng mưa lịch sử năm 2018 (từ 19 giờ ngày 9/12 đến 19h ngày 10/12) là 635 mm đo được tại trạm Đà Nẵng và lũ đặc biệt lớn năm 1999, mưa ngày lớn nhất tại trạm Đà Nẵng là 592 mm; trong đó lượng mưa 01 giờ cao nhất là 165 mm và 03 giờ cao nhất là 417 mm (trạm Suối Đá - Sơn Trà) là vượt rất xa lượng mưa giờ lịch sử năm 2018, mưa 01 giờ cao nhất là 108,9mm (trạm Đà Nẵng); mưa 03 giờ cao nhất là 247 mm (trạm Đà Nẵng); lại xảy ra vào đúng thời điểm triều cường (đạt đỉnh 1,4 m vào lúc 23 giờ 00 ngày 14/10, lưu ý lũ tại Cẩm Lệ báo động I là 1,0 m, báo động II là 1,8m) với hạ tầng thoát nước hiện nay (khả năng thoát nước của các cống khoảng từ 30-50 mm³/giờ tùy theo từng vị trí và ảnh hưởng của triều). Đây là lần thứ 2 trong vòng 4 năm đã xảy ra trận mưa cực đoan, sau trận mưa năm 2018, cho thấy mức độ mưa lớn ngày càng tăng và tần suất dày hơn.

nhất có thể tăng từ 60% đến 70%; lượng mưa 5 ngày liên tiếp lớn nhất có thể tăng từ 50% đến 70% .

3. Về hạn hán

Kết quả dự tính cho thấy, lượng mưa mùa đông, mùa xuân có xu thế giảm và nhiệt độ tăng cao khiến bốc hơi tăng, dẫn đến nguy cơ hạn hán sẽ nghiêm trọng hơn vào các tháng mùa đông, mùa xuân ở khu vực thành phố Đà Nẵng.

4. Về mực nước biển dâng

Theo kịch bản trung bình (RCP4.5), đến cuối thế kỷ 21 nước biển có khả năng dâng thêm khoảng 54 cm; theo kịch bản cao (RCP8.5): 73 cm.

Mực nước biển dâng khu vực ven bờ thành phố Đà Nẵng và khu vực quần đảo Hoàng Sa có thể xảy ra là 13 cm. Nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 1,13% diện tích của thành phố Đà Nẵng có nguy cơ bị ngập, trong đó quận Liên Chiểu (4,92% diện tích), Ngũ Hành Sơn (4,6% diện tích) có nguy cơ cao nhất.

5. Về nguy cơ ngập vì nước biển dâng do biến đổi khí hậu

Nếu mực nước biển dâng 100 cm sẽ ảnh hưởng 1,13% diện tích của thành phố Đà Nẵng, bị ảnh hưởng nhiều nhất là quận Liên Chiểu (4,92% diện tích), Ngũ Hành Sơn (4,6% diện tích).

6. Về bão, áp thấp nhiệt đới

Đà Nẵng thuộc phân vùng bão số V, trung bình có 1-1,5 cơn bão/năm ảnh hưởng đến vùng này. Lượng mưa ngày lớn nhất do bão đã xảy ra là 593 mm; tổng lượng mưa trung bình một cơn bão đã xảy ra là 150-200 mm; cấp gió mạnh nhất do bão đã xảy ra là cấp 13, giật cấp 14, cấp 15.

Trên phạm vi toàn biển Đông: Kết quả tính toán từ mô hình cho thấy hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới có xu thế dịch chuyển về cuối mùa bão (tháng 10, 11, 12), thời kỳ mà bão hoạt động chủ yếu ở phía Nam, cường độ bão có khả năng tăng khoảng 2-11%, mưa trong khu vực bán kính 100 km từ tâm bão có khả năng tăng khoảng 20% trong thế kỷ 21.

Nước dâng do bão cao nhất có thể xảy ra là 230 cm. Mực nước tổng cộng³ trong bão có thể xảy ra là 330-350 cm. Nước dâng do bão đặc biệt nguy hiểm khi xuất hiện đúng vào thời kỳ triều cường⁴, mực nước tổng cộng dâng cao, kết hợp với sóng to có thể tràn vào khu dân cư gây thiệt hại người về người và tài sản.

Bão đổ bộ kết hợp vào lúc triều cường (thời điểm thủy triều dâng cao nhất) thì có nguy cơ cao gây ngập vùng ven bờ, điển hình là cơn bão Xangsane năm 2006 đổ bộ vào thời điểm triều cường gây thiệt hại nghiêm trọng cho thành phố Đà Nẵng.

7. Về nước biển dâng

Mực nước biển dâng khu vực ven bờ thành phố Đà Nẵng và khu vực quần đảo Hoàng Sa có thể xảy ra là 13 cm. Nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng

³ Mực nước tổng cộng bao gồm nước biển dâng, nước dâng do bão, thủy triều, do mưa lớn, nước sông đổ ra.

⁴ Vùng biển ven bờ thành phố Đà Nẵng có chế độ nhật triều không đều với biên độ triều cao nhất là 90cm, thuộc nhóm biên độ triều thấp trong chế độ triều của Việt Nam. Độ cao thủy triều lớn nhất thường xuất hiện từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau.

1,13% diện tích của thành phố Đà Nẵng có nguy cơ bị ngập, trong đó quận Liên Chiểu (4,92% diện tích), Ngũ Hành Sơn (4,6% diện tích) có nguy cơ cao nhất.

II. THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NHỮNG NĂM TỚI

1. Lĩnh vực thủy lợi

BĐKH là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thiếu hụt lượng mưa, mưa trái mùa hoặc mưa tập trung với cường độ cao trong thời gian ngắn... gây nên tình trạng dòng chảy sông, suối bị suy giảm, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và dân sinh. Tuy nhiên, hệ thống công trình thủy lợi hiện nay chỉ thiết kế phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, không đáp ứng nhu cầu phục vụ nền sản xuất nông nghiệp đa dạng và hiện đại. Các hệ thống thủy lợi mới tập trung cung cấp nước cho cây lúa bằng biện pháp lạc hậu, lãng phí nước,... Ngoài ra, BĐKH có xu hướng ngày càng cực đoan, khó lường; lượng mưa mùa mưa có xu hướng gia tăng sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn cho các công trình thủy lợi.

Để nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống công trình thủy lợi, cần phải đẩy mạnh xã hội hóa công tác thủy lợi. Đồng thời, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước; huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ. Với chủ trương xã hội hóa, khu vực tư nhân, các thành phần kinh tế khác và cộng đồng tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác, chất lượng công trình sẽ được nâng cao, chống xuống cấp, bền vững và sử dụng nước tiết kiệm. Bên cạnh đó cần tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đặc biệt công trình có quy mô nhỏ. Huy động nguồn lực của toàn xã hội tham gia công tác thủy lợi, góp phần phát huy tối đa hiệu quả và kéo dài tuổi thọ các công trình, nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi được giao chức năng là chủ quản lý, khai thác, tuy nhiên thực tế hoạt động có những bất cập, không có vai trò xử phạt các hành vi vi phạm công trình thủy lợi. Do đó, cần thay đổi phương thức hoạt động trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, giảm tối đa hình thức giao kế hoạch, chuyển mạnh sang phương thức đặt hàng, đấu thầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Chuyển mạnh đối tượng phục vụ của công tác thủy lợi sang các mục đích dịch vụ có giá trị cao như cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt... Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ, trên diện rộng, thúc đẩy tưới tiên tiến, tiết kiệm nước nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả, giảm rủi ro cho cây trồng chủ lực.

Kinh tế xã hội phát triển cùng với đô thị hóa, công nghiệp hóa, tăng dân số,... làm gia tăng yêu cầu cấp nước cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó việc phát triển đô thị, khu dân cư, công nghiệp và du lịch diễn ra với quy mô ngày càng nhanh chóng làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước, tăng xả thải vào các hệ thống thủy lợi, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước cấp cho sinh hoạt cũng như các hoạt động sản xuất.

Thảm phủ rừng, nhân tố giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn sinh thủy tự nhiên, điều tiết nguồn nước, giữ đất, phòng chống sạt lở đất trong đó rừng tự nhiên và rừng phòng hộ ven biển có vai trò đặc biệt quan trọng. Việc giữ ổn định và phát triển diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn giúp đảm bảo nguồn nước cho các hồ thủy điện, thủy lợi, điều tiết dòng chảy nhằm hạn chế xói mòn, lũ quét, bảo vệ đất, hạn chế bồi lấp lòng sông, lòng hồ và an toàn cho các công trình thủy lợi. Dưới áp lực từ sự gia tăng dân số, phát triển kinh tế nên nhiều diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đã bị suy giảm, thay bằng rừng trồng làm giảm hiệu quả tạo nguồn sinh thủy. Cần quan tâm bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, có kế hoạch khai thác hợp lý rừng để tăng lượng sinh thủy cho hồ chứa.

Việc áp dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi còn hạn chế. Đầu tư trang thiết bị công nghệ trong quản lý khai thác công trình thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu, hoặc thiếu bền vững, đổi mới công tác quản lý khai thác, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi chưa được quan tâm đúng mức, nhất là kỹ thuật sử dụng nước tiết kiệm.

2. Lĩnh vực phòng, chống thiên tai

Do tác động của BĐKH nên các loại hình thiên tai tác động đến thành phố Đà Nẵng đều tiếp tục có xu hướng gia tăng về cường độ, tần suất và tính chất diễn biến ngày càng phức tạp. Trong các năm gần đây cấp bão trên Biển Đông thường xuyên ở cấp 12, thậm chí đã có bão cấp 15, 16 (bão Xangsane đổ bộ vào Đà Nẵng năm 2006 cấp 13). Lượng mưa trong mùa khô có năm suy giảm đến 40%, dòng chảy mùa lũ xu hướng tăng lên, một số thời điểm đạt lũ đặc biệt lớn, lũ lịch sử hoặc vượt tần suất thiết kế công trình do đó nguy cơ gây vỡ hồ đập hoặc gia tăng ngập lụt hạ du lớn.

Thành phố Đà Nẵng là trung tâm của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, có cơ sở hạ tầng hiện đại, hoàn chỉnh, nhiều khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, khách du lịch đông nên nguy cơ thiệt hại về người, tài sản rất lớn khi bị tác động của các đợt thiên tai, đặc biệt là thảm họa, siêu bão, lũ lịch sử, đặc biệt lớn.

Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 đạt các mức tương ứng là 7% và 10% dẫn theo đó hoạt động xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông, các khu công nghiệp, đô thị dân sinh, hậu cần du lịch phát triển, sẽ mở rộng phạm vi ảnh hưởng và gia tăng mức độ rủi ro thiên tai.

Nguyên nhân chính gây lũ, ngập lụt trên địa bàn thành phố là do lũ trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, mà diện tích nằm phần lớn (trên 80%) ở tỉnh Quảng Nam, nên việc điều tiết, kiểm soát lũ, ngập lụt còn phụ thuộc vào việc quản lý, điều tiết, vận hành của các sở, ngành thuộc tỉnh Quảng Nam và các nhà máy thủy điện.

Việc kiểm soát việc gia tăng vùng nguy cơ thiên tai đặc biệt là lũ, ngập lụt trở nên khó khăn và nghiêm trọng khi việc triển khai các dự án hạ tầng chưa liên

tục và đồng bộ do nguồn lực chưa đảm bảo, đồng thời gặp khó khăn trong công tác bố trí tái định cư. Không gian chứa lũ giảm, ngập lụt, úng gia tăng nhanh chóng, các công trình tiêu thoát không còn phù hợp, thời gian ngập, độ sâu ngập tăng.

Vấn đề phân lưu trên lưu vực sông Vu Gia đặc biệt là tại nhánh sông Quảng Huế sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn nước tại khu vực hạ du sông Vu Gia thuộc thành phố Đà Nẵng. Nguy cơ tái cắt dòng trên lưu vực này vẫn luôn tiềm ẩn, khi xảy ra sự cố cắt dòng sẽ mất thời gian nhiều hơn và hậu quả cũng sẽ nghiêm trọng hơn. Tỷ lệ phân dòng vào mùa kiệt tại các vị trí phân lưu trên lưu vực Vu Gia chịu tác động đáng kể do lũ lụt, nên đây là khu vực cần được theo dõi chặt chẽ. Việc hợp tác liên vùng quản lý lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn cũng đóng vai trò rất quan trọng.

Dữ liệu sẵn có liên quan đến nguồn tài nguyên nước của TP. Đà Nẵng nói riêng và lưu vực Vu Gia - Thu Bồn nói chung hiện ở mức hạn chế. Cần có sự đầu tư các hệ thống quan trắc dữ liệu nhằm cung cấp tốt hơn cho việc lập kế hoạch và quản lý các nguồn tài nguyên liên quan trong lưu vực. Ngoài ra, cần tăng cường công tác bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên nước. Đà Nẵng cần chú trọng, không chỉ việc quy hoạch các nguồn cung cấp nước lâu dài, ổn định mà cần triển khai các chương trình nhằm quản lý nhu cầu sử dụng nước trong cộng đồng hiệu quả nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác cảnh báo, dự báo thiên tai; đầu tư áp dụng các trang thiết bị quan trắc tiên tiến, hiện đại nhằm giám sát lượng mưa, mực nước,... tại các công trình thủy lợi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai còn nhiều hạn chế, khó khăn.

III. THỜI CƠ TRONG CÔNG TÁC THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG NHỮNG NĂM ĐẾN

1. Lĩnh vực thủy lợi

BĐKH mang đến nhiều thách thức tuy nhiên cũng mang đến nhiều thời cơ phát triển cho lĩnh vực thủy lợi như đầu tư nguồn lực nhằm nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn cho các công trình thủy lợi; đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi nhằm nâng cao nguồn nước; đầu tư lắp đặt các trang thiết bị quan trắc tại các công trình thủy lợi;...

Vị thế chính trị của Việt Nam trên trường quốc tế đang ngày một nâng cao; Việt Nam đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA,...); xu thế dịch chuyển địa kinh tế - chính trị trên toàn cầu, chính sách đa dạng hóa nguồn cung của các quốc gia và tập đoàn lớn trên thế giới ngoài Trung quốc sẽ là những điều kiện tạo cơ hội tốt cho phát triển công tác thủy lợi, phát triển ứng dụng và thương mại hóa công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao phục vụ mục tiêu nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế cho Việt Nam trong đó bao gồm thành phố Đà Nẵng. Hội nhập kinh tế thế giới sẽ góp phần thuận lợi cho việc tiếp xúc và áp

dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ tiên tiến trong phát triển lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

Hệ thống giao thông liên vùng, hành lang kinh tế Đông Tây từng bước hoàn thiện; sự ủng hộ từ các chủ trương của Trung ương trở thành một trong những trung tâm kinh tế xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á; xu thế liên kết vùng và hoạt động liên kết vùng ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;... Đà Nẵng là đô thị hạt nhân của chuỗi đô thị Huế - Đà Nẵng - Chu Lai, Kỳ Hà (Quảng Nam) - Dung Quất (Vạn Tường) - Quy Nhơn, hình thành vùng đô thị Đà Nẵng bao gồm Chân Mây (Lăng Cô) - Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An - Nam Hội An, do đó, liên kết trong quy hoạch hạ tầng giao thông, đô thị, tạo không gian đô thị đồng bộ, hiện đại, tạo sự liên kết mang tính hệ thống giữa Đà Nẵng và các địa phương trong vùng sẽ không chỉ giúp hình thành cơ cấu đa trung tâm mà còn củng cố lợi thế về du lịch, đào tạo nhân lực nhằm tạo động lực để phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Tây Nguyên. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế xã hội bao gồm cả lĩnh vực thủy lợi.

Theo định hướng phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: phát triển kinh tế dựa trên 3 trụ cột chính là du lịch, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển. Thành phố tập trung đầu tư phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn, bao gồm: Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp. Mục tiêu đến năm 2045, thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, thông minh, sáng tạo, bản sắc, bền vững. Đây là các điều kiện thuận lợi, là cơ hội để phát triển công tác thủy lợi, hướng tới thủy lợi đa mục tiêu, không chỉ cung cấp nước cho phát triển sản xuất nông nghiệp, mà còn hỗ trợ cung cấp nước cho sinh hoạt, các hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ, du lịch, sinh thái, môi trường.

Nhận thức của người dân về các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, các công nghệ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất,... đã được nâng cao một cách rõ rệt. Người dân sẵn sàng tiếp nhận thông tin, chỉ đạo điều hành từ chính quyền địa phương các cấp để phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển thủy lợi.

2. Lĩnh vực phòng, chống thiên tai

Từ sau Luật Phòng, chống thiên tai được ban hành (năm 2013), công tác phòng, chống thiên tai ngày càng được triển khai đồng bộ bài bản từ hệ thống văn bản pháp luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn triển khai công tác phòng, chống thiên tai một cách bài bản, toàn diện từ các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án và dự án.

Hợp tác quốc tế trong công tác phòng ngừa, ứng phó với những tác động của thiên tai và BDKH ngày càng mở rộng, Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ BDKH, nên sẽ được hưởng lợi từ các chương trình, dự án của các tổ chức Quốc tế.

W

Khoa học công nghệ trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai ngày càng phát triển, từ mô hình, công nghệ dự báo, thiết bị quan trắc đến phương thức truyền tải thông tin đến cộng đồng rất thuận lợi.

Công tác chuyển đổi số đang được áp dụng mạnh mẽ trong quản lý nhà nước nói chung và trong công tác phòng, chống thiên tai nói riêng, sẽ nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị thông tin, dữ liệu, hỗ trợ trong công tác ra Quyết định, xây dựng Kế hoạch, Phương án ứng phó thiên tai ngày càng hiệu quả.

Nhận thức của người dân đã được nâng cao một cách rõ rệt, đời sống ngày càng nâng cao với nhiều tiện ích công nghệ, sẵn sàng tiếp nhận thông tin, chỉ đạo điều hành từ chính quyền địa phương các cấp.

B. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

I. QUAN ĐIỂM

1. Hoạt động thủy lợi có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.

2. Hoạt động thủy lợi phải bảo đảm hài hòa với nguồn nước, chủ động tạo nguồn nước, tích trữ, điều hòa, chuyên, phân phối nước giữa các mùa, vùng, lưu vực sông;

3. Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác.

4. Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống bất lợi nhất; nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, sạt lở bờ sông, bờ biển; bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa nước thủy lợi.

5. Chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, sẵn sàng ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Khắc phục khẩn trương, kịp thời và hiệu quả sau thiên tai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, đa mục tiêu, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, bảo vệ môi trường, sinh thái, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước; phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp thành phố Đà Nẵng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo định hướng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, góp phần hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, thích ứng với BĐKH và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Cấp nước:

- Bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; cấp và tạo nguồn cho khu đô thị, công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao từ hệ thống công trình thủy lợi; chú trọng bảo vệ môi trường và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh, phục vụ phát triển bền vững; đến năm 2025 có 100% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

- Cấp nước chủ động cho diện tích đất trồng lúa 2 vụ với mức đảm bảo tưới đến năm 2030 ít nhất là 85%.

- Cấp nước chủ động cho cây trồng cạn (ngô, khoai, ...) với mức đảm bảo tưới đến năm 2030 là 50%.

- Đảm bảo cấp nước tưới chủ động cho vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng rau quy hoạch Hòa Phong, Hòa Khương và Hòa Phú.

- Đảm bảo cấp nước cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Đảm bảo cấp nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ và các khu công nghiệp từ các công trình thủy lợi.

b) Tiêu, thoát nước, thoát lũ và bảo vệ môi trường:

- Chủ động tiêu, thoát nước ở vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp.

- Chủ động phòng, chống lũ, ngập lụt, úng cho các khu vực thường xuyên bị ngập lụt, khu dân cư nông thôn và các hoạt động sản xuất khác.

- Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước.

- Xác định trục tiêu trên các tuyến kênh, sông, suối nhằm đảm bảo an toàn tiêu thoát lũ trên địa bàn huyện Hòa Vang.

- Độ che phủ rừng đạt tỉ lệ 45%-47%.

c) Phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH:

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, bờ biển, sạt lở đất... kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình;

✓

- Bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện BĐKH;

- Hệ thống đê, kè được thiết kế chịu được bão cấp 12, tần suất triều P5%;

- Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi.

- Chủ động phòng, tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư ở các lưu vực sông.

- Đảm bảo an toàn cho các khu dân cư có nguy cơ xảy ra lũ quét và sạt lở đất.

C. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI LĨNH VỰC THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. CÁC GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH

1. Giải pháp nâng cấp đảm bảo an toàn phục vụ cấp nước và phòng, chống thiên tai

a) Về hệ thống hồ chứa:

BĐKH đã làm tăng đột biến lượng mưa và lũ. Trong thế kỷ 21 lượng mưa ngày lớn nhất được dự báo tăng từ 50% đến 80%. Đây là yếu tố quyết định đến lưu lượng lũ đến hồ chứa. Năm 2020 đã xuất hiện lũ 1500 năm trên sông Cái - Vu Gia đổ về hồ Đắc Mi 4 và lũ 100 năm trên sông Thu Bồn về hồ thủy điện sông Tranh 2. Tại Đà Nẵng, lượng mưa ngày lớn nhất là 593 mm năm 1999 đã bị vượt qua bởi lượng mưa ngày 635 mm năm 2018. Trong đợt mưa ngày 14/10/2022 đã xuất hiện các lượng mưa thời đoạn lịch sử: mưa 1 giờ: 150 mm, mưa 3 giờ: 407 mm, mưa 6 giờ: 567 mm, mưa 9 giờ: 619 mm và mưa 24 giờ: 697 mm.

Đặc điểm rất quan trọng của các hồ chứa nước trên địa bàn thành phố là dân cư sống ở vùng hạ du hồ rất đông đúc. Một khi hồ chứa bị vỡ sẽ đồng nghĩa với việc xảy ra thảm họa. Do đó cần phải tiếp tục nâng cấp đảm bảo an toàn cho toàn bộ các hồ chứa của thành phố theo hướng BĐKH. Đặc biệt ưu tiên cho các hồ chứa lớn và vừa (hồ Đồng Nghệ, Hòa Trung, Trước Đông) và các hồ nhỏ nhưng có số lượng dân cư sống ở ngay sát hạ du hồ lớn như hồ Truong Đá Bạc, Hóc Khê,... Giải pháp kỹ thuật cho thiết kế nâng cấp đảm bảo an toàn hồ đập là mở rộng khả năng xả lũ của các công trình tràn và nâng chiều cao và khối lượng của đập đất.

Các dự án cụ thể:

- Nâng cấp đảm bảo an toàn giai đoạn 2 các hồ chứa: Đồng Nghệ, Hòa Trung, Trước Đông, Hóc Khê, Truong Đá Bạc, Đồng Tréo.

- Nâng cấp đảm bảo an toàn 13 hồ còn lại.

- Nạo vét lòng hồ 19 hồ chứa.

✓

- Đầu tư trang thiết bị đo mưa, mực nước, lưu lượng lũ về hồ và hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống quan trắc an toàn đập.

- Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa đường quản lý hồ, đồng thời là đường cứu hộ cứu nạn, ứng phó sự cố hồ chứa.

Các giải pháp cụ thể của một số công trình lớn:

(1) Hồ Đồng Nghệ: Giải pháp nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Nghệ là ưu tiên tăng cường khả năng xả lũ của hồ, cụ thể:

- Tăng chiều cao đập, nâng cao mực nước gia cường (giữ nguyên mực nước dâng bình thường).

- Nâng cấp an toàn tràn xả lũ hiện tại, nhất là hạng mục tràn bên.

- Cải tạo vai phải của tràn xả sâu theo hướng tạo dòng chảy thuận vào tràn (tăng hệ số thuận dòng).

- Xây dựng mới tràn phụ ở vai trái đập chính.

- Tràn chính được thiết kế sát chân núi cao nên có khả năng bị vùi lấp khi xảy ra sự cố trượt, sạt lở đất đá. Cần tiến hành chuyên đề nghiên cứu đánh giá sâu về tai biến địa chất và đề xuất các giải pháp phòng chống. Trước mắt cần xây dựng tường chắn đất đá sạt trượt vào tràn và có kế hoạch phá dỡ các tảng đá mỏ côi trên sườn núi (phá dỡ thủ công).

Các nội dung khác bao gồm:

- Nạo vét lòng hồ, kể cả vùng cao hơn mực nước chết.

- Đầu tư trang thiết bị đo mưa, mực nước, lưu lượng lũ về hồ, hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống quan trắc an toàn đập (dòng thấm trong thân đập, nứt thân đập, định vị xê dịch đập,...).

(2). Hồ Hòa Trung: Giải pháp nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Hòa Trung là ưu tiên nâng chiều cao đập qua đó tăng chiều cao cột nước qua tràn, xây dựng tràn sự cố ở vai phải đập. Các nội dung khác bao gồm:

- Nạo vét lòng hồ, kể cả ở vùng có cao trình cao hơn mực nước chết.

- Đầu tư trang thiết bị đo mưa, mực nước, lưu lượng lũ về hồ, hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống quan trắc an toàn đập (thấm qua thân đập, nứt và định vị xê dịch thân đập,...).

(3). Hồ Trước Đông: Giải pháp nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa Trước Đông là nâng chiều cao đập, tràn, mở rộng tràn xả lũ và 3 tràn phụ; trong đó có việc mở rộng khẩu độ thoát lũ của tràn phụ qua đường quản lý hồ. Các nội dung khác cũng tương tự như hồ Đồng Nghệ và hồ Hòa Trung.

(4). Hồ Bà Tràm: Giải pháp chính của việc nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Bà Tràm là:

- Gia cố chống thấm qua thân đập toàn bộ mái thượng lưu.

- Mở rộng khả năng xả lũ của đập.

- Xây dựng hệ rào chống thất thoát cá nuôi trong hồ theo hình thức bán nguyệt với bán kính tối thiểu $R_{\min} = 150\text{m}$ với tâm là đầu cống xả lũ ở phía thượng lưu đập. Thực tế đập đã phải trải qua nhiều lần đối diện với nguy cơ vỡ do hàng rào quá ngắn và gần cống nên bị bè rác cản trở thoát lũ qua cống.

(5). Hồ bơi Trường Quân sự Quân khu 5: Nằm trên địa bàn phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, hiện nay hồ chỉ còn làm nhiệm vụ huấn luyện bơi (Trước đây hồ phục vụ tưới cho 5ha ngay sát hạ du). Khu vực đô thị vùng cống Lò Voi, Cống Quỳnh và QL14B tại đây thuộc hạ du hồ thường xuyên bị ngập úng. Việc nâng cấp đảm bảo an toàn và tăng dung tích hồ bơi Trường Quân sự Quân khu 5 kết hợp với xây dựng mở rộng bầu Gia Thượng ở hạ du hồ sẽ cắt giảm mức độ ngập ở hạ du cùng với việc tạo ra không gian mặt nước, phục vụ tốt hơn hoạt động huấn luyện bơi của quân đội và cộng đồng, tăng dòng chảy môi trường ở hạ du,...

(6). Các hồ chứa còn lại: Do tác động của BĐKH, tình hình mưa trên thành phố có xu hướng diễn biến bất lợi, do đó cần thiết phải có kế hoạch đầu tư nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn cho tất cả các hồ chứa này.

b) Về đập dâng:

- Hệ thống thủy lợi An Trạch: Giải pháp chính của hệ thống đập tập trung chuyển đổi hệ thống cửa van lật tự động sang dạng van phẳng để tăng khả năng thoát lũ của đập, đồng thời có giải pháp chống mắc rác dồn ứ trước đập gây cản trở thoát lũ.

- Các đập dâng khác: Các đập dâng đều có quy mô nhỏ cần được nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn trên nguyên tắc đảm bảo phục vụ nông nghiệp đồng thời cũng đảm bảo an toàn, không cản trở thoát lũ của công trình. Ngoài ra, cần phải nghiên cứu xây dựng các đập dâng trên các trục tiêu để sử dụng hiệu quả nguồn nước.

c) Về hệ thống trạm bơm: Các giải pháp chính cho hệ thống trạm bơm là:

- Cải tạo 3 trạm bơm chính An Trạch, Bích Bắc và Túy Loan theo hướng:

+ Hạ thấp cao trình đáy bể hút đảm bảo hoạt động của các máy bơm khi mực nước sông bị hạ thấp.

+ Thay thế các chủng loại máy bơm phù hợp với điều kiện mới khi mực nước sông bị hạ thấp trong mùa khô và cao hơn trong mùa lũ, đảm bảo hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và an toàn.

- Trạm bơm phòng mặn An Trạch cấp nước cho nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay cũng phải được cải tạo theo hướng nêu trên.

- Cải tạo và mở rộng công suất của các trạm bơm chống hạn cuối kênh đồng thời thay thế chủng loại máy bơm phù hợp, nâng cao hiệu quả cấp nước.

d) Hệ thống kênh mương:

- Tiếp tục kiên cố hóa hệ thống kênh mương để hạn chế thiệt hại do mưa lũ và nâng cao hiệu quả sử dụng nước.

✓

- Đầu tư nạo vét, khơi thông, gia cố hệ thống kênh mương tiêu nước đầu nối vào hệ thống các trục tiêu thoát nước mưa chính tạo nên hệ thống tiêu thoát nước mưa, lũ hoàn chỉnh. Do kinh phí đầu tư cho nông nghiệp thấp nên công tác này từ trước đến nay không được chú trọng, dẫn đến năng suất cây trồng bị giảm mạnh, nhất là đối với cây trồng cạn bị ngập úng, giảm hẳn năng suất, chất lượng, thậm chí không tổ chức sản xuất được.

- Ngầm hóa các kênh gây cản trở thoát lũ: kênh N5 Đồng Nghệ từ QL14B đến sông Yên; đoạn đầu kênh chính trạm bơm An Trạch; đoạn đầu kênh chính trạm bơm Bích Bắc và một số đoạn kênh khác để giảm thiệt hại do mưa lũ và nhất là cản trở thoát lũ.

- Ngầm hóa hệ thống kênh tưới, kênh nội đồng.

2. Giải pháp phát triển nguồn nước

Quan điểm và cách thức tiếp cận mới về hệ thống thủy lợi trong hoạt động phát triển tài nguyên nước:

a) Về phục vụ nông nghiệp:

- Đáp ứng nhu cầu nước cho nông nghiệp.

- Tiết kiệm nước: Tưới tiết kiệm, tưới tiêu khoa học, tưới sử dụng nước chủ yếu theo giải pháp thu giữ nước hồi quy về các kênh tiêu, bầu ao từ hoạt động tưới và nuôi trồng thủy sản thâm canh; quản lý tưới tiêu hiệu quả từ nước mưa, giảm tổn thất nước trên đồng ruộng và kênh mương,...

- Có các giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi của thành phố.

b) Về phục vụ phi nông nghiệp:

- Phương án bảo vệ và khai thác sông Vu Gia - Thu Bồn nhằm đảm bảo nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp tại vùng hạ lưu sông Vu Gia - Thu Bồn thuộc 02 tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng:

Theo Báo cáo đề xuất hiện trạng và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, tình hình nguồn nước trong hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn như sau :

- Nguồn nước ở hạ lưu sông Vu Gia tại An Trạch trên hệ thống thủy lợi An Trạch: Sau khi phân bổ lượng nước đáp ứng cho các nhu cầu: nước sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp trong lưu vực hạ lưu sông Vu Gia tại huyện Đại Lộc và thị xã Điện Bàn; nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 6400 ha đất canh tác trong hệ thống thủy lợi An Trạch thuộc các địa phương Đại Lộc, Điện Bàn và Đà Nẵng thì lưu lượng nước có thể phân bổ cho sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp tại vùng thượng lưu đập An Trạch cho thành phố Đà Nẵng với tần suất P = 95% là 11,89 m³/s.

Bảng 2.1. Lượng nước có thể phân bổ tại nút đập dâng An Trạch trong kỳ quy hoạch

P (%)	Năm		Mùa kiệt		3 tháng kiệt		Tháng kiệt	
	Q(m ³ /s)	W(10 ⁶ m ³)	Q(m ³ /s)	W(10 ⁶ m ³)	Q(m ³ /s)	W(10 ⁶ m ³)	Q(m ³ /s)	W(10 ⁶ m ³)
Tại An Trạch								
50	32,49	1024,57	32,31	678,42	31,39	249,47	20,19	52,32
75	28,92	911,83	28,74	603,37	27,82	221,12	17,89	46,36
85	21,83	688,32	21,65	454,56	19,52	155,14	14,29	37,03
95	18,60	586,62	18,42	386,85	16,99	135,00	11,89	30,81

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng)

- Nguồn nước hạ lưu sông Thu Bồn: Lượng nước có thể phân bổ cho sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp sau khi đã phân bổ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp ở các địa phương Hiệp Đức, Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An và dòng chảy tối thiểu (Q dòng chảy tối thiểu = 27,7 m³/s) với tần suất $P = 95\%$ (năm thiếu nước nghiêm trọng) là 45,0 m³/s. Đây là lưu lượng lớn, gần gấp 4 lần so với lượng nước có thể phân bổ tại An Trạch. Ngoài ra, lưu lượng này chưa kể phần lưu lượng bổ sung từ sông Vu Gia thông qua sông Quảng Huế.

- Nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp tại thành phố Đà Nẵng: Năm 2021: 400.000m³/ngày (4,63 m³/s); năm 2025: 600.000m³/ngày (6,94 m³/s); năm 2030: 900.000m³/ngày (10,41 m³/s).

- Những khó khăn, thách thức của nguồn nước sông Vu Gia:

+ Nguy cơ cắt dòng sông Vu Gia dẫn đến tập trung nước chảy về sông Thu Bồn, gây thiếu nước nghiêm trọng ở Đà Nẵng. Năm 2001 đã xảy ra cắt dòng, tạo dòng sông mới tại xã Đại Cường, mãi 5 năm sau mới khắc phục được.

+ Sông Quảng Huế chuyển một phần nước sông Vu Gia về sông Thu Bồn, đang có xu hướng mở rộng và xói sâu lòng sông làm gia tăng lưu lượng về sông Thu Bồn.

+ Hệ thống thủy điện trên sông Vu Gia: Thủy điện Đắc Mi 4 chuyển gần một nửa lưu lượng sông Vu Gia trong mùa khô về sông Thu Bồn để phát điện. Các nhà máy thủy điện chỉ phát điện trong giờ cao điểm gây mất ổn định dòng chảy ở hạ lưu. Đặc biệt thủy điện sông Bung 5 chỉ hoạt động trung bình chỉ từ 4 - 6 l trong ngày.

+ Dòng chảy sông Ái Nghĩa:

Về lưu lượng: Theo thực tế và tính toán trong hoạt động quản lý tài nguyên nước và thủy lợi thì khi dòng chảy tại Ái Nghĩa nhỏ hơn 30 m³/s sẽ xuất hiện thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt ở hạ du bao gồm các huyện Đại Lộc, Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Số liệu quan trắc được trong 3 năm từ 2014-2016 có đến 7 tháng dưới 30 m³/s, tháng thấp nhất chỉ có 18,5 m³/s.

Về mực nước: sông Vu Gia chảy qua Ái Nghĩa rồi vào sông Yên, sông

Cầu Đỏ, sông Hàn. Ái Nghĩa là thượng lưu của đập An Trạch (sông Yên) và cách đập An Trạch khoảng 20km. Cao trình mực nước bình thường của đập An Trạch là +2,00 m, khi mực nước An Trạch thấp hơn 2,00m thì có khả năng xuất hiện thiếu nước ở hạ du. Số liệu quan trắc mực nước thấp nhất tại trạm Ái Nghĩa trong 5 năm gần đây, từ 2016-2020 cho thấy có đến 18 tháng có giá trị mực nước thấp hơn 2,0m. Giá trị mực nước thấp nhất chỉ đạt 1,64m. Mực nước ở An Trạch cần tối thiểu phải trên 1,8m, trong khi mực nước sông Ái Nghĩa ở thượng lưu cách đến 20km lại thấp hơn 2,0m. Điều này giải thích vì sao nhiều lúc bị thiếu nguồn nước tại An Trạch để bơm về nhà máy nước Cầu Đỏ. Thậm chí, có lúc trạm bơm An Trạch không hoạt động được do mực nước tại đây quá thấp.

Qua các phân nêu trên có thể thấy :

- Trước năm 2030, nguồn nước sông Vu Gia phân bổ cho nước sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng tại đập An Trạch trong nhiều thời gian sẽ không đáp ứng được. Cụ thể: nguồn nước phân bổ là 11,89 m³/s, đây là số liệu trung bình trong tháng. Điều này có nghĩa là có nhiều ngày trong tháng có khả năng lên đến 18 m³/s, ngược lại sẽ có nhiều ngày chỉ còn khoảng 6m³/s. Trong khi nhu cầu nước vào năm 2030 là 10,41m³/s - 2,80m³/s (của sông Cu Đê) = 7,61 m³/s.

- Sau năm 2030, mức độ thiếu nước sẽ rất nghiêm trọng, do nhu cầu nước đã tăng lên đến 15,05m³/s, trong khi nguồn nước luôn chỉ dừng lại ở mức 11,89m³/s.

- Việc quy hoạch điều tiết nguồn nước sông Thu Bồn làm nguồn nước sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó nêu rõ “người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, đặc biệt an toàn trước thiên tai”.

Trên cơ sở đó quy hoạch nguồn nước chính của thành phố Đà Nẵng sẽ phải là nguồn nước sông Thu Bồn. Xây dựng lộ trình chuyển dần nguồn nước phù hợp với nhu cầu và mức độ ô nhiễm nguồn nước đồng thời với giải pháp bố trí công trình tương ứng:

- Từ năm 2025: Không còn sử dụng nguồn nước sông Vu Gia tại Cầu Đỏ.

- Từ năm 2030: Sử dụng đồng thời nguồn nước sông Vu Gia tại An Trạch và sông Thu Bồn tại Đại Hòa.

Bên cạnh giải pháp xác định nguồn nước nêu trên, trong hoạt động phát triển nguồn nước cần có các giải pháp sau:

- Khai thác sử dụng tài nguyên nước đa mục tiêu, kết hợp với phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy, phục vụ cảnh quan môi trường, du lịch, nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao, duy trì và phát triển dòng chảy hạ du, lập lộ trình dừng hoạt động cấp nước của một số công trình nhỏ, dành nước và không gian mặt nước cho môi trường.

- Xác định nguồn nước dự phòng của thành phố.
- Về các phương án điều tiết nước giữa sông Vu Gia - Thu Bồn khác:

+ Phương án phòng chống nhiễm mặn sông Vĩnh Điện: tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã thống nhất chủ trương đắp đập tạm trên sông Vĩnh Điện tại Tứ Câu để khắc phục tình trạng xâm nhập mặn. Việc chuyển đổi hình thức đập tạm ngăn mặn Tứ Câu trên sông Vĩnh Điện trong tương lai thành đập vĩnh cửu cần phải được nghiên cứu đánh giá đầy đủ nhiều mặt về phát triển kinh tế, dân sinh và môi trường. Trong tương lai gần diện tích đất trồng lúa và sản xuất nông nghiệp ở Đại Lộc, Điện Bàn và thành phố Đà Nẵng sẽ bị giảm đi đáng kể. Trong khi với việc xây dựng đập vĩnh cửu sẽ gia tăng tác động của lũ lụt, ảnh hưởng đến môi trường và làm mất đi tuyến đường thủy, đặc biệt là tuyến du lịch sông Hàn - Vĩnh Điện - Thu Bồn (lên đến Trung Phước, Nông Sơn).

+ Về nguồn nước sinh hoạt cho thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An: Hiện nay sông Vĩnh Điện là nguồn nước chính cho việc cấp nước sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp cho thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An. Trong tương lai gần thị xã Điện Bàn sẽ trở thành đô thị lớn, mức độ ô nhiễm trên sông Vĩnh Điện sẽ bị gia tăng mạnh, việc lấy nước ngay tại trung tâm đô thị lớn làm nguồn nước sinh hoạt sẽ không còn hợp lý. Ngoài ra, tình hình xâm nhập mặn trên sông Vĩnh Điện gần như không thể ngăn chặn được khi mặn xâm nhập sâu trên sông Thu Bồn, vượt qua Cầu Lâu vào đầu sông Vĩnh Điện. Mặn xâm nhập vào cả đầu sông và cuối sông, lúc này đập ngăn mặn Tứ Câu bị mất tác dụng. Hiện tượng này đã xuất hiện một số lần trong những năm gần đây. Do đó, cần nghiên cứu chuyển đổi vị trí lấy nước trên sông Thu Bồn cấp cho thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An trong tương lai.

+ Về điều tiết dòng chảy sông Quảng Huế: Để hạn chế tác động do thiếu nước ở hạ du sông Vu Gia, tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã thống nhất nâng cao trình đập Quảng Huế bằng hình thức tạm (bằng bao cát được cuốn trôi khi có lũ trên sông, hạn chế tác động cản trở lũ). Việc xây dựng đập vĩnh cửu trên sông Quảng Huế trong tương lai cũng cần được nghiên cứu, đánh giá đầy đủ các tác động về kinh tế và môi trường, nhất là tác động cản trở thoát lũ và duy trì dòng sông nguyên vẹn sông Tranh (tên gọi khác là sông Giăng), là sông duy nhất còn lại của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn được thông suốt từ thượng nguồn qua cửa sông ra biển.

+ Cần phải có phương án bảo vệ và khai thác sông Vu Gia - Thu Bồn nhằm đảm bảo nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp tại vùng hạ lưu sông thuộc 2 tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Phương án bảo vệ, khai thác sông Vu Gia - Thu Bồn phải đảm bảo tuân thủ theo quy định vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông do Thủ tướng Chính phủ ban hành, cụ thể:

Giám sát quá trình vận hành điều tiết của hệ thống hồ chứa thủy điện trên thượng nguồn theo Quy trình vận hành liên hồ chứa sông Vu Gia - Thu Bồn đã được phê duyệt tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019. Có ý kiến phản hồi ngay khi thấy xuất hiện sự vận hành không đúng quy định, gây ảnh hưởng tới khả năng khai thác, sử dụng nước trên lưu vực, đặc biệt là tại

khu vực hạ du.

Thường xuyên tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước; Chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, trong đó xác định rõ yêu cầu cung cấp thông tin, tham vấn giữa hai địa phương về việc phát triển các dự án gây tác động đến trữ lượng, chất lượng nước của sông Vu Gia và sông Vĩnh Điện.

Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp giữa Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đà Nẵng với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Nam và Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trong việc khai thác sử dụng nước trên hệ thống thủy lợi An Trạch.

UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng tiếp tục hợp tác trong vấn đề quản lý, sử dụng nước hợp lý trên lưu vực; phối hợp để xây dựng cơ chế cung cấp thông tin nguồn nước và cơ chế phối hợp quản lý, vận hành điều tiết nước trong hệ thống để đáp ứng các nhu cầu dùng nước của các bên.

Xây dựng cơ chế, giải pháp phối hợp giữa UBND thành phố Đà Nẵng với UBND tỉnh Quảng Nam trong việc kiểm soát dòng chảy từ sông Vu Gia sang sông Thu Bồn qua đập Quảng Huế.

Phối hợp với tỉnh Quảng Nam và các chủ hồ thủy điện đánh giá hiệu quả và các tồn tại của quy trình vận hành liên hồ, đề xuất với Bộ Công thương và Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, hoàn thiện quy trình khi cần thiết.

Xây dựng các phương án cấp nước an toàn cho thành phố Đà Nẵng xem xét phù hợp với phương án cấp nước cho vùng hạ du Vu Gia - Thu Bồn theo Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Nam.

Phục hồi rừng phòng hộ thượng nguồn các lưu vực hồ chứa: Rừng phòng hộ đầu nguồn nhằm tăng cường khả năng điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hồ chứa nước, hạn chế lũ lụt, giảm xói mòn, bảo vệ đất, hạn chế bồi lấp các lòng hồ và khu vực hạ du.

Các địa phương, đơn vị, tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng nước tiết kiệm; phổ biến các phương pháp tưới tiết kiệm, khoa học nhằm tiết kiệm nước. Vận động nhân dân tích cực tham gia làm thủy lợi, nạo vét phát dọn kênh mương, sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, tận dụng tối đa nguồn nước hiện có.

Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp giữa thành phố Đà Nẵng với tỉnh Quảng Nam và các chủ hồ thủy điện trong việc thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, thực hiện quyền giám sát việc xả nước phát điện của các chủ hồ thủy điện trong lưu vực sông Vu Gia theo quy trình và theo cơ chế phối hợp.

- Các công trình cấp nước:

+ Nhà máy nước, công suất và nguồn nước:

Năm 2025:

Nhà máy nước	Công suất (m ³ /ngày)	Nguồn nước
Cầu Đỏ	390.000	Sông Vu Gia
Sân Bay	30.000	Sông Vu Gia
Hoà Liên	240.000	Sông Cu Đê
Hoà Trung	10.000	Sông Cu Đê
Sơn Trà	7.000	Suối Sơn Trà
Suối Lương	5.000	Suối Hải Vân
Tổng công suất	682.000	

Tổng công suất 682.000 m³/ngày, cụ thể:

Năm 2022: Mở rộng công suất nhà máy nước Cầu Đỏ từ 210.000 m³/ngày lên 390.000 m³/ngày; Mở rộng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000 m³/ngày lên 390.000 m³/ngày.

Năm 2023: Xây dựng đập sông Bắc có sức chứa 5,8 triệu m³ (hoặc có thể bằng một số đập bậc thang trên sông Bắc có tổng dung tích tương đương) để bổ sung nước cho đập Nam Mỹ.

Năm 2024: Hoàn thành nhà máy nước Hoà Liên giai đoạn 2, mở rộng công suất từ 120.000 m³/ngày lên 240.000 m³/ngày; Bắt đầu xây dựng nhà máy nước Hoà Phước với các hạng mục chính: Trạm bơm nước thô 120.000 m³/ngày, đường ống nước thô từ An Trạch về Hoà Phước và trạm xử lý Hoà Phước.

Năm 2025: Bắt đầu thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án khai thác nước sông Thu Bồn tại đầu cầu phía Bắc cầu Giao Thủy làm nguồn nước sinh hoạt của thành phố Đà Nẵng: lập dự án, thiết kế, đền bù, giải toả, giải phóng mặt bằng...

Năm 2030:

Nhà máy nước	Công suất (m ³ /ngày)	Nguồn nước
Cầu Đỏ	400.000	Sông Vu Gia
Sân Bay	30.000	Sông Vu Gia
Hoà Phước	120.000	Sông Vu Gia
Hoà Liên	240.000	Sông Cu Đê
Hoà Trung	10.000	Sông Cu Đê
Tổng công suất	800.000	

Tổng công suất: 800.000 m³/ngày, cụ thể:

Năm 2026: Hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy nước Hoà Phước 120.000 m³/ngày với các hạng mục chính: Trạm bơm nước thô tại An Trạch lấy nước sông Yên; đường ống dẫn nước thô từ An Trạch về Miếu Bông, Hoà Phước; nhà máy nước Hoà Phước và hệ thống đường ống phân phối nước sạch.

✓

Năm 2028: Thực hiện đầu tư dự án khai thác nước sông Thu Bồn cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Nẵng với các hạng mục chính: Trạm bơm nước thô công suất 1.000.000 m³/ngày, đường ống dẫn nước từ trạm bơm về An Trạch và bể chứa trung gian An Trạch cấp cho các nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay và Hoà Phước. Hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2031.

Năm 2029: Kết thúc khai thác nước tại các Suối Tình, Suối Đá, Hồ Xanh (Sơn Trà) và Suối Lương (Hải Vân, Liên Chiểu) để sử dụng nguồn nước cho môi trường, cảnh quan và du lịch.

Năm 2030: Triển khai dự án mở rộng nhà máy nước Hoà Phước từ 120.000 m³/ngày lên 240.000 m³/ngày để năm 2032 đưa vào sử dụng.

+ Công trình hồ chứa:

Hồ Hòa Trung (đã xây dựng): ngoài việc cấp nước cho nông nghiệp còn tham gia cấp nước 10.000 m³/ngày cho khu công nghệ cao. Từ năm 2030, khi có sự tham gia của nguồn nước sông Thu Bồn sẽ ưu tiên cho hoạt động phát triển nguồn nước với mục đích cảnh quan, môi trường, du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị chuyên gia và cung cấp dòng chảy tạo không gian mặt nước cho khu công nghệ cao và các đô thị Golden Hill, Hòa Liên, Hòa Hiệp Nam ở hạ du hồ.

Hồ Nam Mỹ: đã hoàn thành xây dựng năm 2022. Hồ có công trình đập dâng với chiều cao thấp nhất nên có tên gọi khác là đập dâng Nam Mỹ, dung tích 2 triệu m³. Diện tích lưu vực hồ là 260 km² bao gồm toàn bộ hai nhánh sông chính của sông Cu Đê là sông Nam và sông Bắc. Khả năng cung cấp của hồ là 120.000 m³/ngày cho nhà máy nước Hòa Liên. Từ năm 2024 sẽ mở rộng công suất cấp nước của hồ lên 240.000 m³/ngày với việc xây dựng một số hồ chứa nhỏ trên sông Bắc.

Cụm hồ chứa nhỏ trên sông Bắc: năm 2023 xây dựng mới cụm hồ chứa nhỏ trên sông Bắc với tổng dung tích 5,8 triệu m³. Các hồ nhỏ này đều có hạng mục đập dâng thấp, kết cấu bê tông cốt thép, có thiết kế đơn giản, tràn trên thân đập.

+ Công trình đập dâng:

Đập dâng An Trạch: đã được xây dựng, đảm nhận nhiệm vụ cấp nước nông nghiệp và nước thô cho nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay và Hoà Phước.

Đập Quảng Huế: Trước tình hình thiếu nước ở hạ du sông Vu Gia trong những năm gần đây xảy ra nghiêm trọng, UBND tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã thống nhất nâng cao thêm cao trình đỉnh tràn của đập lên +3,20m bằng bao cát tạm để tăng lưu lượng sông Vu Gia về sông Ái Nghĩa.

Đập tạm sông Cẩm Lệ: Từ nay đến năm 2025, khi nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn nặng sẽ tiến hành xây dựng đập tạm bằng cừ thép Larsen trên sông Cẩm Lệ và được tháo dỡ trước mùa mưa. Từ sau năm 2025 chấm dứt hoạt động của đập tạm này.

+ Các trạm bơm:

✓

Trạm bơm phòng mặn An Trạch: đã xây dựng từ năm 2001 với công suất 210.000 m³/ngày. Năm 2023 cải tạo và mở rộng công suất lên 400.000 m³/ngày.

Trạm bơm nước thô Nam Mỹ: đang xây dựng, có nhiệm vụ bơm nước thô từ hồ Nam Mỹ về nhà máy nước Hòa Liên, giai đoạn đầu 120.000 m³/ngày. Năm 2027 mở rộng công suất lên 240.000 m³/ngày.

Trạm bơm An Trạch 2: đưa vào hoạt động sau năm 2025, có nhiệm vụ ở giai đoạn đầu bơm nước thô từ sông Yên ở thượng lưu đập An Trạch; ở các giai đoạn sau bơm chuyển tiếp nước thô từ sông Thu Bồn bởi trạm bơm Đại Hòa về nhà máy nước Hòa Phước.

Trạm bơm nước thô Đại Hòa: xây dựng mới, dự kiến đặt tại xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đưa vào hoạt động từ năm 2030, bơm nước sông Thu Bồn về An Trạch.

- Các công trình tham gia phát triển nguồn nước khác:

+ Các hồ chứa khác có thể tham gia phát triển nguồn nước gồm: hồ điều hòa Hòa Liên, hồ Đồng Nghệ; Truong Đá Bạc, Hòa Khê, hồ Xanh. Ngoài ra, có thể xem xét quy hoạch một số hồ chứa nhỏ ở các chân núi Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hải Vân, Phước Tường - An Ngãi, Năm Hố, Bà Nà,....

+ Sông Cổ Cò: cùng với tỉnh Quảng Nam sớm hoàn thành dự án khơi thông sông Cổ Cò - Đê Võng nối cửa Hàn với cửa Đại. Đây là hệ thống đầm phá lớn điều tiết phòng lũ, chứa lũ cho cả vùng đồng bằng ven biển rộng lớn từ Đà Nẵng đến Hội An. Sông Cổ Cò - Đê Võng sẽ góp phần phát triển kinh tế xã hội lớn cho 02 địa phương Đà Nẵng và Quảng Nam.

+ Xây dựng các hệ thống đập dâng trên các trục tiêu thoát nước để tái sử dụng nước, tận dụng nước mưa, tạo không gian mặt nước,... như: trục tiêu sông Tây Tịnh, trục tiêu sông Phước Hưng, trục tiêu Phước Thuận, trục tiêu các xã Hòa Phong, Hòa Khương, trục tiêu sau hồ Hòa Trung,...

+ Tăng diện tích và số lượng các hồ điều hòa khi xây dựng các khu đô thị mới.

3. Định hướng phát triển thủy lợi nội đồng

- Nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới, thích ứng với điều kiện BĐKH.

+ Với diện tích trồng lúa: Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng thủy lợi gắn với xây dựng đường giao thông nội đồng, đôn điền, đổi thửa, san phẳng đồng ruộng để có thể áp dụng phương thức canh tác tiên tiến; tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn, thúc đẩy cơ giới hóa, góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí bón phân, thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao thu nhập của người dân.

+ Với diện tích đất chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hoặc canh tác kết hợp: Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, để có thể áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến thích hợp.

- Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, ứng dụng công nghệ xây dựng công trình thu trữ nước, bổ cập nước ngầm cho các vùng miền núi, vùng khan hiếm nước.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, tích trữ nước phân tán ở vùng cuối kênh, vùng thường xuyên bị thiếu hụt nguồn nước, trên các trục kênh tiêu,...; hoàn thiện công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Xây mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm tưới - tiêu, cống tiêu, nạo vét kênh mương đảm bảo tưới, tiêu thoát nước chủ động.

II. CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

1. Chính sách, cơ chế về thủy lợi

Tăng cường thực thi pháp luật, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thủy lợi bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, nâng cao nhận thức của xã hội về pháp luật thủy lợi. Trong đó, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan của Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 tại Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ liên quan của Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thủy lợi: Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác quản lý nhà nước về thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn. Ở cấp huyện có Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thực hiện chức năng tham mưu cho chủ tịch UBND quận, huyện quản lý nhà nước về thủy lợi. Ở cấp xã, phường có quản lý công trình thủy lợi, sản xuất nông nghiệp thì bố trí cán bộ phụ trách về lĩnh vực thủy lợi để thống kê, tổng hợp.

d) Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Nghị định, Thông tư hướng dẫn luật; tham mưu trình UBND thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai.

đ) Tập trung đẩy mạnh hiện đại hóa, nâng cao năng lực quản lý các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH; đảm bảo an toàn đê điều, đập, hồ chứa nước; quản lý tưới tiêu trong hệ thống thủy lợi theo cách từ đầu môi đến mặt ruộng.

e) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách lĩnh vực thủy lợi đồng bộ, thống nhất, tạo động lực khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động thủy lợi, huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển thủy lợi.

g) Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi.

h) Triển khai thực hiện đồng bộ chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với đặc thù vùng miền, đối tượng sử dụng dịch vụ; nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các bên liên quan; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

i) Rà soát, bổ sung xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực thủy lợi.

k) Tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác thủy lợi; hướng dẫn thi hành pháp luật về thủy lợi, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan.

l) Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp phương thức truyền thống với tuyên truyền qua mạng xã hội; lồng ghép nội dung thủy lợi vào một số chương trình giảng dạy.

2. Áp dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong công tác tưới, tiêu

a) Tiến hành chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng phù hợp với BĐKH: (i) Sản xuất lúa giống trung ngắn ngày để thích nghi với tác động của BĐKH (ii) Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích lúa không đảm bảo nước tưới, sản xuất bắp bệnh sang trồng các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế hơn như cây dưa hấu, đậu xanh, mè, ngô, rau, hoa, ...

b) Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh “Đề án Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ, sinh thái bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030”.

c) Thực hiện, lồng ghép trong kế hoạch sản xuất hàng vụ, hàng năm của địa phương; triển khai rà soát, lập quy hoạch chi tiết tại các lưu vực sông và vùng phụ cận; lồng ghép giải pháp công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (như tưới nhỏ giọt, tưới phun sương tại gốc, ...) vào Kế hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

d) Thực hiện đồng bộ những thể chế, chính sách thúc đẩy áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, địa phương ưu tiên các dự án, doanh nghiệp đạt tiêu chí ứng dụng công nghệ cao hưởng chính sách theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và quy định có liên quan khác của Nhà nước; hỗ trợ áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước thông qua việc lồng ghép với một số chương trình, dự án từ đó nhân rộng ra ở các địa phương.

đ) Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị để áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, tham quan thực tế một số mô hình đã xây dựng thành công tại địa phương trên địa bàn thành phố (khu ứng dụng công nghệ cao Hòa Vang - Đà Nẵng).

e) Thường xuyên phổ biến tới các cá nhân, đơn vị về Kế hoạch hành động phát triển công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, phục vụ tái cơ cấu ngành thủy lợi.

g) Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho các vùng rau, cây ăn quả trên địa bàn thành phố để giúp tiết kiệm nguồn nước và nâng cao năng suất cây trồng trong điều kiện thời tiết ngày càng khô hạn như hiện nay.

h) Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến theo hướng tiết kiệm chi phí đầu vào (giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật...) như ICM, IPM, lúa hữu cơ để giảm mức độ phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.

i) Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật xử lý phụ phẩm sau thu hoạch để làm phân hữu cơ vi sinh nhằm hạn chế tối đa đốt, vùi... gây phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.

3. Các giải pháp khác

a) Củng cố tổ chức quản lý thủy nông cơ sở

- Kiện toàn các tổ chức quản lý nhà nước, quản lý khai thác công trình thủy lợi từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã, liên xã; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

- Kiểm tra, rà soát hệ thống kênh của các công trình thủy lợi để phân cấp cụ thể từ công đầu kênh thuộc địa phương hoặc các tổ chức quản lý khai thác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Rà soát, củng cố, tổ chức hợp tác xã, thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp tác, bình đẳng, đồng sở hữu, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên hợp tác xã nhằm mang lại lợi ích cho các thành viên; đồng thời tổ chức quản lý thủy nông cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Căn cứ vào đặc thù của các địa phương và quy mô hệ thống công trình thủy lợi để đề xuất các mô hình tổ chức khác nhau nhằm phát triển bền vững thủy nông cơ sở: Ban Quản lý thủy nông cấp huyện, Hợp tác xã đa dịch vụ, hợp tác xã chỉ làm dịch vụ nước,

- Chuyển đổi căn bản cơ chế hoạt động của công tác quản lý khai thác từ cơ chế giao kế hoạch sang cơ chế đặt hàng theo định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi hoặc đấu thầu quản lý khai thác.

b) Tuyên truyền, đổi mới tư duy, nhận thức và hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn.

c) Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả.

d) Đổi mới, tổ chức lại sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiệu quả kinh tế cao.

đ) Đổi mới cơ cấu đầu tư công, thu hút nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn và đầu tư hoàn thiện hạ tầng phục vụ nông nghiệp tích hợp đa giá trị, phát triển nông thôn hiện đại, bền vững.

e) Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề lao động nông nghiệp, nông thôn.

g) Phát triển thị trường, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp.

h) Phát triển kinh tế nông thôn và nông thôn mới phù hợp với đô thị, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, giữ gìn văn hóa truyền thống, phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn.

i) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, chủ động thích ứng với BĐKH, quản lý rủi ro thiên tai.

k) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

D. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI HẠ TẦNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHỦ YẾU

1. Về neo đậu trú bão lũ cho tàu thuyền

a) Lập đề án xây dựng, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão tại âu thuyền Thọ Quang: hệ thống phao neo, cọc trụ neo, các phương tiện chống va đập, hệ thống đường bao âu thuyền phục vụ chữa cháy, cứu nạn.

b) Quy hoạch mở rộng khu trú bão Thọ Quang ở bờ Tây luông vào âu thuyền kết hợp làm bến neo đậu cho tàu thuyền công suất lớn trong thời điểm mưa bão.

2. Về tàu thuyền đánh bắt ven bờ, xa bờ

a) Có kế hoạch hỗ trợ về tài chính để thay thế mới đội tàu đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ tiên tiến quản lý tàu thuyền.

b) Phối hợp với Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng xây dựng phương án điều tiết tàu cá di chuyển đến các địa phương khác neo đậu, tránh trú ứng với các tình huống bão; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khi tàu xuất bến, kiên quyết không cho đi hoạt động đối với các tàu cá không đăng ký, đăng kiểm và không đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định. Nắm chắc số lượng tàu thuyền trên các ngư trường, theo dõi và cập nhật tình hình thời tiết đặc biệt khi

có thời tiết xấu (bão, áp thấp nhiệt đới) thông báo, yêu cầu các tàu về bờ và tìm nơi neo đậu an toàn.

c) Khuyến khích ngư dân khai thác theo tổ, đội để tăng thời gian bám biển, tiết kiệm chi phí di chuyển ngư trường. Nhân rộng các mô hình tổ đội ngư dân sản xuất trên biển, duy trì củng cố hoạt động của các tổ, đội đã có, phát triển thêm các tổ đoàn kết trong khai thác hải sản để giúp nhau trong khai thác và khắc phục rủi ro trên biển.

d) Thực hiện tốt công tác đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản theo đúng quy định, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên; khai thác hiệu quả hoạt động của hệ thống trạm bờ và hệ thống giám sát tàu cá để phối hợp giải quyết tốt các vấn đề có liên quan.

đ) Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân ứng phó hiệu quả với thiên tai trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục triển khai thực hiện đào tạo thuyền viên, thuyền trưởng máy trưởng, thợ máy tàu.

e) Tuyên truyền và phổ biến kiến thức phòng chống bão, nghiệp vụ đảm bảo an toàn đi biển, kỹ năng sơ cấp cứu và các quy định về báo hiệu, cảnh giới khi hành trình và đánh bắt hải sản trên biển, cung cấp cho ngư dân các thông tin về tần số liên lạc, điện thoại của các cơ quan có chức năng phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn để ngư dân liên lạc khi có sự cố xảy ra.

g) Tuyên truyền, giám sát chủ tàu, thuyền trưởng đảm bảo trang bị đủ thiết bị thông tin liên lạc, phao cứu sinh và vận hành, sử dụng theo quy định; tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá.

h) Chỉ đạo, theo dõi các cơ quan chức năng (Đài Thông tin Duyên hải; Trung tâm Phối hợp Tìm kiếm, Cứu nạn Hàng hải khu vực II; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố,...) theo chức năng, nhiệm vụ kịp thời hỗ trợ tàu cá, cung cấp kịp thời bản tin dự báo thời tiết cho tàu cá đảm bảo hoạt động trong ngư trường an toàn.

3. Về hệ thống công trình thủy lợi

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; Chủ trì triển khai Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai.

b) Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các hồ chứa nước (bậc thang) trên lưu vực sông Cu Đê, Túy Loan; Xây dựng các đập dâng trên các tuyến sông, kênh tiêu nước kết hợp thoát lũ để sử dụng hiệu quả nguồn nước.

c) Tập trung đẩy mạnh hiện đại hóa, nâng cao năng lực quản lý các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH; đảm bảo an toàn đề điều, đập, hồ chứa nước; quản lý tưới tiêu trong hệ thống thủy lợi theo cách từ đầu mối đến mặt ruộng.

d) Triển khai các hệ thống, ứng dụng thông minh để nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai; lắp đặt, xây dựng hệ thống

giám sát, quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai (thiết bị tự động quan trắc mưa, độ mặn, mực nước, thiết bị giám sát, cảnh báo ở các khu vực bị ngập sâu).

đ) Đầu tư đồng bộ, hoàn thiện hạ tầng công trình thủy lợi, đê kè, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn gắn với bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước; Chú trọng đảm bảo nguồn nước tưới cho các vùng chuyên canh rau an toàn, vùng trồng hoa, cây màu và nuôi trồng thủy sản. Tập trung thực hiện các giải pháp để xử lý các trọng điểm về sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển và ổn định dân cư vùng thiên tai.

- Kè sông: Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống kè sông, đảm bảo phòng chống lụt bão đến năm 2030 chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất P=1%;

- Kè biển: Tiến hành nâng cấp và xây dựng mới hệ thống kè biển, đảm bảo phòng chống lụt bão đến năm 2030 chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất P=1%, đồng thời có tính đến hiện tượng nước biển dâng.

4. Các vùng nông nghiệp công nghệ cao

Phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao tại các vùng ít bị ảnh hưởng lũ tại các xã Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Phú và Hòa Ninh. Hạ tầng cơ sở nhà kính, nhà lưới,... phải đảm bảo an toàn trước bão mạnh và mưa lớn.

5. Về rừng phòng hộ và sản xuất

a) Giữ nguyên hiện trạng các khu vực vành đai cây xanh phòng hộ hiện có. Đối với các khu vực chưa có, cần bố trí các vành đai cây xanh phòng hộ ven biển. Bảo tồn và phát triển rừng phòng hộ. Thực hiện công tác phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng.

b) Quy hoạch thay thế rừng sản xuất với cây trồng làm nguyên liệu giấy bằng cây lấy gỗ lâu năm; Khoanh nuôi chuyên hóa cây bản địa thành rừng giống để hình thành nguồn giống tại chỗ phục vụ công tác phát triển trồng rừng. Khuyến khích hỗ trợ cho nhân dân thực hiện trồng mới cây gỗ lớn, cây phân tán, rừng kinh tế,...

c) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện vật tư trong phòng cháy, chữa cháy rừng và rà soát những vị trí nguy hiểm, có khả năng gây mất an toàn để có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn cho người và công trình, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Tăng cường kiểm tra, có phương án đảm bảo hệ thống cung cấp nước cho chữa cháy rừng vào mùa khô khi có tình huống cháy. Đồng thời đảm bảo an toàn cho công trình để phòng chống, ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trong mùa mưa bão. Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp, đảm bảo vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nhân lực theo phương châm "4 tại chỗ" để kịp thời ứng phó với mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra.

đ) Nâng cao năng lực bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống thiên tai cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Tăng cường công tác thông tin truyền thông, truyền tải thông tin chính xác; tập trung

tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức hiểu biết kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng, doanh nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động chấp hành pháp luật về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng, chống thiên tai. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng đối với địa phương, đơn vị, chủ rừng; nhất là những đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh trong rừng, gần rừng.

6. Các khu vực khai thác khoáng sản đã đóng cửa

Quy hoạch trồng cây xanh, hoàn thổ (không tạo thành hồ chứa nước nhân tạo) tại các khu vực khai thác khoáng sản đã ngừng khai thác.

7. Về nhà ở tại các vùng nguy hiểm bởi thiên tai

a) Tiếp tục triển khai chương trình nhà ở, phổ biến các mô hình nhà ở chi phí thấp an toàn trước gió bão; hướng dẫn, tập huấn công tác sửa chữa, gia cố nhà ở đảm bảo an toàn; xây dựng bổ sung công trình kết hợp sơ tán dân cho các khu vực dân cư hiện trạng nằm trong vùng ngập lũ, khu vực tập trung nhà chưa kiên cố. Đề xuất giải pháp, đến năm 2030 trên địa bàn thành phố đạt trên 90% nhà kiên cố.

b) Thường xuyên kiểm tra, phương án phòng, chống gió bão đối với công trình có sử dụng cần trục tháp. Đảm bảo thực hiện đầy đủ biện pháp neo giằng, hạ tháp theo phương án bảo đảm an toàn cần trục tháp đã được lập và tuân thủ nghiêm túc Chỉ thị số 02/CT-BXD ngày 20/6/2017 của Bộ Xây dựng, Quy chuẩn QCVN 18:2014/BXD về an toàn xây dựng.

c) Quy hoạch các khu tái định cư và xen ghép tái định cư với các quy hoạch dân cư đô thị cho các hộ dân sống ở vùng nguy hiểm bởi sạt lở bờ sông, ngập lụt sâu, lũ quét, sạt lở đất đá đồi núi. Hoàn thành trước năm 2025, cụ thể: Dự án tái định cư vùng lũ quét nặng và sạt lở sông Túy Loan và vùng trượt sạt đất đá đồi núi xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang; Dự án tái định cư vùng lũ quét, ngập lũ sâu sông Túy Loan các xã Hòa Nhơn, Hòa Ninh, Hòa Phong huyện Hòa Vang; Dự án tái định cư vùng lũ quét, ngập sâu sông Cu Đê tại các thôn Giàn Bí (cầu Sập), Nam Mỹ, Lộc Mỹ, Nam Yên thuộc xã Hòa Bắc.

d) Lập đề án tăng cường khả năng chống chịu với thiên tai, bão lũ cho nhà ở của nhân dân.

đ) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các nhà cộng đồng trú tránh thiên tai tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai (Ưu tiên các địa phương chưa có hoặc có nhà cộng đồng các xã: Hoà Phú, Hoà Phong, Hoà Bắc huyện Hòa Vang; các phường Hòa Khánh Nam, Hòa Khánh Bắc quận Liên Chiểu; các phường Thanh Khê Tây, Thanh Khê Đông quận Thanh Khê). Lập đề án xây dựng bổ sung nhà trú ẩn đa năng cộng đồng trên địa bàn huyện Hòa Vang.

8. Về cây xanh

Tăng cường công tác bảo vệ cây xanh nhằm hạn chế nắng nóng và giảm thiểu rủi ro trong mùa mưa bão:

a) Kiểm soát, hạn chế trồng cây đô thị khi trồng cây đã có kích thước lớn, rễ cọc hạn chế, rễ thứ cấp ít do khả năng bám giữ đất yếu, tán lá phát triển quá nhanh, hệ rễ không đủ sức giữ cây ổn định khiến cây xanh dễ bị ngã đổ khi có mưa kéo dài kèm theo gió lớn gây mất an toàn cho người đi đường và hệ thống điện, viễn thông.

b) Tổ chức công tác cắt tỉa cành, nhánh; chằng, chống cây xanh đúng kỹ thuật để phòng chống gió bão đảm bảo yêu cầu để chống chịu với các cơn bão có cấp độ lớn (cấp 12 trở lên). Tổ chức cưa, cắt ngọn cây, hạn chế phát triển chiều cao của cây để tăng mức độ chống gãy đổ cây xanh, đặc biệt cây xanh phòng hộ ven biển cần phải được cắt ngọn vì phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão (ngoại trừ các loại cây họ dừa, cọ và một số cây khác).

c) Tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ cây xanh, không búp, rút cọc chống khiến cây xanh đã được chống dựng dễ bị ngã đổ.

d) Ngoài việc phát triển rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất trồng cây lâu năm lấy gỗ; phát triển cây xanh trong đô thị cũ, các đô thị mới, trên núi Phước Tường - An Ngãi, Năm Hố; tập trung phát triển cây xanh trong hành lang thoát lũ như thiết lập công viên tuyến tính dọc theo hai bờ sông của các con sông: Cu Đê, Cầu Đỏ, Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Túy Loan, Yên, Quá Giáng.

9. Về giao thông

a) rà soát lại hệ thống cầu, công các tuyến giao thông có hướng vuông góc dòng chảy đã xây dựng và quan tâm đánh giá cụ thể, chi tiết tác động của các dự án phát triển giao thông, hạ tầng nằm trong khu vực thấp trũng thuộc các huyện Hòa Vang (xã Hòa Tiến, Hòa Nhơn, Hòa Phong, Hòa Khương, Hòa Châu, Hòa Phước); quận Cẩm Lệ (Hòa Thọ Đông, Hòa Xuân); quận Ngũ Hành Sơn (Hòa Quý) theo Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn 2045, cụ thể: Tuyến đường sắt; đường ven sông Tuyên Sơn - Túy Loan; các dự án đường bộ kết nối khu vực: cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, cao tốc Túy Loan - Cam Lộ, các tuyến đường ngang nối Quốc lộ 14B, ADB5 (Hòa Tiến - Hòa Phong), Vành đai phía Nam (Hòa Phước-Hòa Khương), Vành đai phía Tây 1 và 2, các tuyến đường các xã thuộc huyện Hòa Vang.

b) Rà soát hệ thống cầu, công tuyến đường số 1 nối từ đường ĐH4 đến đường Hòa Thọ Tây - Hòa Nhơn, tuyến đường số 2 nối từ đường vành đai phía Nam đến đường Hòa Thọ Tây - Hòa Nhơn, đường ven sông Tuyên Sơn-Cầu Đỏ-Túy Loan.

c) Tiến hành lồng ghép triệt để nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH (lũ, sạt lở đất) vào kế hoạch phát triển ngành một cách có hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững theo nhiệm vụ được giao.

d) Xây dựng, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

đ) Rà soát tổng thể và xây dựng phương án thoát nước, chống ngập của các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Hòa Vang (UBND huyện Hòa Vang và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 7268/UBND-SGTVT ngày 5/11/2020 của UBND thành phố).

e) Triển khai các dự án chống sạt lở đất đá vùng đồi núi huyện Hòa Vang, các tuyến đường lên bán đảo Sơn Trà, Nam Hải Vân, Bà Nà - Suối Mơ, ĐT 601, ĐT 602, Sơn Trà, Túy Loan - Dốc Kiên (QL 14G),...

g) Tăng khẩu độ thoát lũ qua QL1A từ Hòa Phước đến Cầu Đỏ và khôi phục cầu Đa Cô (thay cho cống) tại phường Hòa Khánh Nam. Tăng khẩu độ thoát lũ sông Vĩnh Điện qua đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, sông Yên qua đường ADB5, 2 đường vành đai phía Nam. Tăng khả năng thoát lũ cho khu công nghệ cao và công nghệ thông tin tập trung qua đường tránh thành phố Đà Nẵng. Tăng khả năng thoát lũ và lũ quét sông Túy Loan qua 2 đường vành đai phía Tây.

h) Tăng cường năng lực xử lý các tình huống phát sinh trong thiên tai như: Rà soát vật tư, thiết bị và nhân lực đảm bảo kịp thời sửa chữa, khắc phục đảm bảo giao thông phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn; chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm ngặt chế độ tuần tra, chốt gác các công trình, vị trí xung yếu, khu vực trọng điểm như: cầu, đường yếu, dễ bị ngập nước, khu vực hay xảy ra lũ quét, các đoạn đường đèo dốc, đá rơi, đất sạt, các khu vực đường sắt ở khu vực có dòng chảy lớn; đôn đốc các đơn vị quản lý kịp thời sửa chữa, bổ sung phao tiêu, biển báo bị hư hỏng do bão, lũ gây ra; kiểm kê, rà soát phương tiện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; ...

10. Cao độ nền

a) Các đô thị có cao độ tự nhiên vượt tần suất lũ thiết kế $P=1\%$ đạt yêu cầu chống lũ của đô thị loại I. Tuy nhiên một số khu vực trong đô thị có cao trình thấp hơn cần được xây dựng các trạm bơm chống ngập và hồ điều tiết.

b) Các đô thị mới được hình thành ở Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Hòa Vang, Hải Châu được thiết kế với tần suất lũ $P=5\%$ với giải pháp chính là trước năm 2030 chấp nhận là đô thị thích ứng với ngập lụt (với lũ vượt quá 5%).

c) Các đô thị đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng và các đô thị quy hoạch bắt buộc phải được thiết kế với cao độ nền đảm bảo quy định với tần suất lũ $P=1\% + \Delta H = 0,25m$ (trong điều kiện BĐKH).

d) Độ dốc nền quy hoạch từ 0,1% đến 0,2%. Kiểm soát quy hoạch đô thị có phương án giảm diện tích bê tông hoá nhằm tăng hệ số thấm của đất đảm bảo cho thoát nước mặt đô thị nhằm giảm thiểu ngập úng.

đ) Đối với huyện Hòa Vang:

- Phát triển đô thị huyện lỵ Hòa Vang theo hướng mở rộng về phía Tây, ưu tiên phát triển đô thị ở vùng có địa hình cao vùng đồi.

✓

- Cần đảm bảo hành lang thoát lũ hai bên bờ, bãi sông của các sông Yên, Quá Giáng, Túy Loan, Vĩnh Điện, Cầu Đỏ - Cẩm Lệ và Cu Đê trong quy hoạch phát triển đô thị. Đối các khu vực dân cư giữ lại chỉnh trang và khu vực quy hoạch đô thị mới thuộc huyện Hòa Vang định hướng giải pháp bố trí đê bao. Cao trình đỉnh đê, kè cao hơn mực nước ứng với tần suất $P=1\%$ tối thiểu 0,3 m, cộng thêm 0,25m xét đến BĐKH. Khu vực trong đê, kè, cốt nền xây dựng tối thiểu $P=5\%$ kết hợp giải pháp bố trí hồ điều tiết kết hợp trạm bơm chống ngập. Riêng đối với các khu vực đồi núi cao thì cao độ cơ bản bám theo địa hình hiện trạng, tránh đào sâu, phá vỡ cảnh quan tự nhiên.

11. Hệ thống tiêu thoát nước mưa

a) Đánh giá vai trò của các hồ điều tiết, để nâng cao năng lực chứa bằng các biện pháp nạo vét, kết hợp biện pháp bơm cưỡng bức để tiêu trước khi có cảnh báo mưa lớn; định kỳ nạo vét các hồ điều tiết nhằm tăng khả năng lưu chứa và thoát nước cho lưu vực.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền người dân trong sinh hoạt; thường xuyên tổ chức duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước tại các khu dân cư.

c) Nghiên cứu xây mới kênh chính tại các lưu vực trên cơ sở bố trí sử dụng đất và điều kiện địa hình cũng như tăng kích thước hệ thống kênh thu nước chính hiện nay (chuyển từ kênh hình thang sang kênh hộp bằng giải pháp cừ thẳng đứng) kết hợp bơm tiêu cưỡng bức để chủ động trong công tác bơm tiêu.

d) Đánh giá hệ thống cống thoát nước, có phương án tách biệt những đoạn có khả năng thoát trực tiếp ra sông, vịnh (không nối vào kênh tiêu thoát chính) để giảm tải cho hệ thống kênh chính.

12. Về cấp nước

Các giải pháp phát triển chính về cấp nước như sau:

a) Về nguồn nước: Trước năm 2030 nguồn nước chính từ sông Cu Đê, sông Yên và sông Cầu Đỏ. Sau năm 2030, khai thác nguồn nước từ sông Cu Đê và sông Thu Bồn.

b) Về nhà máy nước: nhà máy nước Cầu Đỏ: từ năm 2022 nâng công suất lên 390.000 m³/ngày và giữ nguyên công suất đến năm 2030; nhà máy nước Sân Bay: từ năm 2022 công suất 30.000 m³/ngày, giữ nguyên công suất đến năm 2030; nhà máy nước Hòa Liên: năm 2022 công suất là 120.000 m³/ngày, đến năm 2025 tăng công suất lên 240.000 m³/ngày, giữ nguyên công suất đến năm 2030; nhà máy nước Hòa Trung giữ nguyên công suất đến năm 2030 khoảng 10.000 m³/ngày; các nhà máy nước Suối Lương, Sơn Trà: năm 2022 cấp nước với tổng công suất 12.000 m³/ngày, đến năm 2029 chấm dứt khai thác nước suối, hồ để sử dụng cho mục đích môi trường, du lịch, phòng cháy chữa cháy; nhà máy nước Hòa Phước: đi vào hoạt động năm 2026 với công suất cấp nước 120.000 m³/ngày, tăng dần công suất sau năm 2030.

c) Về công trình:

- Nhà máy nước Cầu Đỏ và nhà máy nước Sân Bay: Năm 2022: cải tạo, mở rộng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch lên 420.000 m³/ngày và xây dựng tuyến ống nước thô thứ 2 từ An Trạch về nhà máy nước Cầu Đỏ. Năm 2025: xây dựng xi phông (dạng cầu máng) dự phòng vượt sông Cầu Đỏ để phòng hư hại của 2 Ducker (xi phông ngược) chôn dưới lòng sông.

- Nhà máy nước Hòa Liên: Năm 2022: hoàn thành đập dâng Nam Mỹ, trạm bơm nước thô 120.000 m³/ngày, đường ống dẫn nước thô 240.000 m³/ngày từ Nam Mỹ về Hòa Liên. Năm 2024: mở rộng công suất trạm bơm nước thô từ 120.000 m³/ngày lên 240.000 m³/ngày; xây dựng đập sông Bắc hoặc hệ thống đập dâng bậc thang trên sông Bắc với dung tích 5,8 triệu m³.

- Nhà máy nước Hòa Phước: Năm 2026: hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy nước Hòa Phước 120.000 m³/ngày; trạm bơm nước thô tại An Trạch và tuyến đường ống từ An Trạch về Hòa Phước.

13. Về không gian các dòng sông và hành lang thoát lũ

a) Cần sớm lập và ban hành Đề án thiết lập hành lang thoát lũ của các dòng sông trên địa bàn thành phố, thay cho Quy hoạch hành lang thoát lũ trên cơ sở các đề tài khoa học. Xác định hành lang thoát lũ của các sông trên địa bàn thành phố đã được thực hiện do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố đang quản lý và Bản đồ Quy hoạch kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tổ chức sớm việc cấm mọc bảo vệ hành lang để giảm rủi ro thiên tai và làm tiền đề sớm hình thành các công viên cây xanh tuyến tính dọc sông ở thành phố.

b) Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện:

- Hành lang thoát lũ sông Yên, sông Quá Giáng, sông Túy Loan, sông Cầu Đỏ, sông Cẩm Lệ, sông Vĩnh Điện, sông Cổ Cò và sông Cu Đê.

- Thay đổi tên loại đất bãi sông hành lang thoát lũ thành loại đất cho mục đích hành lang thoát lũ. Không sử dụng từ đất dự trữ phát triển như hiện nay sẽ dễ dàng bị chuyển đổi sang mục đích khác.

- Các đô thị, các khu dân cư đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng, các đô thị, khu dân cư quy hoạch trong khi chưa xác định được hành lang thoát lũ thì quy định tạm thời lùi xa bờ sông tối thiểu 100m, những sông lớn thì nên lùi xa hơn.

- Tất cả các cồn bãi giữa dòng sông (trừ khu Đảo xanh trên sông Hàn và Đảo Nổi trên sông Cẩm Lệ đã được nâng cao san nền, kè vĩnh cửu làm khu đô thị) phải giữ nguyên cao độ nền, chỉ được sử dụng cho mục đích công viên, nông nghiệp và thoát lũ, không xây dựng công trình, chỉ được trồng các loại cây xanh ít cản trở thoát lũ. Điển hình là cồn bãi vườn chuối trên sông Cẩm Lệ đã bị

✓

người dân và doanh nghiệp trồng cây với mật độ dày đặc, nhất là chuỗi gây cản trở nặng dòng chảy lũ trên sông, cần được sớm khắc phục.

14. Về hệ thống hồ, đầm trong đô thị

Thực hiện chủ trương “thành phố nghìn hồ”:

a) Đối với các khu đô thị hiện hữu: Phải thực hiện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Đối với các khu đô thị mới: Tăng số lượng và diện tích ao hồ trong quy hoạch đô thị, nhất là vùng Hòa Vang, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ và Liên Chiểu.

b) Quy hoạch các hồ chứa nhỏ ở các chân núi (tại các khu vực ở hạ du không có dân cư và hạ tầng kỹ thuật quan trọng): Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hải Vân - Bạch Mã, Phước Tường - An Ngãi, Năm Hồ, Bà Nà, Sơn Gà, Đồng Đen,...

c) Thực hiện các giải pháp gia cố, bảo vệ bờ hồ, ưu tiên giải pháp tự nhiên, ít can thiệp,... bởi vật liệu xây đúc; giải pháp sinh học tăng khả năng tự làm sạch hồ; cắm mốc bảo vệ, chống lấn chiếm, san lấp, đổ đất đá, rác thải, ...

d) Quy hoạch nâng cấp mở rộng, đảm bảo an toàn hồ Trường Quân sự QK5 nhằm điều tiết cắt giảm lũ về cống Lò Vôi, cống Quỳnh. Khi có mưa lớn khu vực này thường xuyên bị ngập sâu. Cùng với quy hoạch hồ Trường Quân sự QK5 là việc cải tạo Bàu Gia thượng thành hồ Gia Thượng trên cùng lưu vực.

đ) Cùng với tỉnh Quảng Nam sớm hoàn thành dự án khơi thông sông Cò - Đế Vọng nối cửa Hàn với cửa Đại. Đây là hệ thống đê phá lũ điều tiết phân lũ, chứa lũ cho cả vùng rộng lớn ven biển từ Đà Nẵng đến Hội An.

e) Xây dựng hồ điều hòa Hòa Liên điều tiết lũ hồ Hòa Trung về khu đô thị Golden Hill và các khu dân cư Hòa Liên.

15. Về hệ thống đê, kè biển, kè sông và cửa sông

Đầu tư đồng bộ, hoàn thiện hạ tầng công trình thủy lợi, đê kè; tập trung thực hiện các giải pháp để xử lý các trọng điểm về sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển và ổn định dân cư vùng thiên tai, cụ thể:

a) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đê, kè đang được xây dựng, nâng cấp hoặc đã có dự án.

b) Tiến hành nâng cấp, sửa chữa các tuyến đê, kè chưa được nâng cấp.

c) Gia cố các hạng mục tiêu năng trước và sau kè kiên và cửa sông, cũng như thay thế các đoạn kè biển ở dạng tạm.

d) Ưu tiên đầu tư kè biển, kè cửa sông theo dạng kè tường cọc ván bê tông dự ứng lực cho đê kè mới và thay thế.

đ) Chú trọng các giải pháp thoát nước sau đê kè do sóng biển tràn qua đê.

e) Ưu tiên lựa chọn hình thức kè mềm ở đô thị sinh thái, làng quê, vùng nông thôn kết hợp cây xanh trên đỉnh kè.

II. GIẢI PHÁP KHÁC NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Triển khai hệ thống văn bản, chính sách về phòng, chống thiên tai bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi

a) Triển khai các quy định có liên quan như pháp luật về đê điều, thủy lợi, tài nguyên nước, cứu hộ cứu nạn, vận động, quyên góp, cứu trợ,... rà soát, xây dựng các chính sách liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, phòng cháy, chữa cháy rừng,... bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với thực tiễn.

b) Cập nhật những yêu cầu kỹ thuật đặc thù về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai, nhất là tiêu chuẩn tiêu thoát nước ở các đô thị, phòng, chống bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, cũng như nhà ở của người dân.

c) Xây dựng và ban hành bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp quận/huyện, xã/phường làm cơ sở đánh giá, nâng hạng xếp loại Tiêu chí đánh giá cấp thành phố.

d) Xây dựng hướng dẫn và triển khai lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của thành phố theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

đ) Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách, xã hội hóa trong công tác phòng, chống thiên tai; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư cho phòng, chống thiên tai.

e) Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ hộ gia đình chính sách xây dựng nhà ở chống chịu với bão, lũ.

g) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế để huy động hàng hóa, quản lý bình ổn thị trường; nghiêm cấm hành vi lợi dụng khan hiếm hàng hoá do thiên tai, bão lũ để tăng giá; sử dụng nguồn dự trữ của các tổ chức, doanh nghiệp cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai.

h) Hoàn thiện chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

i) Nghiên cứu, chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực và bảo hiểm rủi ro thiên tai.

k) Quy định trách nhiệm đóng góp tài chính nhằm hỗ trợ phục hồi, ổn định đời sống và sản xuất vùng bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai đối với các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; các chế tài đảm bảo thực thi pháp luật trong các hoạt động phòng, chống thiên tai.

✓

l) Xây dựng chính sách hỗ trợ thiệt hại về nông nghiệp, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; chính sách hỗ trợ di dời, sắp xếp bố trí lại dân cư vùng bị thiên tai.

2. Tăng cường năng lực cho đội ngũ người làm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp.

b) Tổ chức diễn tập về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các lực lượng vũ trang, các ngành và các quận huyện, xã phường.

c) Rà soát, đánh giá địa điểm đóng quân của các lực lượng vũ trang đảm bảo ổn định, an toàn tránh nằm ở vùng thấp trũng, nguy cơ sạt lở cao.

d) Tăng cường tập huấn, kiểm tra, giám sát hoạt động chấp hành pháp luật về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng đối với địa phương, đơn vị, chủ rừng, đặc biệt là những đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh trong rừng, gần rừng.

đ) Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn chuyên nghiệp, hiện đại, có đủ trang thiết bị và năng lực xử lý hiệu quả các tình huống khẩn cấp. Tăng cường năng lực xử lý các tình huống khẩn cấp của các lực lượng, địa phương như ứng phó với sạt lở đất, đá, giao thông, vỡ hồ, đập, động đất, sóng thần, lũ quét, mưa lớn, ngập lụt đô thị, nước chảy xiết,...

3. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo phòng, chống thiên tai

a) Đầu tư mua sắm, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các cấp và các lực lượng phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ, phần mềm phục vụ điều hành, hỗ trợ các cấp chính quyền ra quyết định.

c) Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để đáp ứng với các kịch bản thiên tai.

d) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện vật tư trong phòng, chống cháy rừng và rà soát những vị trí có nguy cơ cao xảy ra cháy rừng để có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

a) Tập trung triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng và một số nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, phổ biến kỹ năng phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó

khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng trong quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phòng, chống thiên tai, hoạch định chính sách, đề xuất và thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động liên quan đến phòng, chống thiên tai, chú trọng sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong việc lập kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Phổ biến, vận động các doanh nghiệp hoạt động thương mại - dịch vụ chủ động rà soát khả năng chống chịu trước thiên tai của hệ thống cơ sở vật chất, trụ sở cơ quan, nhà làm việc, nhà xưởng,...; hướng dẫn các biện pháp gia cố, phòng tránh nhằm giảm thiểu tối đa những thiệt hại về người và tài sản khi có thiên tai.

- Tổ chức và hướng dẫn tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai, tai nạn thương tích hằng năm cho các cấp, ngành; tập huấn hướng dẫn lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân, ngư dân ứng phó hiệu quả với thiên tai trong lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; phổ biến kiến thức phòng chống bão, nghiệp vụ đảm bảo an toàn đi biển, kỹ năng sơ cấp cứu và các quy định về báo hiệu phòng chống bão và tìm kiếm cứu nạn để ngư dân liên lạc khi có sự cố xảy ra; tuyên truyền, giám sát chủ tàu, thuyền trưởng đảm bảo trang bị đủ thiết bị thông tin liên lạc, phao cứu sinh; xây dựng chính sách hỗ trợ lắp đặt giám sát hành trình và mua bảo hiểm cho các thuyền viên và tàu cá,...

b) Đối với ngành Giáo dục: Tập huấn về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, kỹ năng sơ cứu cho đội ngũ giáo viên; lồng ghép bổ sung, kiến thức chương trình đào tạo các cấp và hoạt động ngoại khóa trong một số cấp học, bậc học; xây dựng sổ tay trường học an toàn trước thiên tai; phát động phong trào thi đua tuyên truyền phòng, chống thiên tai trong nhà trường về phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai; tổ chức các cuộc thi tuyên truyền về phòng, chống thiên tai; tổ chức hưởng ứng tuần lễ Quốc gia về phòng chống thiên tai; tổ chức dạy bơi cho học sinh;... Đảm bảo học sinh nắm bắt về đặc điểm thiên tai của thành phố và các kiến thức, kỹ năng cần thiết.

c) Ngành Y tế phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý, cán bộ y tế dự phòng và các cơ sở khám chữa bệnh, tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai, giáo viên trong các trường học.

d) Ngành Lâm nghiệp: Nâng cao năng lực bảo vệ rừng, phòng, chống thiên tai cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tăng cường công tác thông tin truyền thông, truyền tải thông tin chính xác; tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức hiểu biết kiến thức về phòng,

chống thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng, doanh nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp.

5. Nâng cao công tác thông tin - truyền thông về phòng, chống thiên tai

a) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cộng đồng về pháp luật và kỹ năng phòng, chống thiên tai:

- Tuyên truyền trên tất cả các loại hình báo chí (báo hình, báo nói, báo in và báo điện tử); hệ thống thông tin cơ sở (hệ thống truyền thanh cấp quận, huyện, xã, phường); hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn và tuyên truyền qua mạng xã hội: Facebook, Zalo,...

- Tuyên truyền trực quan: pa-nô, băng-rôn, cờ phướn, bảng điện tử,... và các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ. Tuyên truyền qua các hình thức xuất bản ấn phẩm (tranh ảnh, áp - phích, poster, tờ gấp, tờ rơi, sổ tay...).

- Lòng ghép tại các Hội nghị, Hội thảo, cuộc thi, tập huấn, các triển lãm, trưng bày giới thiệu kết quả nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ.

b) Nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin, tuyên thông đảm bảo an toàn trước gió bão

- Tổ chức rà soát, đánh giá hằng năm hệ thống mạng lưới trạm thu phát sóng viễn thông, truyền hình đảm bảo cho hạ tầng và khu vực dân cư.

- Triển khai phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh trong các lĩnh vực quản lý đô thị.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin, liên lạc, đảm bảo kết nối thông suốt trước, trong và sau các đợt thiên tai, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy và cứu hộ cứu nạn của các cấp, các ngành và người dân.

c) Thành lập đầu mối tiếp nhận, kết nối thông tin cứu hộ, cứu nạn và hướng dẫn phòng tránh và ứng phó thiên tai (hiện nay đã có các đầu mối tiếp nhận thông tin như Tổng đài 1022, số điện thoại Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố và các quận huyện, các số liên lạc khẩn cấp như 113, 114, 115,...).

6. Tăng cường quan trắc, năng lực dự báo, giám sát và cảnh báo thiên tai

a) Lập đánh giá, phân vùng và xây dựng hệ thống quan trắc, dự báo, giám sát, cảnh báo, phòng chống mưa lớn, lũ, lụt, bão, sạt lở,... cho vùng nguy cơ cao.

b) Xây dựng hệ thống, biển báo cảnh báo ngập lụt, sạt lở đất đá, ngầm tràn, cháy rừng,... tại vùng nguy cơ cao; lập dự án xây dựng hệ thống cảnh báo lũ quét.

c) Xây dựng hệ thống thông tin, liên lạc, giám sát và quản lý thiên tai theo thời gian thực trong phòng, chống thiên tai.

d) Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo, trong đó nghiên cứu dự báo được chính xác cụ thể thời điểm, khu vực, phạm vi xảy ra thiên tai và mức

độ thiên tai, định lượng mưa nhất là các loại hình thiên tai nguy hiểm, diễn biến nhanh và sức tàn phá lớn như mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đá, sóng thần,... đồng thời thông tin kịp thời đến các cấp chính quyền và người dân trước khoảng thời gian theo quy định để kịp thời triển khai ứng phó và phòng tránh.

đ) Hoàn chỉnh hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn cơ bản và chuyên dùng theo hướng tự động, hiện đại và tích hợp tổng thể vào 01 hệ thống; tăng cường công tác chia sẻ số liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng; đầu tư nâng cấp mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chấn; xây mới trạm quan trắc hải văn và diễn biến xói lở tại bờ biển Đà Nẵng. Xây dựng hệ thống giám sát, quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai, giám sát, cảnh báo ở các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai ngập sâu, sạt lở đất, lũ quét,...

e) Triển khai mạnh mẽ công tác tập huấn khai thác và sử dụng số liệu đến cấp xã phường và cộng đồng dân cư để chủ động trong công tác phòng ngừa thiên tai.

g) Tổ chức xây dựng, ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

h) Tăng cường công tác chuyên đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cộng đồng và phối hợp truyền tin cảnh báo thiên tai; nâng cấp mạng lưới thông tin liên lạc đảm bảo độ chính xác và tính kịp thời của các số liệu và các thông tin cảnh báo thiên tai, phục vụ cho công tác ứng phó theo thời gian thực, tích hợp vào hệ thống thông tin phòng, chống thiên tai trong đề án xây dựng thành phố thông minh (Trung tâm điều hành ENSURE).

i) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn hiện đại, lưu trữ, quản lý và khai thác hiệu quả. Nâng cao chất lượng điều tra cơ bản phục vụ cho các mô hình dự báo khí tượng, thủy văn.

7. Quy hoạch, kế hoạch và phương án ứng phó thiên tai

a) Hoàn thiện các quy hoạch theo quy định về công tác phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng như các quy hoạch chuyên ngành liên quan nhằm từng bước nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với thiên tai, đảm bảo đến 2030.

b) Quản lý chặt chẽ cao độ nền các khu dân cư:

- Đối với những khu vực đô thị cũ như Hải Châu, Thanh Khê và những khu vực đô thị mới đã được xây dựng (thuộc các quận Liên Chiểu, Nam Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn): Giữ lại cao trình hiện trạng, có giải pháp nâng cao độ các kè hiện trạng dọc sông Hàn, sông Cổ Cò, Cẩm Lệ, Cu Đê, Vĩnh Điện lên đến cao độ mực nước không chế kết hợp với giải pháp bố trí trạm bơm và hồ điều tiết.

- Đối các khu vực dân cư giữ lại chính trạng và khu vực quy hoạch đô thị mới thuộc huyện Hòa Vang định hướng giải pháp bố trí đê bao dọc các sông Túy Loan, sông Yên, sông Cu Đê, sông Vĩnh Điện. Cao trình đỉnh đê, kè cao hơn mực nước ứng với tần suất $P=1\%$, có xét đến biến đổi khí hậu. Khu vực trong đê, kè,

cốt nền xây dựng tối thiểu $P=5\%$ kết hợp giải pháp bố trí hồ điều tiết với trạm bơm chống ngập. Riêng đối với các khu vực đồi núi cao thì cao độ cơ bản bám theo địa hình hiện trạng, tránh đào sâu, phá vỡ cảnh quan tự nhiên.

- Độ dốc nền quy hoạch từ 0,1% đến 0,2%. Kiểm soát quy hoạch đô thị có phương án giảm diện tích bê tông hoá nhằm tăng hệ số thấm của đất đảm bảo cho thoát nước mặt đô thị nhằm giảm thiểu ngập úng.

c) Hằng năm rà soát cập nhật phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với 07 kịch bản thiên tai (bão và bão mạnh, bão rất mạnh và siêu bão, lũ, lũ quét, vỡ hồ chứa, sóng thần) và bổ sung phương án ứng phó các kịch bản ngập lụt đô thị cho phù hợp với điều kiện và thực tiễn tại địa phương, đảm bảo toàn diện, theo phương châm “4 tại chỗ”, trong đó lấy người dân, đối tượng dễ bị tổn thương là trung tâm; tổng hợp số liệu đầy đủ, khoanh vùng cụ thể các điểm ngập cục bộ, xác thực từ cụm dân cư, tổ dân phố để đảm bảo công tác ứng phó; cứu hộ nhất là các tình huống thiên tai cục đoạn.

d) Tăng cường giải pháp chống lũ trong quy hoạch: Xác định tiêu chuẩn chống lũ cho hạ du các sông Hàn, Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Túy Loan, sông Yên phải chống với lũ 1% năm để chọn quy mô các tuyến kè sông đảm bảo; tăng cường nạo vét chỉnh trị sông, khảo sát, quan trắc mức độ bồi lắng và xói lở sông, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với biến động của sông nhất là sau các đợt lũ lớn.

đ) Phối hợp tỉnh Quảng Nam và các đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp và điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và phương án ứng phó khẩn cấp phù hợp với tình hình thiên tai của địa phương.

e) Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai, bản đồ ngập lũ theo cấp độ rủi ro thiên tai và cấp báo động lũ đến cấp thôn, xã.

g) Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch thủy lợi, đê, kè, cấp nước sạch đến năm 2030; xây dựng hành lang thoát lũ và ban hành pháp lý về quản lý hành lang thoát lũ đảm bảo không phát sinh, gia tăng vùng rủi ro ngập lụt mới do phát triển cơ sở hạ tầng, dân cư.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, xây dựng phương án và kế hoạch sửa chữa, gia cố đảm bảo an toàn công trình y tế, giáo dục, thể thao, du lịch, công trình kiến trúc quan trọng về văn hóa, di tích lịch sử, danh thắng,...

i) Rà soát hiện trạng cây xanh, xây dựng phương án trồng, chăm sóc, cắt tỉa đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý công trình, nhà ở, đồ chất thải lấn chiếm không gian thoát nước, chứa nước.

8. Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thường xuyên xảy ra thiên tai

a) Tập trung triển khai Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai: thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại dân cư tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông gắn với xây dựng nông thôn mới; những nơi chưa thể di dời được cần lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai, kết hợp xây dựng công trình phòng, chống thiên tai.

9. Kiểm soát an toàn thiên tai và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu

a) Quản lý tàu thuyền, đầu tư trang thiết bị liên lạc, cứu nạn cho các tàu thuyền đánh cá; khuyến khích và nhân rộng các mô hình tổ đội ngư dân sản xuất trên trong khai thác hải sản. Xây dựng phương án điều tiết tàu cá tránh trú tại các khu vực an toàn khi có gió bão và tránh quá tải tại Âu thuyền Thọ Quang; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khi tàu xuất bến, đăng kiểm và không đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định; hướng dẫn đảm bảo an toàn đối với các hoạt động du lịch trên biển, trên sông.

b) Đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, di dời dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, bao gồm: hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và bảo đảm tính ổn định của công trình trước thiên tai; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về xây dựng và về quy hoạch đô thị và phải được thẩm định nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong hồ sơ dự án trước khi phê duyệt dự án.

c) Tăng cường rà soát, đánh giá các công trình giao thông, khu đô thị, dân cư lấn sông, lấn chiếm hành lang thoát lũ, chắn ngang các tuyến thoát lũ để có giải pháp khắc phục.

d) Kiểm soát nguy cơ sạt lở đất, đá:

- Rà soát các khu dân cư, trụ sở cơ quan, nơi đóng quân của các đơn vị, tổ chức có nguy cơ cao⁵ xảy ra sạt lở đất đá, đồi núi, lũ quét, ... và chủ động di dời, sơ tán ngay người, phương tiện và tài sản ra khỏi các khu vực nguy hiểm để bảo đảm an toàn.

- Tiến hành điều tra cơ bản về lũ quét, sạt lở đất, hiện trạng về dân cư, cơ sở hạ tầng ở bãi sông, ven sông, khu vực đồi núi.

- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro trượt lở đất đá tỷ lệ lớn tùy theo nguy cơ từng vùng.

đ) Về công tác ứng phó với mưa lớn và ngập lụt đô thị:

- Về công tác dự báo: Nâng cao công tác dự báo, dự báo được chính xác cụ thể thời điểm, lượng mưa, khu vực, phạm vi xảy ra và mức độ thiên tai.

⁵ Chú ý các khu vực đồi núi tại huyện Hoà Vang (các xã Hoà Sơn, Hoà Phú, Hoà Bắc, Hoà Liên, Hoà Ninh, đường lên đình Bà Nà...), đường ĐT 601, đường QL 14G, bán đảo Sơn Trà (phường Thọ Quang), Nam Hải Vân (phường Hoà Hiệp Bắc).

- Về công tác truyền thông về thiên tai: Tăng cường, đẩy mạnh công tác truyền thông; đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin, liên lạc, đảm bảo kết nối thông suốt trước, trong và sau các đợt thiên tai.

- Về phương án phòng, chống mưa lớn, ngập lụt:

+ Rà soát, xây dựng phương án ngập lụt đô thị, ngập lũ ven sông; tổ chức đánh dấu vết lũ sau các đợt mưa, ngập lớn (mức nước ngập cao nhất), lập bản đồ vùng ngập thấp trung; tổ chức khảo sát, xác định cụ thể, các vị trí, điểm ngập, độ sâu ngập, thời gian ngập tại các khu vực, khu dân cư; đánh giá mức độ ngập và khả năng chịu đựng tối đa của các khu dân cư, khu vực trung thấp đối với từng trận mưa.

+ Nghiên cứu giải pháp tổng thể chống ngập trước mắt và lâu dài. Đánh giá lại tổng thể hiện trạng, quy hoạch hệ thống thoát nước, tiêu thoát lũ của thành phố và các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình thoát nước với khả năng thoát của các trận mưa lớn theo lịch sử xảy ra,...; nghiên cứu đầu tư, xây dựng mới hệ thống thoát và chống ngập mới; nghiên cứu phương án chống ngập tại khu vực sân bay Đà Nẵng. Xây dựng phần mềm cảnh báo ngập lụt đô thị.

+ Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền người dân không bịt cửa thu nước gây cản trở dòng chảy và chung tay với chính quyền trong công tác khơi thông dòng chảy khi có mưa lớn xảy ra. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng trên địa bàn, xử lý nghiêm trường hợp đổ chất thải xây dựng vào hệ thống thoát nước.

- Về trang bị các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn: Rà soát số lượng, tình hình sử dụng hiện có và đề xuất đầu tư, trang bị các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn cho các ngành, địa phương với từng loại hình thiên tai nguy hiểm, đặc biệt là với ngập lụt đô thị và ngập lũ nông thôn khi có ngập sâu, dòng chảy xiết.

e) Về đảm bảo hành lang thoát lũ trên các tuyến sông, suối:

- Trong công tác quy hoạch và thẩm định các dự án theo hướng không được xâm phạm, lấn chiếm hành lang thoát lũ trên các tuyến sông, suối, đồng thời phải ưu tiên dành quỹ đất để bố trí, mở rộng hành lang thoát lũ, hình thành các hồ điều hòa và tăng diện tích hành lang xanh, mảng xanh đô thị, hạn chế tối đa việc bê tông hóa nếu không thật sự cần thiết; không san lấp, lấn chiếm không gian sông, suối, ao hồ, tuyến thoát lũ, tuyến tiêu thoát nước,... Các công trình cơ sở hạ tầng phải tính đến yếu tố an toàn trước thiên tai khi đầu tư, xây dựng.

- Rà soát, cập nhật, xây dựng hành lang thoát lũ các tuyến sông trên địa bàn thành phố, trong đó xác định không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông, bãi sông cho các sông: Yên, Túy Loan, Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Cò Cò và Cu Đê.

g) Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá các đập, hồ (hồ thủy lợi, hồ điều tiết, hồ nuôi trồng thủy sản, hồ cảnh quan, sinh thái...), nhất là các hồ, đập nằm ở vị trí trên cao, đồi, núi, có nguy cơ sạt lở, vỡ hồ, đập ảnh hưởng đến tính mạng và

tài sản của dân cư vùng hạ du, đánh giá năng lực chủ thể quản lý và công tác quản lý an toàn hồ, đập theo quy định. Lập bổ sung, điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp các đập, hồ chứa.

h) Triển khai chương trình bảo vệ rừng phòng hộ và trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng phòng hộ, trồng rừng thay thế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, xây dựng chương trình khuyến khích người dân thực hiện trồng cây gỗ lớn, cây phân tán, rừng kinh tế. Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng.

i) Giám sát, quản lý, điều tra, đo đạc và bổ sung danh mục hệ thống ao hồ không được san lấp theo Quyết định 4001/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hạn chế tối đa việc san lấp ao, hồ, sông, suối.

k) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cộng đồng và phối hợp truyền tin cảnh báo thiên tai; nâng cấp mạng lưới thông tin liên lạc đảm bảo độ chính xác và tính kịp thời của các số liệu và các thông tin cảnh báo thiên tai, phục vụ cho công tác ứng phó theo thời gian thực.

l) Đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Nghiên cứu khai thác nguồn nước trên sông Thu Bồn để cấp nước ổn định cho vùng hạ du sông Vu Gia; xem xét, đánh giá, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thượng nguồn sông Vu Gia - Thu Bồn để đảm bảo phù hợp hiệu quả chống lũ, cấp nước cho hạ du; nghiên cứu xây dựng hồ chứa nước trên sông Vu Gia (hạ lưu các thủy điện) nhằm trữ nước cho sinh hoạt khu vực hạ du Đà Nẵng, Quảng Nam.

10. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ

Tổ chức thực hiện các nghiên cứu về đánh giá tác động của các loại hình thiên tai đến thành phố, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác quy hoạch, điều chỉnh hệ thống tiêu chuẩn quy hoạch, thiết kế thích ứng BĐKH.

a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa, viễn thám trong quan trắc, theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai phục vụ công tác quản lý rủi ro thiên tai.

b) Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo bền vững, thân thiện với môi trường.

c) Nghiên cứu đầu tư phát triển, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, thích ứng với BĐKH và định hướng hoạt động nông nghiệp của thành phố.

d) Ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý bảo vệ và giám sát rừng, phòng, chống thiên tai. Tích hợp, kết nối vào hệ thống quản trị dữ liệu của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho các vùng rau, cây ăn quả trên địa bàn thành phố để giúp tiết kiệm nguồn nước và nâng cao năng suất cây trồng trong điều kiện thời tiết khô hạn. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến theo hướng tiết kiệm chi phí đầu vào (giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật ...) để giảm mức độ phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.

11. Hợp tác quốc tế

Thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế để tranh thủ các nguồn lực thực hiện các nội dung, chương trình phòng, chống thiên tai, đặc biệt là các hoạt động: Ứng dụng công nghệ, khoa học vào công tác dự báo, cảnh báo sớm phòng chống thiên tai; nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý thiên tai tại địa phương các cấp; quản lý nguồn nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn; hệ thống chỉ huy điều hành; công cụ, phương tiện, trang thiết bị phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quản lý và hạn chế tình trạng sạt lở đất đá, đồi núi, bờ sông, bờ biển,...

12. Tăng cường nguồn lực tài chính phòng, chống thiên tai

Ưu tiên bố trí nguồn lực cho hoạt động phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn (từ ngân sách nhà nước, Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác và huy động nguồn lực từ xã hội hóa):

a) Hằng năm rà soát danh mục, ưu tiên nguồn lực bố trí hoạt động xây dựng chính sách, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, các hoạt động phi công trình trong phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung: nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, các công cụ hỗ trợ quyết định, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và phương tiện cứu hộ, cứu nạn; nâng cao nhận thức cho chính quyền các cấp và cộng đồng trong phòng, chống thiên tai,... Nghiên cứu bảo hiểm rủi ro thiên tai và chính sách thu hút nguồn lực xã hội hóa trong công tác phòng, chống thiên tai.

b) Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình và các giải pháp xử lý khẩn cấp phòng, chống thiên tai; bố trí nguồn lực khắc phục kịp thời thiệt hại do thiên tai gây ra và tái thiết bền vững theo các quy định hiện hành.

13. Các nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần triển khai trong thời gian tới

a) Tăng cường quan trắc, năng lực dự báo, giám sát và cảnh báo thiên tai

- Lập đánh giá, phân vùng và xây dựng hệ thống quan trắc, dự báo, giám sát, cảnh báo, phòng chống mưa lớn, lũ, lụt, bão, sạt lở,... cho vùng nguy cơ cao.

- Xây dựng hệ thống thông tin, liên lạc, giám sát và quản lý thiên tai theo thời gian thực trong phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo, trong đó nghiên cứu dự báo được chính xác cụ thể thời điểm, khu vực, phạm vi xảy ra thiên tai và mức độ thiên tai, định lượng mưa nhất là các loại hình thiên tai nguy hiểm, diễn biến nhanh và sức tàn phá lớn như mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đá, sóng thần,... đồng

✓

thời thông tin kịp thời đến các cấp chính quyền và người dân trước khoảng thời gian theo quy định để kịp thời triển khai ứng phó và phòng tránh.

b) Công tác truyền thông và nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Tập trung triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 10/8/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác phòng, chống thiên tai bao gồm về pháp luật và kỹ năng phòng, chống thiên tai trên tất cả các loại hình báo chí; hệ thống thông tin cơ sở; hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn và tuyên truyền qua mạng xã hội: facebook, zalo,... ; tuyên truyền trực quan và lồng ghép tại các hội nghị, hội thảo, cuộc thi,...

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin, tuyên truyền đảm bảo an toàn trước gió bão, đảm bảo kết nối thông suốt trước, trong và sau các đợt thiên tai, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy và cứu hộ cứu nạn của các cấp, các ngành và người dân.

- Thành lập đầu mối tiếp nhận, kết nối thông tin cứu hộ, cứu nạn và hướng dẫn phòng tránh và ứng phó thiên tai (hiện nay đã có các đầu mối tiếp nhận thông tin như Tổng đài 1022, số điện thoại Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố và các quận huyện, các số liên lạc khẩn cấp như 113, 114, 115,...).

c) Thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại dân cư tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: Tập trung triển khai Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình.

d) Hằng năm rà soát cập nhật phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với 07 kịch bản thiên tai (bão và bão mạnh, bão rất mạnh và siêu bão, lũ, lũ quét, vỡ hồ chứa, sóng thần) và bổ sung phương án ứng phó các kịch bản ngập lụt đô thị cho phù hợp với điều kiện và thực tiễn tại địa phương.

đ) Về nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị hằng năm và theo giai đoạn:

- Về trang thiết bị phòng, chống thiên tai: UBND thành phố giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, rà soát, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định việc đầu tư, mua sắm, cấp phát trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

- Về trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn: UBND thành phố giao Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố tổng hợp, rà soát, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định việc đầu tư, mua sắm, cấp phát trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự. Trong đó, rà soát số lượng, tình hình sử dụng hiện có

và đề xuất đầu tư, trang bị các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn cho các ngành, địa phương với từng loại hình thiên tai nguy hiểm, đặc biệt là với ngập lụt đô thị và ngập lũ nông thôn khi có ngập sâu, dòng chảy xiết.

- Hằng năm, trên cơ sở các trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp và kho dự trữ của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố để tham mưu cho UBND thành phố cấp phát cho các sở, ngành, địa phương để sẵn sàng ứng phó với thiên tai.

e) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố và Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các ngành, hội đoàn thể trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức và xây dựng lực lượng phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cấp thành phố theo hướng chuyên trách và phù hợp với tình hình điều kiện của thành phố; thường xuyên tổ chức, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực có trình độ và chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới để triển khai đồng bộ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Trong đó, để đảm bảo hoạt động kịp thời hiệu quả, nghiên cứu thành lập bộ máy chuyên trách phòng, chống thiên tai thành phố Đà Nẵng để tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố.

- Hằng năm rà soát và kiện toàn các thành viên của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự theo hướng tinh gọn và đủ thành phần tham mưu; hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động theo hướng nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, địa phương, từng thành viên theo đúng chức năng nhiệm vụ (tránh bỏ sót nhiệm vụ), gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cấp, quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “04 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành và bảo đảm nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

- Đầu tư mua sắm, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ phần mềm phục vụ hoạt động và công tác tham mưu cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự các cấp.

III. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC TUYẾN KÊNH TIÊU, SÔNG, SUỐI CHÍNH PHỤC VỤ TIÊU THOÁT LŨ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Hoàn chỉnh hệ thống tiêu thoát nước để chống ngập vùng nội đô

a) Đánh giá vai trò của các hồ điều tiết, để nâng cao năng lực chứa bằng các biện pháp nạo vét, kết hợp biện pháp bơm cưỡng bức để tiêu trước khi có cảnh báo mưa lớn; định kỳ nạo vét các hồ điều tiết nhằm tăng khả năng lưu chứa và thoát nước cho lưu vực.

b) Nghiên cứu các giải pháp chống ngập tại khu vực sân bay, tuyến kênh thoát nước Khe Cạn, tuyến thoát nước Bàu Gia thượng - Bàu Gia hạ ra cống Quỳnh, các khu vực chờ giải tỏa, tái định cư quận Liên Chiểu (phường Hòa Khánh Nam, Hòa Minh,...), Cẩm Lệ, Thanh Khê, Hải Châu, huyện Hòa Vang.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền người dân trong sinh hoạt; thường xuyên tổ chức duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước tại các khu dân cư.

d) Nghiên cứu xây mới kênh chính tại các lưu vực trên cơ sở bố trí sử dụng đất và điều kiện địa hình cũng như tăng kích thước hệ thống kênh thu nước chính hiện nay (chuyển từ kênh hình thang sang kênh hộp bằng giải pháp cừ thẳng đứng) kết hợp bơm tiêu cưỡng bức để chủ động trong công tác bơm tiêu.

đ) Đánh giá hệ thống công thoát nước, có phương án tách biệt những đoạn có khả năng thoát trực tiếp ra lưu vực (không nối vào kênh tiêu thoát chính) để giảm tải cho hệ thống kênh chính.

2. Đối với các sông, suối chính phục vụ tiêu thoát lũ trên địa bàn thành phố

Nghiên cứu xây dựng các giải pháp để thiết lập hành lang thoát lũ của các dòng sông trên địa bàn thành phố thay cho quy hoạch hành lang thoát lũ trên cơ sở các đề tài khoa học đã thực hiện. Xác định hành lang thoát lũ của các sông trên địa bàn thành phố do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố đang quản lý và Bản đồ Quy hoạch kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tổ chức sớm việc cắm mốc bảo vệ hành lang để giảm rủi ro thiên tai và làm tiền đề sớm hình thành các công viên tuyến tính dọc sông ở thành phố.

Kết quả nghiên cứu của đề tài “Xác định hành lang thoát lũ trên sông vùng hạ du Vu Gia - Thu Bồn (thuộc thành phố Đà Nẵng) khi hệ thống công trình thủy điện ở thượng du đi vào vận hành trong bối cảnh biến đổi khí hậu” đã chỉ ra rằng cần phải Mở rộng các mặt cắt thoát lũ thuộc khu vực sông Yên, Cẩm Lệ, Túy Loan, Vĩnh Điện thông qua các giải pháp nạo vét chỉnh trị sông. Nghiên cứu đánh giá ngập lụt vùng hạ lưu sông Cu Đê làm cơ sở đề xuất hành lang thoát lũ và xây dựng bản đồ ngập lụt phục vụ công tác phòng, chống lụt bão và xói lở sông. Quy hoạch chỉnh trị sông là quy hoạch động, cần được điều chỉnh phù hợp với biến động của sông nhất là sau các đợt lũ lớn. Việc xác định và cắm mốc hành lang thoát lũ cho các hệ thống sông cần đáp ứng yêu cầu giữ lòng sông cơ bản hiện tại, mở rộng một số đoạn bị co hẹp, cụ thể:

a) Trên sông Yên, tiến hành mở rộng đoạn sông thuộc khu vực thôn Thạch Bồ, xã Hòa Tiến - Đường Lâm, xã Hòa Phong với mặt cắt ngang đạt ít nhất khoảng 250m.

b) Đoạn sông Cẩm Lệ khu vực thôn Cẩm Nê - xã Hòa Tiến với chiều rộng mặt cắt ngang đạt ít nhất 270m.

c) Trên sông Túy Loan, cần đảm bảo khu vực nhập lưu với sông Yên chiều rộng mặt cắt nhỏ nhất khoảng 110m.

d) Trên sông Vĩnh Điện mở rộng lòng sông ít nhất đạt 250m (xã Hòa Châu, phường Hòa Quý).

Một số giải pháp khác tương tự như trình bày tại mục 13. Về không gian các dòng sông và hành lang thoát lũ.

3. Đối với hệ thống kênh tiêu thoát lũ

a) Giải pháp chính là xây dựng mới, chỉnh trị, nạo vét các trục, kênh tiêu kết hợp xây dựng các đập dâng trữ nước trong kênh; nâng cấp mở rộng khẩu độ cống tiêu; mở rộng công suất và đầu tư các trạm bơm tiêu ngập úng, nhất là khu vực thấp ảnh hưởng bởi triều và lũ trên sông; nâng cao tính không của các cầu bắc qua kênh tiêu; nạo vét, chỉnh trang mở rộng các trục tiêu thoát mưa lũ cho các khu dân cư, làng mạc và đồng ruộng tại các xã Hòa Tiến, Hòa Châu, Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Nhơn, Hòa Ninh, Hòa Phú, Hòa Liên, Hòa Sơn. Trong đó đáng chú ý là:

- Trục tiêu sông Tây Tịnh xã Hòa Tiến.
- Các trục tiêu xã Hòa Châu đổ về sông Vĩnh Điện, sông Cầu Đỏ và sông Quá Giáng.
- Các trục tiêu chính xã Hòa Khương đổ vào sông Yên.
- Các trục tiêu xã Hòa Phong đổ vào sông Túy Loan và sông Yên.
- Trục tiêu là hạ lưu suối Đồng Nghệ thoát nước mưa và lũ hồ Đồng Nghệ.
- Trục tiêu sông Phước Hưng từ Hòa Sơn về Hòa Nhơn đổ vào sông Túy Loan, thoát nước mưa và lũ, trong đó có hồ Trước Đông.
- Trục tiêu sông Lỗ Trào (An Sơn) xã Hòa Ninh đổ vào sông Túy Loan tiêu thoát mưa lũ.
- Trục tiêu Hòa Liên từ cuối kênh thoát lũ hồ Hòa Trung nối với kênh thoát lũ Hòa Liên.
- Trục tiêu tại khu vực Khu công nghệ cao qua đường tránh thành phố Đà Nẵng đổ vào kênh thoát lũ Hòa Liên.
- Trục tiêu qua khu công nghệ thông tin tập trung xã Hòa Liên.
- Trục tiêu đầm An Ngãi xã Hòa Sơn tiêu thoát nước mưa cho khu vực Hòa Khánh Bắc và Hòa Sơn.

b) Đối với các đô thị quy hoạch: hệ thống cống, kênh tiêu phải được thiết kế với hệ số BDKH ít nhất là 1,3 đến 1,5.

c) Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn liên quan đánh giá lại tổng thể hệ thống tiêu thoát nước, khả năng thoát lũ trên các sông thành phố Đà

✓

Nặng bị ảnh hưởng do các dự án, công trình, khu dân cư,... trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

4. Tăng cường giải pháp chống lũ trong quy hoạch

a) Xác định tiêu chuẩn chống lũ cho hạ du các sông Hàn, Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Túy Loan, sông Yên để chọn quy mô các tuyến kè sông đảm bảo.

b) Tăng cường và định kỳ thực hiện các giải pháp nạo vét chính trị sông: các sông trên địa bàn thành phố cần được chính trị thông qua việc khai thác cát sạn đúng với quy hoạch.

c) Định kỳ và thường xuyên khảo sát, quan trắc mức độ bồi lắng và xói lở sông, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với biến động của sông nhất là sau các đợt lũ lớn.

d) Xây dựng hành lang thoát lũ đoạn từ sông Yên đến sông Cẩm Lệ và các sông Vĩnh Điện, Quá Giáng, Cù Đê để đảm bảo khả năng thoát lũ của thành phố, đảm bảo công tác quản lý hành lang thoát lũ, đảm bảo không phát sinh, gia tăng vùng rủi ro ngập lụt mới do phát triển dân cư.

đ) Quy hoạch đô thị có phương án giảm diện tích bê tông hoá nhằm tăng hệ số thấm của đất đảm bảo cho thoát nước mặt đô thị nhằm giảm thiểu ngập úng.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC SỞ, BAN NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC QUẬN, HUYỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu; trình UBND thành phố kế hoạch, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Chủ trì phối hợp với Công an thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải và địa phương kiểm tra, giải quyết các trường hợp khai thác tài nguyên trái phép gây sạt lở bờ sông, bờ biển, công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cán bộ chính quyền các cấp và cộng đồng về biến đổi khí hậu.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai Phương án xử lý các khu vực ngập úng.

đ) Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau thiên tai (bão, lũ, sạt lở...) phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình xử lý môi trường.

2. Sở Xây dựng

Chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng thành phố an toàn trước thiên tai: bão, lũ và ngập úng đô thị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì tổng hợp, đề xuất UBND thành phố bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án (đối với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) được phê duyệt.

b) Sở Tài chính: hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kinh phí thực hiện phòng, chống thiên tai, Sở kế hoạch và Đầu tư (nhiệm vụ chi đầu tư phát triển), Sở Tài chính (nhiệm vụ chi thường xuyên) căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt đúng quy định của pháp luật về Ngân sách Nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Xây dựng phương án và chỉ đạo thực hiện đảm bảo an toàn, thông suốt thông tin liên lạc; bảo đảm an toàn hệ thống cột ăng-ten thu phát tại các trạm thu phát sóng viễn thông trên địa bàn thành phố.

✓

b) Chỉ đạo theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện việc thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai; phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân kiến thức về phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu; tiếp nhận, giải đáp thông tin cho người dân về phòng, chống thiên tai thông qua Tổng đài dịch vụ công.

c) Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin, liên lạc, đảm bảo kết nối thông suốt trước, trong và sau các đợt thiên tai, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy và cứu hộ cứu nạn của các cấp, các ngành và người dân.

5. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND thành phố chỉ đạo thực hiện đảm bảo an toàn hệ thống điện và các cơ sở công nghiệp trên địa bàn thành phố trong các tình huống thiên tai.

b) Chủ trì liên hệ, làm việc với các đơn vị phân phối trên địa bàn thành phố đảm bảo nguồn cung hàng hóa, nhu yếu phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trước, trong và sau thiên tai, bão lũ; phối hợp, hỗ trợ UBND các quận, huyện trong việc chuẩn bị hàng hóa để phục vụ nhu cầu của người dân (nếu có).

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát thị trường; kịp thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng khan hiếm hàng hoá do thiên tai, bão lũ để tăng giá bất hợp lý.

6. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương lập và trình UBND thành phố quy hoạch, kế hoạch xây dựng các cơ sở y tế kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng khu vực trên địa bàn thành phố để bảo đảm an toàn cho người và công trình.

b) Xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai của ngành; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, cơ sở y tế xây dựng phương án phòng, chống thiên tai hằng năm, chủ động nhiệm vụ phòng bệnh, khám chữa bệnh cho nhân dân trong mùa mưa; bố trí bác sỹ thường trực sẵn sàng tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn.

c) Dự trữ thuốc, trang thiết bị y tế, tổ chức tập huấn hướng dẫn cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường.

d) Chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra; phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương làm tốt công tác kết hợp quân - dân y trong phòng, chống thiên tai.

đ) Tham gia, phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, bảo quản, xác định danh tính nạn nhân để bàn giao cho thân nhân nạn nhân theo quy định; phối hợp, hướng dẫn cơ quan chức năng thực hiện việc mai táng các nạn nhân chưa xác định được danh tính bị thiệt mạng do thiên tai.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức thực hiện việc lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình của các cấp học thuộc phạm vi quản lý theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo phù hợp với điều kiện thiên tai của địa phương.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương lập và trình UBND thành phố quy hoạch, kế hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng khu vực trên địa bàn thành phố để đảm bảo an toàn cho người và công trình.

c) Xây dựng phương án ứng phó với thiên tai hằng năm của ngành; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra các trường, trung tâm trực thuộc Sở thực hiện quy định về phòng, chống thiên tai; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, học viên về biến đổi khí hậu theo văn bản hướng dẫn của các cấp.

d) Phối hợp với UBND các quận, huyện tổ chức và chuẩn bị lực lượng dự phòng tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để ứng phó với thiên tai; sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

đ) Thông báo cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên và sinh viên các trường đại học tự thực tạm nghỉ học tránh các loại hình thiên tai (bão, lũ, ...) khi có sự chỉ đạo của lãnh đạo thành phố hoặc của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Đẩy mạnh, ưu tiên nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, đề xuất ứng dụng khoa học công nghệ trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, ứng phó với hạn hạn, xâm nhập mặn,... Đề xuất UBND thành phố có chính sách khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, tiến tiến trong khai thác, sử dụng nước.

9. Sở Giao thông Vận tải

a) Triển khai phương án phòng chống thiên tai (bão, lũ, sạt lở...) đối với các công trình giao thông.

b) Rà soát và có kế hoạch khắc phục các công trình giao thông gây gia tăng mức độ thiên tai lũ, lũ quét và ngập úng đô thị.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát Phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

d) Triển khai phương án bảo đảm an toàn giao thông vận tải trước và trong thiên tai. Phối hợp với Công an thành phố và các địa phương chốt chặn các đoạn đường các khu vực nguy hiểm.

đ) Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.

10. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Triển khai phương án đảm bảo an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao thuộc thẩm quyền; thông báo cho các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng các công trình pano, bảng quảng cáo, áp phích tuyên truyền... rà soát, kiểm tra, tổ chức giảng chống hoặc tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn.

b) Cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ văn hóa, thể thao và trụ sở làm việc của các đơn vị trực thuộc tại các địa phương thường xuyên chịu sự ảnh hưởng của thiên tai và đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị thiết yếu, chuyên dụng đáp ứng hiệu quả các nhu cầu về công tác phòng, chống, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Văn hóa, Thể thao; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức về công tác phòng, chống, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động qua các phương tiện thông tin...

c) Tập huấn công tác sử dụng các phương tiện, trang thiết bị. Phối hợp diễn tập ứng cứu và tìm kiếm cứu nạn để nâng cao năng lực chuyên trách và bán chuyên trách, tăng cường kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch PCTT&TKCN tại các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao.

d) Tổ chức tuyên truyền bằng các hình thức cổ động trực quan (xây dựng các cụm pa nô, tranh cổ động, kẻ vẽ các khẩu hiệu chằng treo các băng zôn) phổ biến thường xuyên trên hệ thống phát thanh cơ sở. Xây dựng các tiểu phẩm văn nghệ thông tin lưu động... về công tác phòng chống thiên tai,...

11. Sở Du lịch

a) Triển khai phương án đảm bảo an toàn cho khách du lịch.

b) Triển khai, quán triệt kịp thời các chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo của UBND thành phố, Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai đến các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch (lữ hành, khu điểm du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, vận chuyển du lịch...) trên địa bàn thành phố để kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho khách du lịch, trang thiết bị, cơ sở vật chất tại đơn vị.

c) Thường xuyên liên lạc với các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố để nắm tình hình về công tác phòng chống thiên tai tại các đơn vị, tình hình khách và hướng dẫn đơn vị sơ tán du khách đến nơi an toàn (nếu có).

d) Phối hợp với UBND các quận, huyện trong công tác vận động các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố để sử dụng làm nơi sơ tán cho người dân, du khách... trong thời gian diễn ra thiên tai.

12. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu UBND thành phố trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân vùng bị thiên tai kịp thời, đúng đối tượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tổng hợp thiệt hại của người dân về nhà ở, cứu đói, người bị chết, bị thương nặng do thiên tai gây ra; trên cơ sở tình hình thiệt hại, đề xuất các chính

sách, biện pháp hỗ trợ cho các địa phương sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Tài chính và các địa phương tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn do thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các sở, ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố chỉ đạo thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý; đề xuất các biện pháp đối ngoại trong phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.

15. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố tổ chức rà soát, đánh giá, giám sát việc thực hiện Đề án.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố; tổng hợp, báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng kết quả thực hiện trước ngày 30 tháng 11 hằng năm. Trong quá trình triển khai Đề án, cần thường xuyên cập nhật, bám sát diễn biến, tình hình để bổ sung, điều chỉnh các phương án, kịch bản cho phù hợp; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Thành ủy theo dõi, chỉ đạo.

16. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

a) Hàng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức hiệp đồng công tác Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hiệp đồng tham gia ứng phó sự cố thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, tập trung vào 12 tình huống theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ và phân công trách nhiệm về địa bàn ứng phó xử lý của từng đơn vị cụ thể.

b) Thường xuyên kiện toàn Đội ứng cứu khẩn cấp thiên tai đồng thời chỉ đạo kiên toàn lực lượng kiêm nhiệm PCTT, TKCN của các địa phương, đơn vị; rà soát, triển khai Phương án hoạt động, bố trí lực lượng, phương tiện ứng phó, xử lý tình huống khẩn cấp và tìm kiếm cứu nạn tại các khu vực trọng điểm.

c) Khi thiên tai, thảm họa xảy ra, tổ chức tăng cường lực lượng CH-CN sẵn sàng ứng phó; phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng tham gia giúp địa phương xử trí tốt các tình huống; sơ tán nhân dân đến nơi an toàn, dọn dẹp, khắc phục hậu quả, đồng thời phối hợp với Công an thành phố bố trí lực lượng ứng trực tại các khu vực nguy hiểm, hướng dẫn người dân, phương tiện không đi vào.

✓

d) Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền quy hoạch, đầu tư phát triển kinh tế xã hội gắn với phòng chống thiên tai, thảm họa; xây dựng các kế hoạch, phương án về PCTT-TKCN, sát với tình hình địa phương, phát huy khả năng 4 tại chỗ; đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân tích cực, chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống.

đ) Tham mưu Thành ủy, UBND thành phố đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn của thành phố.

17. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương triển khai Phương án đảm bảo an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

b) Triển khai Phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân.

c) Triển khai Phương án phòng cháy chữa cháy, chú ý đến các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực đã sơ tán nhân dân.

d) Triển khai hoạt động của Đội ứng cứu sập đổ công trình.

18. Công an thành phố

a) Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan và các lực lượng cứu hộ của các Bộ, ngành, Trung ương tổ chức tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, sơ tán, ứng cứu người và tài sản, khắc phục hậu quả khi có thiên tai, thảm họa xảy ra.

b) Chủ động triển khai công tác phối hợp hiệp đồng, trao đổi thông tin giữa các lực lượng chức năng đứng chân trên địa bàn trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tổ chức và phối hợp tổ chức các khóa huấn luyện, tập huấn, diễn tập sát thực tế, đảm bảo xử lý hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

c) Đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị ứng phó thiên tai và cứu hộ, cứu nạn phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị để nâng cao hiệu quả công tác cứu hộ, cứu nạn.

19. Đài Phát thanh - Truyền hình thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn thành phố

a) Thực hiện các quy định về truyền tin cảnh báo, thông tin đầy đủ và kịp thời các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai; phổ biến các Chỉ thị, Công điện, chỉ đạo,... của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Thành ủy, UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố và các cơ quan có thẩm quyền về công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Tăng cường, đẩy mạnh công tác truyền thông về thiên tai; phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng các chương trình để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức cơ bản về phòng, chống thiên tai cho Nhân dân, kinh nghiệm điển hình trong công tác phòng, chống thiên tai.

20. Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng

a) Bố trí lực lượng đảm bảo đủ năng lực chuyên môn để quản lý, vận hành công trình thủy lợi; thường xuyên theo dõi, kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa lũ nhằm phát hiện sớm những nguy cơ gây mất an toàn công trình.

b) Tổ chức vận hành thử các cửa van, thiết bị phục vụ xả lũ của các hồ chứa nước; bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị cơ khí. Bố trí đủ vật tư, thiết bị dự phòng, bảo đảm kịp thời sửa chữa, thay thế trong trường hợp có sự cố vận hành; bố trí hệ thống thông tin, cảnh báo cho người dân ở hạ du khi xảy ra lũ các hồ chứa. Nạo vét, khơi thông kênh hạ lưu các tràn xả lũ, hệ thống kênh tiêu để chủ động tiêu úng, thoát lũ khi có mưa lớn xảy ra.

c) Các chủ đập, hồ chứa thủy lợi thường xuyên kiểm tra, nghiêm cấm các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi chưa được UBND tỉnh cấp phép, các hoạt động tự phát (câu cá, tổ chức cắm trại, ăn uống trong lòng hồ....của người dân) nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và an toàn công trình.

d) Lập Phương án Phòng, chống và khắc phục hậu quả với các nội dung chính:

- Lập Phương án phòng, chống lụt bão và khắc phục hậu quả đối với các hồ chứa nước do Công ty quản lý, khai thác gửi các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

- Lập Phương án phòng, chống lụt bão và khắc phục hậu quả cho công trình và hệ thống công trình thủy lợi, phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du các hồ chứa nước do Công ty quản lý.

- Phương án chuẩn bị và huy động các trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác ứng phó và khắc phục hậu quả bão, lũ.

- Phương án thông tin liên lạc với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố và UBND huyện Hòa Vang và đảm bảo thông tin liên lạc với các xã ở hạ du 02 hồ chứa nước lớn Hòa Trung và Đồng Nghệ, kịp thời thông báo cho nhân dân khi xảy ra sự cố.

đ) Lập và thực hiện các nội dung, quy định về quản lý an toàn hồ chứa theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

e) Đánh giá tình hình thực tế về lực lượng, phương tiện, vật tư... và đề xuất trang bị vật tư, phương tiện cần thiết của đơn vị để phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

21. UBND các quận, huyện, xã, phường

a) Phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện các nội dung, công việc được giao trong Đề án; chủ động bố trí ngân sách địa phương để lồng ghép các nguồn lực triển khai;

b) Triển khai, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án. Hằng năm, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp quận, huyện cho UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố để theo dõi, chỉ đạo.

II. ĐỀ NGHỊ ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THÀNH PHỐ, CÁC HỘI, ĐOÀN THỂ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Phối hợp với các Sở ngành, UBND các địa phương trong công tác triển khai nhiệm vụ Đề án, trong đó tập trung các hoạt động truyền truyền, tập huấn, diễn tập, nâng cao nhận thức cộng đồng, hoạt động truyền tin, cảnh báo thiên tai.

2. Phối hợp, chỉ đạo các tổ chức, Hội thành viên thực hiện quy định pháp luật về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai và các quy định của pháp luật.

III. ĐỀ NGHỊ ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ

1. Cung cấp kịp thời bản tin dự báo năm, dự báo mùa, dự báo tháng cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi để phục vụ công tác liên quan đến lĩnh vực thủy lợi như lập kế hoạch sử dụng nước hồ chứa, điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước hồ chứa, kế hoạch vận hành các trạm bơm,...; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố, Đài Phát thanh - Truyền hình thành phố và các đơn vị liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

2. Tiếp tục tăng cường, nâng cao công tác dự báo, cảnh báo, trong đó nghiên cứu dự báo được chính xác cụ thể thời điểm, khu vực, phạm vi xảy ra thiên tai và mức độ thiên tai, định lượng mưa, nhất là các loại hình thiên tai nguy hiểm, diễn biến nhanh và sức tàn phá lớn như mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đá,... đồng thời thông tin kịp thời đến các cấp chính quyền và người dân để chủ động triển khai phòng tránh và ứng phó.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, địa phương, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự thành phố tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm và quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai; tham gia tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về dự báo, khí tượng thủy văn cho chính quyền các cấp và cộng đồng, người dân.

B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và trình bày tại các Phụ lục đính kèm (Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII). Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập kế hoạch chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật. Tùy vào tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ sẽ kiểm tra, rà soát, nghiên cứu khả năng cân đối ngân sách thành phố, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và kế hoạch vốn đầu tư công trung giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 được UBND thành phố phê duyệt để tham mưu, đề xuất UBND thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Ngân sách nhà nước (bao gồm: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương), Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn huy động hợp pháp khác.

1. Ngân sách nhà nước, vốn vay (ODA,...)

Chỉ cho công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và công tác đầu tư phát triển ngành thủy lợi trên địa bàn thành phố. Tập trung đầu tư các dự án bảo vệ, phát triển rừng, trồng cây xanh; dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai; xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, sạt lở, công trình nạo vét, chỉnh trị; xây dựng, nâng cấp công trình giao thông có xem xét đến yếu tố phòng, chống thiên tai; thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, hệ thống thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo, giám sát phục vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra,...

Chỉ cho các hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái,; các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án thử nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp; ...

Ngân sách dự phòng của địa phương: Xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

2. Quỹ phòng chống thiên tai (gồm hỗ trợ từ Quỹ Phòng chống thiên tai Trung ương, Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh, Quỹ Phòng chống thiên tai cấp huyện, xã được giữ lại) chỉ hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cấp bách; chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai, hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa theo đúng quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng tiếp nhận, huy động

Hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế từ việc huy động trong xã hội. Nguồn kinh phí các

tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng huy động, hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

4. Vốn đầu tư, xã hội hoá từ khối tư nhân, các nguồn vốn hợp pháp khác

Vận động khối tư nhân đầu tư theo các chính sách hỗ trợ đầu tư, vay vốn; xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, thủy lợi phối kết hợp đa mục tiêu, phục vụ tham quan, dịch vụ, du lịch, quảng bá sản phẩm, hình ảnh,...; khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở bảo đảm an toàn với thiên tai.

Các nguồn vốn hợp pháp khác phục vụ cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Tập trung thu hút nguồn lực xã hội hóa để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

5. Tùy vào tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ sẽ kiểm tra, rà soát, cụ thể hóa các nhiệm vụ và đề xuất dự toán kinh phí, nghiên cứu khả năng cân đối ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để tham mưu, đề xuất UBND thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

C. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2022 đến năm 2025 và được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố, tầm nhìn đến năm 2030.

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và trình bày tại các Phụ lục đính kèm. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập kế hoạch chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật./.



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ BẢO VỆ BỜ BIỂN, BỜ SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tuyến đê kè bảo vệ bờ biển, bờ sông	Tổng chiều dài(km) (3)=(4)+(5)+(6)	Các tuyến đê, kè đã được xây dựng, nâng cấp trước năm 2020 (km)	Các tuyến đê, kè đang được xây dựng, nâng cấp hoặc có dự án (km)	Các tuyến đê, kè chưa được xây dựng, nâng cấp (km)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Đê kè biển Liên Chiểu :	4,60	3,10	0,30	1,20	
1	Cầu Nam Ô - NMXM Hải Vân	0,65	0,65	-	-	Kè hiện trạng
2	NMXM Hải Vân - Cầu Trắng	1,50	1,50	-	-	Kè hiện trạng
3	Cầu Trắng - Kho K83	0,33	0,33	-	-	Kè hiện trạng
4	Cầu Nam Ô - Đồi Vân Dương	1,20	-	-	1,20	Chưa có dự án
5	Đường Nguyễn Tất Thành - Đồi Vân Dương	0,92	0,62	0,30	-	Chưa có dự án
II	Đê kè biển Liên Chiểu - Thuận Phước	13,38	13,38	0,00	0,00	
1	Kè Khu đô thị Đa Phước	4,80	4,80	-	-	Kè hiện trạng
2	Đường Lê Độ - Nguyễn Huy Trứ	4,40	4,40	-	-	Kè hiện trạng
3	Nguyễn Huy Trứ - Khu du lịch Xuân Thiều	2,03	2,03	-	-	Kè hiện trạng
4	Khu du lịch Xuân Thiều - đê, kè Liên Chiểu	2,14	2,14	-	-	Kè hiện trạng
III	Đê kè Mân Quang	3,41	0,37	3,03	0,00	
1	Đoạn nối tiếp đê kè BĐ Đông	1,255	0,37	0,882	-	Kè hiện trạng
2	Đoạn KĐT Mân Quang	2,15	-	2,15	-	Có dự án (Nhà đầu tư)
IV	Đê, kè biển Sơn Trà - Điện Ngọc	5,93	4,93	0,59	0,42	

✓

V	Đê, kè vùng cửa sông Hàn (Sông Hàn từ ngã ba sông Cẩm Lệ, Vĩnh Điện – Cửa sông Hàn):	19,23	19,23	0,00	0,00	
1	Bờ Tây Sông Hàn	9,63	9,63	0,00	0,00	
a	Đê kè bạch Đằng Tây đoạn cầu Thuận Phước đến Cỏ Viện Chăm	3,70	3,70	-	-	Kè hiện trạng
b	Đê kè vùng cửa sông Hàn đoạn từ Cỏ Viện Chăm đến đường dẫn cầu TTL	1,10	1,10	-	-	Kè hiện trạng
c	Đoạn cầu Trần Thị Lý đến Tượng đài 2/9	1,10	1,10	-	-	Kè hiện trạng
d	Kè Khu Đảo Xanh	1,10	1,10	-	-	Kè hiện trạng
e	Giáp khu Đảo Xanh đến Khu dân cư Tuyên Sơn	2,63	2,63	-	-	Kè hiện trạng
2	Kè bờ Đông Sông Hàn	9,60	9,60	0,00	0,00	
a	Dự án Marina complex - Olalani	1,75	1,75	-	-	Kè hiện trạng (Nhà đầu tư)
b	Từ đường Nại Tú 2 đến Hà Thị Thân (Giáp Khu Eurovilage)	2,59	2,59	-	-	Kè hiện trạng
c	Kè bảo vệ Khu Eurovilage (giáp cầu Nguyễn Văn Trỗi)	0,92	0,92	-	-	Kè hiện trạng (Sun Group đầu tư)
d	Đoạn từ cầu Nguyễn Văn Trỗi đến cầu Tuyên Sơn	1,75	1,75	-	-	Kè hiện trạng
d	Đoạn Nam Tuyên Sơn - Hòa Hải	2,60	2,60	-	-	Kè hiện trạng
VII	Sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ (ngã ba sông Túy Loan - sông Yên đến ngã ba sông Cẩm Lệ - sông Vĩnh Điện):	20,08	10,08	10,00	0,00	
1	Kè bờ tả	10,78	6,78	4,00	0,00	
a	Kè Tuyên Sơn - Túy Loan	10,00	6,00	4,00	-	Kè hiện trạng
b	Kè La Hường	0,78	0,78	-	-	Kè hiện trạng
2	Kè bờ hữu	9,30	3,30	6,00	0,00	
a	Ngã ba sông Túy Loan – S. Yên đến Kè Tây An	2,50	-	2,50	-	Đang lập dự án
b	Kè Tây An (giáp thượng lưu cầu Đỏ)	0,70	0,70	-	-	Kè hiện trạng
c	Kè Tây An (giáp thượng lưu cầu Đỏ) - Cầu Nguyễn Tri Phương (phía hạ lưu)	3,50	-	3,50	-	Đang lập dự án

d	Cầu Nguyễn Tri Phương (phía hạ lưu) – hợp lưu sông Vĩnh Điện	2,60	2,60	-	-	Kè hiện trạng (Sun Group đầu tư)
VIII	Sông Vĩnh Điện (ngã ba sông Cẩm Lệ - sông Vĩnh Điện đến giáp Quảng Nam - cầu Tứ Cầu) :	18,02	9,67	1,75	6,60	
1	Kè bờ hữu sông Vĩnh Điện	9,49	6,69	0,00	2,80	
a	Kè Thị An - An Lưu	1,20	1,20	-	-	Ban NN
b	Thị An - An Lưu đến Hòa Quý	2,00	-	-	2,00	Chưa có dự án
c	Kè chỉnh trị sông Vĩnh Điện	1,34	1,34	-	-	Kè hiện trạng
d	Kè Khu Bá Tùng	1,00	0,20	-	0,80	
e	Kè Mân Quang	0,65	0,65	-	-	Kè hiện trạng
f	Kè Hòa Quý – Đồng Nò	3,30	3,30	-	-	Sun Group
2	Kè bờ tả sông Vĩnh Điện	8,53	2,98	1,75	3,80	
a	Kè khẩn cấp An Tân – Giáng Nam	0,35	0,35	-	-	Kè hiện trạng
b	Kè Giáng Nam 2	0,33	0,33	-	-	Kè hiện trạng
c	Kè khẩn cấp thôn Giáng Nam 1 (đã có chủ trương)	0,50	-	0,50	-	Đang lập dự án
d	Kè Giáng Nam 1 đến cầu Hòa Phước	1,40	-	-	1,40	Chưa có dự án
e	Kè bờ tả sông Vĩnh Điện, hạ lưu cầu Hòa Phước đến sông Quá Giáng	0,30	0,30	-	-	Kè hiện trạng
f	Kè bờ tả sông Vĩnh Điện, đoạn qua KDC Liêm Lạc (giai đoạn 2)	1,20	-	0,60	0,60	Chưa có dự án
g	Kè bờ tả sông Vĩnh Điện, đoạn qua KDC Liêm Lạc (giai đoạn 1)	0,65	-	0,65	-	Đã có dự án
h	Kè bờ tả sông Vĩnh Điện, đoạn qua KDC Hòa Xuân	1,80	-	-	1,80	Chưa có dự án
i	Kè bảo vệ Khu sinh thái Hòa Xuân	2,00	2,00	-	-	Kè hiện trạng (Sun Group đầu tư)
IX	Sông Cô Cò (cầu Biện đến giáp Quảng Nam)	11,36	2,96	3,75	4,65	
1	Kè bờ Đông	4,05	1,40	0,00	2,65	
a	Kè Khu Phú Mỹ An	1,40	1,40	-	-	Kè hiện trạng (NĐT)
b	Kè Khu FPT	2,20	-	-	2,20	Nhà đầu tư

c	Kè khu khai thác quỹ đất nam FPT	0,45	-	-	0,45	Nhà đầu tư
2	Kè bờ Tây	7,31	1,56	3,75	2,00	Kè hiện trạng (Sun Group đầu tư)
a	Dự án Hoàng Trà – Sun Group	1,50	1,50	-	-	Sun Group
b	Kè Cỏ Cò	3,75	-	3,75	-	Đang thi công
c	Kè thượng lưu cầu Cỏ Cò	0,06	0,06	-	-	Kè hiện trạng
d	Kè qua khu vực sân golf VinaCapital	2,00	-	-	2,00	Nhà đầu tư
X	Sông Yên (hạ lưu đập An Trạch – ngã ba sông Cẩm Lệ):	11,10	0,70	10,40	0,00	
1	Kè bờ hữu	5,99	0,47	5,52	0,00	
a	Kè hạ lưu cầu Sông Yên	0,47	0,47	-	-	Kè hiện trạng
b	Kè khẩn cấp (giai đoạn 1 - năm 2020)	1,22	-	1,22	-	Đang thi công
c	Kè khẩn cấp giai đoạn 2	4,30	-	4,30	-	Đã lập dự án
2	Kè bờ tả	5,11	0,23	4,88	0,00	
a	Kè hạ lưu cầu Sông Yên	0,23	0,23	-	-	Kè hiện trạng
b	Kè khẩn cấp (giai đoạn 1 - năm 2020)	0,98	-	0,98	-	Đang thi công
c	Kè khẩn cấp giai đoạn 2	3,90	-	3,90	-	Đã lập dự án
d	Kè thượng lưu đập dâng An Trạch	2,50	-	-	2,50	Chưa có dự án
XI	Sông Túy Loan:	48,74	9,48	4,62	35,59	
1	Kè bờ hữu (Hòa Hải - Túy Loan)	10,00	3,10	0,97	5,93	
a	Kè An Tân	0,80	-	0,80	-	Đang thi công
b	Tuyến số 5 Kè Túy Loan	0,90	0,90	-	-	Kè hiện trạng
c	Tuyến số 7 Kè Túy Loan	0,17	-	0,17	-	Đã lập dự án
d	Kè bờ hữu hiện trạng (thượng và hạ lưu cầu Giảng)	2,20	2,20	-	-	Kè hiện trạng
e	Phạm vi bờ tả còn lại chưa có kè	5,93	-	-	5,93	Chưa có dự án
2	Kè bờ tả (Diêu Phong – Túy Loan)	10,00	3,57	2,33	4,10	
a	Tuyến số 1 Kè Túy Loan	0,65	-	0,65	-	Đang thi công

b	Tuyển số 2 Kè Túy Loan	0,77	0,77	-	-	Kè hiện trạng
c	Kè Túy Loan – đoạn thôn Ninh An	0,40	-	0,40	-	Đang thi công
d	Kè Túy Loan – đoạn Nhà cổ Tích Thiện Đường	0,20	-	0,20	-	Đang thi công
e	Kè Túy Loan – đoạn thôn Thạch Nham	0,58	-	0,58	-	Đang thi công
f	Tuyển số 8 Kè Túy Loan	0,50	-	0,50	-	Đã lập dự án
g	Kè bờ tả hiện trạng (thượng lưu cầu Giăng)	2,80	2,80	-	-	Kè hiện trạng
h	Phạm vi bờ tả còn lại chưa có kè	4,10	-	-	4,10	Chưa có dự án
3	Nhánh Hội Phước (Hội Phước – Diêu Phong)	10,60	2,33	0,10	9,12	
a	Kè Hội Phước (2 bờ thượng hạ lưu cầu Hội Phước)	0,87	0,87	-	-	Kè hiện trạng
b	Kè Hội Phước (hiện trạng bờ hữu)	0,91	0,36	-	0,55	Kè hiện trạng
c	Đoạn 4 Kè khẩn cấp 5 đoạn (năm 2020)	0,10	-	0,10	-	Đã lập dự án
d	Kè hiện trạng (thượng lưu cầu Diêu Phong)	0,15	0,15	-	-	Kè hiện trạng
e	Phạm vi còn lại chưa có kè	8,57	-	-	8,57	Chưa có dự án
4	Nhánh Lỗ Đông (Phú Túc – Diêu Phong)	18,14	0,48	1,22	16,44	
a	Kè thượng, hạ lưu cầu Lâm Viên	0,48	0,48	-	-	Kè hiện trạng
b	Đoạn 1 Kè khẩn cấp 5 đoạn (năm 2020)	0,16	-	0,16	-	Đã lập dự án
c	Đoạn 2 Kè khẩn cấp 5 đoạn (năm 2020)	0,40	-	0,40	-	Đã lập dự án
d	Kè khẩn cấp chống sạt lở sông Lỗ Đông (Trường tiểu học Hòa Phú)	0,66	-	0,66	-	Đã lập dự án
e	Phạm vi còn lại chưa có kè	16,44	-	-	16,44	Chưa có dự án
5	Nhánh sông Con	0,54	0,54	0,00	0,00	
a	Bờ tả thôn 1, xã Hòa Ninh	0,32	0,32	-	-	Kè hiện trạng
b	Bờ hữu, thôn 1 xã Hòa Ninh	0,22	0,22	-	-	Kè hiện trạng
XII	Sông Cu Đê	30,37	7,63	4,20	18,54	
1	Kè bờ hữu sông Cu Đê	15,17	4,14	3,00	8,03	
a	Kè Nam Mỹ	0,41	0,41	-	-	Kè hiện trạng

b	Kè Phò Nam	0,36	0,36	-	-	Kè hiện trạng
c	Tuyến 1 - Kè chống sạt lở khẩn cấp	0,27	0,27	-	-	Kè hiện trạng
d	Tuyến 5 - Kè chống sạt lở khẩn cấp	1,40	1,40	-	-	Kè hiện trạng
e	Kè hiện trạng bảo vệ mô nam cầu Trường Định	0,30	0,30	-	-	Kè hiện trạng
f	Tuyến 6 - Kè chống sạt lở khẩn cấp	1,40	1,40	-	-	Kè hiện trạng
g	Đê Liên hiệp, phạm vi qua các Khu Golden Hills và Thủy Tú	3,00	-	3,00	-	Nhà đầu tư
h	Phạm vi bờ hữu còn lại chưa có kè	8,03	-	-	8,03	Chưa có dự án
2	Kè bờ tả sông Cu Đê	15,20	3,49	1,20	10,51	
a	Tuyến 2 - Kè chống sạt lở khẩn cấp	0,59	0,59	-	-	Kè hiện trạng
b	Kè Nam Yên	0,25	0,25	-	-	Kè hiện trạng
c	Tuyến 3 - Kè chống sạt lở khẩn cấp	0,70	0,70	-	-	Kè hiện trạng
d	Kè chống sạt lở sông Cu Đê qua thôn Trường Định	0,97	0,97	-	-	Kè hiện trạng
e	Kè Trường Định	1,20	-	1,20	-	Dang thi công
f	Kè Bàu Bàng	0,98	0,98	-	-	Kè hiện trạng
g	Phạm vi bờ tả còn lại chưa có kè	10,51	-	-	10,51	Chưa có dự án
XIII	Sông Quá Giàng	9,04	0,54	4,84	3,66	
1	Kè bờ hữu	4,53	0,23	2,88	1,42	
a	Kè Quá Giàng 2	0,23	0,23	-	-	Kè hiện trạng
b	Tuyến số 1, thôn Tân Hạnh	0,18	-	0,18	-	Đã lập dự án
c	Tuyến số 2	0,30	-	0,30	-	Đã lập dự án
d	Tuyến số 3	0,50	-	0,50	-	Đã lập dự án
e	Tuyến số 4, qua khu DT lịch sử Quốc Gia.....	0,70	-	0,70	-	Đã lập dự án
f	Tuyến số 5	0,40	-	0,40	-	Đã lập dự án
g	Tuyến số 6	0,80	-	0,80	-	Đã lập dự án
h	Phạm vi còn lại chưa có kè	1,42	-	-	1,42	Chưa có dự án
2	Kè bờ tả	4,51	0,31	1,96	2,24	

✓

a	Kê Quá Giáng 1	0,31	0,31	-	-	Kê hiện trạng
b	Tuyển số 7	0,55	-	0,55	-	Đã lập dự án
c	Tuyển số 8	0,61	-	0,61	-	Đã lập dự án
d	Tuyển số 9	0,80	-	0,80	-	Đã lập dự án
e	Phạm vi còn lại chưa có kê	2,24	-	-	2,24	Chưa có dự án
Tổng		195,24	82,07	43,48	70,66	



Phụ lục II

BẢNG THỐNG KÊ CÁC HỒ CHỨA THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích tưới (ha)		Đã và đang đầu tư, nâng cấp xong trước năm 2020			Cần thực hiện nâng cấp, sửa chữa để đảm bảo an toàn
			Thiết kế	Thực tế	Đã đầu tư, nâng cấp trước năm 2020	Năm sửa chữa gần nhất	Đang thực hiện nâng cấp, sửa chữa	
1	Hồ Đồng Nghệ	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	1.500	710	x	2012	x	
2	Hồ Hòa Trung	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	950	170	x	2017		
3	Hồ Cau	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		28	x	2018		
4	Đồng Tréo	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		14	x	2018		
5	Hồ Trảy	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		12		2021	x	
6	Hồ Gáo	Hòa Sơn, huyện Xã Hòa Vang		15	x	2018		
7	Hồ Cái	Hòa Sơn, huyện Xã Hòa Vang		14		2021	x	
8	Hồ Khê	Hòa Sơn, huyện Xã Hòa Vang		-		2005	x	
9	Hồ Thung	Hòa Sơn, huyện Xã Hòa Vang		14		2021	x	
10	Trông Đá Bạc	Hòa Sơn, huyện Xã Hòa Vang		-		2021	x	
11	Trước Đông	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang		106	x	2018		
12	Trường Loan	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang		30	x	2018		
13	Tân An	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang		7,5		2021	x	
14	Hóc Khê	Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang		54,6	x	2018		
15	Diêu Phong	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang		3		2021	x	
16	Hóc Gôi	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang		3,2	x	2018		
17	Phú Túc	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		2,5		2021	x	
18	An Nhơn	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		2,5		2021	x	
19	Hồ Lãng	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang		2		1998	x	

✓



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC PHI CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2022-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí	Giai đoạn		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022-2025	2026-2030		
	Tổng cộng	305.840	145.240	160.600		
I	HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH	640	240	400		
1	Triển khai các quy định, rà soát, xây dựng các chính sách liên quan đến công tác phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy rừng,...	300	100	200	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
2	Xây dựng và ban hành bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp quận/huyện, xã/phường	40	20	20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
3	Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của các cấp, ngành	20	10	10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
4	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách, xã hội hóa trong công tác phòng, chống thiên tai; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư cho phòng chống thiên tai	20	10	10	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch đầu tư và các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường

✓

5	Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ hộ gia đình chính sách xây dựng nhà ở chống chịu với bão, lũ	30	10	20	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Xây Dựng, các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
6	Hoàn thiện chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã	30	0	30	Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
7	Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai xây dựng công trình đảm bảo an toàn trước thiên tai	100	50	50	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
8	Nghiên cứu, chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm rủi ro thiên tai	30	10	20	Sở Tài chính	Bảo hiểm Xã hội thành phố Đà Nẵng; các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
9	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế để huy động hàng hóa, quản lý bình ổn thị trường do thiên tai	30	10	20	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, xã, phường
10	Xây dựng, cập nhật chính sách hỗ trợ thiệt hại về nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai	20	10	10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, UBND các quận, huyện

11	Tham mưu thực hiện chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai	20	10	10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan, UBND các quận, huyện
II	TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC	136.000	78.700	57.300		
1	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp.	3.500	500	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
2	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ hỗ trợ công tác trực ban cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy các cấp; trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai	40.000	30.000	10.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các lực lượng vũ trang; UBND các quận huyện;	
3	Đầu tư mua sắm, cấp phát trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự cho các cấp, ngành, địa phương, đơn vị	70.000	40.000	30.000	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng	Các đơn vị lực lượng vũ trang, các sở, ngành, UBND các quận, huyện, xã, phường
4	Tổ chức diễn tập (cơ chế và thực binh) phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại các địa phương, các ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang	15.000	5.000	10.000	Các đơn vị lực lượng vũ trang, các sở, ngành, UBND các cấp	Các đơn vị lực lượng vũ trang, các sở, ngành, UBND các quận, huyện, xã, phường

5	Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi	500	200	300	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng, UBND các quận, huyện, xã, phường
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ phần mềm phục vụ điều hành, hỗ trợ các cấp chính quyền ra quyết định	5.000	2.000	3.000	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
7	Diễn tập phòng chống, chữa cháy rừng	2.000	1.000	1.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
III	NÂNG CAO NHẬN THỨC, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHO CỘNG ĐỒNG	21.500	4.700	16.800		
1	Triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”	18.000	3.000	15.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy lợi)	Các sở, ngành, Hội đoàn thể, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
2	Tập huấn phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng chống thiên tai và kỹ năng sơ cấp cứu cho đội ngũ giáo viên các cấp; xây dựng sổ tay trường học an toàn trong thiên tai và hướng dẫn chương trình ngoại khóa, hội thi,... về kỹ năng ứng phó thiên tai	2.000	1.000	1.000	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy lợi)	Lực lượng vũ trang; Hội đoàn thể; UBND các quận, huyện

3	Củng cố, nâng cao năng lực lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp phường/xã	1.500	700	800	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy lợi)	Lực lượng vũ trang; Hội đoàn thể; UBND các quận, huyện
IV	LẬP, RÀ SOÁT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, QUY HOẠCH	36.400	17.200	19.200		
1	Đề án phòng chống sạt lở bờ sông	1.000	1.000	0	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện
2	Xây dựng quy chế phối hợp và điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn	500	200	300	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh Quảng Nam; các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
3	Lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro trượt lở đất đá tỷ lệ lớn tùy theo nguy cơ từng vùng	5.000	3.000	2.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải, Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
4	Triển khai xây dựng, cập nhật, hoàn thiện phương án ứng phó thiên tai cấp thành phố (hàng năm)	2.000	1.000	1.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, Hội đoàn thể, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường

5	Triển khai xây dựng, cập nhật, hoàn thiện phương án ứng phó thiên tai cấp quận, huyện	3.000	1.000	2.000	UBND các quận, huyện	Các sở, ngành, Hội đoàn thể, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
6	Xây dựng phương án chống ngập lụt đô thị	5.000	3.000	2.000	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, Hội đoàn thể, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện, xã, phường
7	Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai với các loại hình thiên tai chính (bão, lũ, lũ quét,...); bản đồ ngập lũ theo cấp độ rủi ro thiên tai và cấp báo động lũ đến cấp thôn, xã	5.000	2.000	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
8	Rà soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi, đê, kè đến năm 2030	3.000	2.000	1.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
9	Rà soát, xây dựng hành lang thoát lũ (các sông Cầu Đò - Cẩm Lệ, Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện, Cổ Cò và Cu Đê)	10.000	3.000	7.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
10	Quy hoạch khu tái định cư vùng thiên tai, lũ quét, ngập sâu, sạt lở bờ sông, sạt trượt đất đá,...trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	1.000	500	500	UBND các quận, huyện	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Rà soát hiện trạng cây xanh, xây dựng phương án trồng, chăm sóc, cắt tỉa đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão	500	300	200	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện

12	Đề án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà trú ẩn đa năng cộng đồng trên địa bàn huyện Hòa Vang, các quận	200	100	100	UBND huyện Hòa Vang, các quận	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
13	Triển khai xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp quận/ huyện/giai đoạn 2022- 2025; 2025-2030	200	100	100	UBND huyện Hòa Vang, các quận	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
V	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG	10.000	3.000	7.000		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	10.000	3.000	7.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện
VI	TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC KIỂM SOÁT THIÊN TAI VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU	17.300	7.700	9.600		
1	Quản lý tàu thuyền, đầu tư trang thiết bị liên lạc, cứu nạn cho các tàu thuyền đánh cá	2.000	1.000	1.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện
2	Rà soát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn các đập An Trạch Hà Thanh, hồ chứa nước thủy lợi	8.000	3.000	5.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện

3	Rà soát, kiểm tra, đánh giá đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn các hồ điều tiết, hồ hình thành sau khai thác khoáng sản	2.000	1.000	1.000	Sở Tài Nguyên và Môi Trường, Sở Xây dựng	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các quận, huyện
4	Rà soát quy hoạch, nâng cấp hệ thống công trình nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng cấp thôn tổ kết hợp sơ tán thiên tai	300	200	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
5	Nghiên cứu đưa ra các giải pháp trữ lũ, điều tiết lũ chống ngập khi đầu tư các dự án, khu dân cư mới trên địa bàn thành phố	3.000	1.500	1.500	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
6	Nghiên cứu Quy hoạch đô thị có phương án giảm diện tích bê tông hoá nhằm tăng hệ số thấm của đất đảm bảo cho thoát nước mặt đô thị nhằm giảm thiểu ngập úng.	1.000	500	500	Sở Xây dựng, UBND các quận, huyện (theo phân cấp)	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
7	Rà soát tổng thể và xây dựng phương án thoát nước, chống ngập của các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Hòa Vang (theo chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 7268/UBND-SGTVT, 05/11/2020)	1000	500	500	UBND huyện Hòa Vang và Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang.
VII	HOÀN THIỆN VÀ HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC, QUAN TRẮC VÀ CẢNH BÁO THIÊN TAI	52.000	18.200	33.800		

1	Nghiên cứu và lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát và cảnh báo thiên tai	20.000	5.000	15.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đài Khí tượng thủy văn khu vực Trung Bộ; Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
2	Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin, liên lạc, đảm bảo kết nối thông suốt trước, trong và sau các đợt thiên tai	15.000	8.000	7.000	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
3	Xây dựng phần mềm quản lý và cảnh báo ngập lụt đô thị theo thời gian thực	5.000	3.000	2.000	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các cấp
4	Xây dựng hệ thống, biển báo cảnh báo ngập lụt, sạt lở đất đá, ngầm tràn, cháy rừng... tại vùng nguy cơ cao	3.000	700	2.300	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, lực lượng vũ trang, UBND các cấp
5	Lắp đặt hệ thống quan trắc chuyên dùng đảm bảo an toàn công trình hồ, đập	4.000	500	3.500	Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Đà Nẵng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
6	Xây dựng hệ thống phòng chống sét cho vùng nguy cơ cao	5.000	1.000	4.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy lợi)	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
VIII	HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ	32.000	15.500	16.500		
1	Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình phòng chống thiên tai	20.000	10.000	10.000	Sở Khoa học Công nghệ	Sở Xây dựng, các sở, ngành, UBND các quận, huyện

2	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và định hướng hoạt động nông nghiệp của thành phố	3.000	1.000	2.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
3	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác phòng chống thiên tai, thủy lợi	2.000	1.000	1.000	Chi cục Thủy lợi (Văn phòng thường trực BCH PCTT, TKCN và PTDS)	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, UBND các quận, huyện
4	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý bảo vệ, giám sát rừng	2.000	1.000	1.000	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm)	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, UBND các quận, huyện
5	Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp	3.000	1.500	1.500	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông, Các sở, ngành, UBND các quận, huyện
6	Kiểm tra, tính toán khả năng thoát nước, thoát lũ của các công trình giao thông trên địa bàn huyện Hòa Vang và đề xuất giải pháp đảm bảo tiêu, thoát	2.000	1.000	1.000	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Hòa Vang.

✓



Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
TỔNG CỘNG			780.409	732.667	47.742	
I	GIAO THÔNG		142.487	107.000	35.487	
1	Khớp nối giao thông, thoát nước với Tuyến đường thoát nước Khe Cạn	3168/QĐ-UBND 27/8/2020	26.000	26.000	-	Đang triển khai.
2	Tuyến kênh thoát nước từ khu tái định cư Hòa Nhơn ra sông Túy Loan	333/NQ-HĐND 09/12/2020	115.487	80.000	35.487	
3	Tu sửa, xử lý khẩn cấp sụt lún vỉa hè phía sau tường kè tại khu vực ngã ba đường Võ Nguyên Giáp - Lê Văn Thứ; khu vực bãi tắm Sơn Thủy, quận Ngũ Hành Sơn và đoạn sạt lở lớn dọc bờ kè gần ngã ba đường Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Văn Thoại	CV1863/UBND-SNN 2/04/2021	1.000	1.000		Đang triển khai.
II	DU LỊCH		400	400	-	
1	Xử lý sạt lở tại khu vực bãi tắm Sơn Thủy, cửa xả Mỹ An	1495/QĐ-UBND 17/9/2019	400	400	-	
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN...		392.032	382.532	9.500	
1	Kè khẩn cấp chống sạt lở sông Quá Giáng	3995/QĐ-UBND 03/9/2019	52.669	49.969	2.700	Đang triển khai.
2	Đầu tư nâng cấp các kè khẩn cấp trên địa bàn TPĐN (bờ sông Túy Loan đoạn qua thôn Phú Túc, Hòa Phước, Hội Phước, bờ tả	4885/QĐ-UBND 30/10/2019	19.000	18.100	900	Đang triển khai.

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
	thượng lưu cầu Diêu Phong, thôn Duy Phong, bờ sông Vĩnh Điện khu vực bờ sông Giáng Nam 1)					
3	Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đập dâng An Trạch - Hà Thanh	223/NQ-HĐND 17/5/2019	96.676	96.676	-	
4	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Yên (đoạn từ hạ lưu đập An Trạch cầu sông Yên - ngã ba sông Cẩm Lệ)	227/NQ-HĐND ngày 17/5/2019	35.767	30.767	5.000	DA đã được bố trí NSTW kế hoạch vốn trung hạn 21-25.
5	Công trình thủy lợi để thay thế tuyến kênh thủy lợi của hồ chứa nước Hòa Trung đi qua Khu phụ trợ phục vụ dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng	2032/QĐ-UBND 10/6/2021	10.300	10.300	-	Đang triển khai.
6	Tuyến mương thoát nước dọc đường số 4 Khu công nghiệp Hòa Khánh	1899/QĐ-UBND 02/6/2021	9.900	9.900	-	Giảm KHV theo QĐ phê duyệt DA. Đang triển khai.
7	Kè chống sạt lở bờ tả sông Vĩnh Điện, đoạn qua KDC Liêm Lạc	2483/QĐ-UBND 13/7/2020	14.000	13.600	400	Đang triển khai.
8	Kè chống sạt lở bờ tả sông Túy Loan, đoạn qua thôn Ninh An, Khu vực nhà cổ Tích Thiện Đường và Khu vực thôn Thạch Nham, xã Hòa Nhơn	3012/QĐ-UBND 17/8/2020	14.900	14.700	200	Đang triển khai.
9	Cống thoát nước và bê tông nền đường K382 Núi Thành và K382/H37 Núi Thành	4369/QĐ-UBND 31/12/2021	2.847	2.847	-	DA đã được phê duyệt CTĐT và Báo cáo KTKT.
10	Kè khẩn cấp chống sạt lở sông Cu Đê (bờ tả - xã Hòa Liên) giai đoạn 2	2618/QĐ-UBND 23/7/2020	14.900	14.750	150	
11	Kè khẩn cấp chống sạt lở sông Lỗ Đông	2656/QĐ-UBND 24/7/2020	11.000	10.850	150	Đang triển khai.
12	Kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã Hòa Phong	2879/QĐ-UBND 07/8/2020	12.000	12.000	-	Đang triển khai.

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
13	Kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy-lợi trên địa bàn xã Hòa Khương	2904/QĐ-UBND 10/8/2020	13.000	13.000	-	Đang triển khai.
14	Kênh chính trạm bơm Đông Lâm; kênh chính hồ Hồ Cau, kênh N1 hồ Hồ Cau, kênh chính hồ Diêu Phong	1950/QĐ-UBND 04/6/2020	6.100	6.100	-	Đang triển khai.
15	Đập dâng Para Phước Hưng	1951/QĐ-UBND 04/6/2020	2.050	2.050	-	Đang triển khai.
16	Tuyến kênh N5, N5-1, N5-2 trạm bơm An Trạch	1952/QĐ-UBND 04/6/2020	2.700	2.700	-	Đang triển khai.
17	Tuyến kênh N2-B, N4, N8-1 trạm bơm An Trạch	1953/QĐ-UBND 04/6/2020	7.660	7.660	-	Đang triển khai.
18	Hỗ trợ đầu tư phát triển trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng KH 2020-2025 thuộc giai đoạn 2019-2030	309/QĐ-SNN ngày 06/9/2021	10.663	10.663		Đang triển khai.
19	Nâng cấp Vườn ươm Trạm lâm sinh và phát triển giống lâm nghiệp	1634/QĐ-UBND 16/6/2022	5.900	5.900		DA đã phê duyệt CTĐT, đảm bảo quy định bố trí KHV trung hạn 2021-2025.
20	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Thọ Quang (giai đoạn 2)	4398//QĐ-BNN-TCTS 12/11/2021	50.000	50.000		Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt QĐ 4398/QĐ-BNN-KH ngày 12/11/2021, vốn NSTW: 200 tỷ, NSTP đối ứng 50 tỷ.
IV	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC		131.253	128.698	2.555	
1	Các mương thoát nước trên địa bàn quận Liên Chiểu					Đang triển khai.
a	- Mương thoát nước tổ 29, 36 phường Hòa Hiệp Nam	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	950	950	-	Đang triển khai.

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
b	- Mương thoát nước tổ 36, 39 phường Hòa Hiệp Nam	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	590	590		- Đang triển khai.
c	- Mương thoát nước tổ 66, 67 phường Hòa Khánh Nam	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	700	700		- Đang triển khai.
d	- Mương thoát nước tổ 67 phường Hòa Khánh Nam	2484/QĐ-UBND 13/7/20	800	800		- Đang triển khai.
d	- Mương thoát nước tổ 198 phường Hòa Minh	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	1.000	1.000		- Đang triển khai.
e	- Mương thoát nước sau nhà khu vực Hòa Phú, phường Hòa Minh	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	570	570		- Đang triển khai.
g	- Mương thoát nước chống ngập úng kiệt K264 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh Nam	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	900	900		- Đang triển khai.
h	- Mương thoát nước kiệt đường Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc	2484/QĐ-UBND 13/7/2020	990	990		- Đang triển khai.
2	Xử lý tuyến cống thoát nước đi dưới nhà các hộ dân số 42, 44, 46 đường Yết Kiêu	554/BC-SKHĐT 14/9/2020	3.390	835	2.555	Đang triển khai.
3	Đầu tư nâng cấp Mương thoát nước tuyến đường Lạc Long Quân	408/QĐ-UBND - 05/02/2021	9.700	9.700		- Đang triển khai.
4	Cấp nước PCCC rừng tại Khu di tích Huyện ủy Hòa Vang, Ngầm Đồi thuộc địa bàn xã Hòa Phú, khu vực Núi Sọ thuộc địa bàn xã Hòa Sơn	4939/QĐ-UBND 31/10/19	4.300	4.300		Đang triển khai.
5	Công trình cấp nước PCCC rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa thuộc địa bàn xã Hòa Ninh và Hòa Bắc	4937/QĐ-UBND 31/10/2019	5.700	5.700		Đang triển khai.
6	Sửa chữa tuyến kênh phía Bắc đường số 2 Khu công nghệ cao	QĐ 1555/QĐ-	1.063	1.063		- Đang triển khai (tên cũ: Sửa

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
	(xử lý gia cố đáy kênh đoạn Km1+675,71-Km2+298,53)	UBND 07/5/2021				chữa tuyến kênh phía Bắc đường số 2).
7	Dự án Nạo vét, khơi thông, chỉnh trị trị tiêu thoát nước sông Tây Tĩnh và sông Yên, sông Túy Loan		70.000	70.000		Đề xuất mới
8	Đề án rà soát tăng diện tích hồ, ao, đầm của các dự án đã được quy hoạch hoặc đã phê duyệt nhưng chưa thực hiện		500	500		Đề xuất mới
9	Dự án xây dựng công trình chống ngập cho các khu vực trọng điểm (thường xuyên, ngập sâu, khả năng thoát kém)		100	100		Đề xuất mới
10	Dự án nạo vét, cải tạo, chỉnh trang và bảo vệ các hồ, ao, đầm trên địa bàn các quận, huyện		30.000	30.000		Đề xuất mới
V	MÔI TRƯỜNG		93.537	93.537		-
1	Đầu tư các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn thành phố	210/NQ-HĐND 19/12/2018	73.000	73.000		-
2	Đầu tư 02 hệ thống quan trắc môi trường nước tự động, liên tục trên lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn	3222/QĐ-UBND 22/7/2019	11.647	11.647		-
3	Xây dựng CSDL và hệ thống thông tin quản lý kho tư liệu Tài nguyên và Môi trường	1075/QĐ-UBND 31/3/2021	8.890	8.890		Đang triển khai.
VI	XÃ HỘI		20.700	20.500	200	
1	Bạt mái taluy tại các vị trí xung yếu, kết hợp trồng rừng để giữ đất tại xã Hòa Phú	299/BC-SKHĐT 24/6/2022	13.700	13.615	85	DA cấp bách, phê duyệt CTĐT trước kỳ họp HĐND TP giữa năm, trùng với thời điểm thông qua KHV trung hạn 2021-2025; giao KHV trung hạn sau khi DA được

TT	Danh mục dự án	Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Xây lắp	Đền bù	
						phê duyệt CTĐT theo quy định của Luật Đầu tư công.
2	Xử lý chống sạt lở khu vực đồi Lệ Mỹ tại thôn Quan Nam 3 thuộc xã Hòa Liên	316/BC-SKHĐT 30/6/2022	7.000	6.885	115	DA cấp bách, phê duyệt CTĐT trước kỳ họp HĐND TP giữa năm, trùng với thời điểm thông qua KHV trung hạn 2021-2025; giao KHV trung hạn sau khi DA được phê duyệt CTĐT theo quy định của Luật Đầu tư công.

Ghi chú: - Theo Quyết định số: 1885/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng
 - Không tính những công trình hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng.





Phụ lục V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

* Ghi chú: Đây là danh mục dự án dự kiến, sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế khi lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng	4.059		
I	GIẢI PHÁP NÂNG CẤP, ĐẢM BẢO AN TOÀN CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	2.420		
1	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Nghệ giai đoạn 2.	30	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
2	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Hòa Trung giai đoạn 2.	20	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
3	Nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa của 19 hồ chứa thủy lợi nhỏ: Hóc Khê, Đồng Tréo, Hồ Cau, Trường Loan, Hồ Gáo, Bàu Tràm, Hòa Khê, hồ bơi Quân sự QK5, Hòa Phong 1, Hòa Phong 2, An Nhơn, Hồ Trảy, Phú Túc, Hồ Lãng, Tân An, Diêu Phong, Hóc Gối, Hồ Thung, Hồ Cái.	20	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
4	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa đập dâng An Trạch và Hà Thanh.	160	Ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
5	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương chính và kênh nội đồng:			
5.1	Giai đoạn 2026-2028 (chiều dài 30km)	30	Ngân sách thành phố và	Ưu tiên 1

✓

5.2	<i>Giai đoạn 2028-2030 (chiều dài 20km)</i>	20	<i>các nguồn kinh phí khác</i>	<i>Ưu tiên 2</i>
6	Chương trình quản lý tưới tiêu tự động và ngầm hóa hệ thống kênh tưới nội đồng.	30	Ngân sách Trung ương, Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
7	Dự án đầu tư, gia cố hệ thống kè dọc tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Trường Sa - Võ Nguyên Giáp (dài gần 2.000 m).	180	Ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
8	Xây dựng, nâng cấp các nhà cộng đồng trú tránh thiên tai tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai.	45	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
9	Xây dựng, củng cố, nâng cấp mở rộng cảng cá Thọ Quang kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá.	400	Ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
10	Tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống kè biển và khu vực cửa sông; Xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ các sông Yên, Túy Loan, Cầu Đò - Cẩm Lệ, Cồ Cò, Cu Đê,... giai đoạn 2026-2028	650	Ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
11	Tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống kè biển và khu vực cửa sông; Xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ các sông Vĩnh Điện, Quá Giáng 2028-2030	200	Ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
12	Đầu tư trang thiết bị quan trắc an toàn đập và trang thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng mưa, mực nước, lưu lượng lũ đến hồ phục vụ công tác quản lý, vận hành và xử lý tình huống khẩn cấp của hai hồ chứa lớn Đồng Nghệ và Hòa Trung	10	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
13	Đầu tư trang thiết bị quan trắc an toàn đập và trang thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng mưa, mực nước, lưu lượng lũ đến hồ phục vụ công tác quản lý, vận hành và xử lý tình huống khẩn cấp của các hồ chứa vừa và nhỏ	10	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2

14	Đầu tư xây dựng nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới đường quản lý và cứu hộ cứu nạn các hồ chứa.	50	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
15	Xây dựng công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất và cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở		Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	
15.1	Giai đoạn 2026-2028	60		Ưu tiên 1
15.2	Giai đoạn 2028-2030	40		Ưu tiên 2
16	Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ, ngập lụt đến nơi an toàn		Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	
16.1	Giai đoạn 2026-2028	30		Ưu tiên 1
16.2	Giai đoạn 2028-2030	20		Ưu tiên 2
17	Xây dựng các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm thiên tai tại những khu vực thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai nguy hiểm, sức tàn phá lớn như lũ, lũ quét, sạt lở giai đoạn 2026-2028	10	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
18	Xây dựng các hệ thống trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng, quan trắc tự động giai đoạn 2028-2030	10	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
19	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, xây mới cột mốc báo lũ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (huyện Hòa Vang)	6	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
20	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, xây mới cột mốc báo lũ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (các quận khác)	4	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
21	Dự án kiên cố hóa đường Hoàng Sa - khu vực bán đảo Sơn Trà	300	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1

22	Xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng cấp thôn tổ kết hợp sơ tán thiên tai.	50	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
23	Triển khai thực hiện giải pháp về công trình sau khi Sở Xây dựng tính toán đảm bảo thoát nước, thoát lũ các trục đường giao thông trên địa bàn huyện Hòa Vang	20	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
24	Các dự án chống sạt lở đường ĐT601, đường quốc lộ 14G (Túy Loan - Dốc Kiền), các tuyến đường trên núi Sơn Trà.	15	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
II	GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN NINH NGUỒN NƯỚC	529		
1	Đầu tư xây dựng hồ chứa lưu vực sông Cu Đê (04 hồ).	80	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
2	Đầu tư xây dựng hồ chứa Khe Lâm lưu vực sông Túy Loan (01 hồ).	30	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
3	Tiếp tục thực hiện xây dựng đập tạm hàng năm trong mùa khô đập Quảng Huế .	15	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
4	Nâng cấp, sửa chữa các đập dâng nhỏ phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp (15 đập dâng).	50	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
5	Nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa hồ chứa nước lớn và vừa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Ưu tiên các hồ: Đồng Nghệ, Hòa Trung và Trước Đông, Bàu Tràm).	30	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
6	Dự án nạo vét, chỉnh trị khôi phục dòng chảy, kè kiên cố và xây dựng các	114	Ngân sách Trung ương,	Ưu tiên 1

	đập dâng trên các sông, trục tiêu thoát lũ để tái sử dụng nước, cấp nước, tiêu thoát lũ và đảm bảo cảnh quan, môi trường trục tiêu thoát nước sông Tây Tịnh xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang;		ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	
7	Nạo vét khơi thông dòng chảy trên các hệ thống kênh tiêu, thoát lũ Cầu Mùn, xã Hoà Khương – Hoà Phong; cầu Hói, xã Hoà Phong; Bầu Thị - Sông Yên, xã Hoà Phong; đoạn khe suối Thôn 1, xã Hoà Ninh,... Kè kênh tiêu thoát lũ Giáng Nam 2, xã Hoà Phước (đoạn chợ mới 3 xã) đến sông Từ Cầu, các trục tiêu thoát nước xã Hoà Châu và Hoà Khương, huyện Hòa Vang;	50	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
8	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Cải tạo, sửa chữa 3 trạm bơm lớn An Trạch, Bích Bắc, Túy Loan và các trạm bơm nhỏ phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp (18 trạm bơm).	30	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
9	Dự án Xây dựng hệ thống cấp nước, tưới tiên tiến tiết kiệm nước trong sản xuất nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.	20	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
10	Xây dựng, nâng cấp các công trình kiểm soát, phòng mặn.	30	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
11	Đầu tư xây dựng đập sông Bắc hỗ trợ đập Nam Mỹ	80	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
III	GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC BẢO VỆ RỪNG	150		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.	20	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
2	Xây dựng mới trụ sở các đơn vị			

2.1	<i>Ban Quản lý rừng đặc dụng; Bà Nà - Núi Chúa, Trạm Kiểm lâm Nam Hải Vân, Trạm Kiểm lâm cửa rừng Phú Túc</i>	7	<i>Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác</i>	<i>Ưu tiên 2</i>
2.2	<i>Hạt kiểm lâm Sơn Trà – Ngũ Hành Sơn</i>	3		<i>Ưu tiên 1</i>
3	Đầu tư thiết kế xây dựng đường ranh cảnh lửa.	20	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
4	Tăng cường công tác bảo vệ nghiêm ngặt từng Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà bằng biện pháp xây dựng thiết lập hàng rào tại các khu vực vùng lõi, vùng trọng điểm, dễ bị tác động, xâm hại dự kiến khoảng 50km.	70	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
5	Xây dựng hệ thống, mạng lưới cấp nước phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực có nguy cơ cháy cao.			
5.1	<i>Giai đoạn 2026-2028</i>	15	<i>Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác</i>	<i>Ưu tiên 1</i>
5.2	<i>Giai đoạn 2028-2030</i>	15		<i>Ưu tiên 2</i>
IV	GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHỐNG NGẬP VÙNG ĐÔ THỊ	560		
1	Xây dựng công trình phòng chống ngập đô thị cho thành phố			
1.1	<i>Giai đoạn 2026-2028</i>	300	<i>Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác</i>	<i>Ưu tiên 1</i>
1.2	<i>Giai đoạn 2028-2030</i>	200		<i>Ưu tiên 2</i>
2	Dự án Nạo vét, khơi thông trục tiêu bầu An Ngãi xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	10	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
3	Dự án đê bao khu đô thị bị ảnh hưởng ngập lụt và thủy triều (với các hạng mục chính: đê bao với hình thức tường bao bê tông mỏng, thấp; hệ thống cống tiêu thoát và trạm bơm tiêu nước,..).			

3.1	Phía Đông và Nam của hai phường Hòa Cường Nam và Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu	15	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
3.2	Khu đô thị khu vực của sông Hàn (đường Như Nguyệt, Lê Văn Duyệt, ...)	15		Ưu tiên 1
4	Nghiên cứu giải pháp chống ngập tại khu vực thấp trũng, ngập sâu khu vực trung tâm tại các quận (Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Thanh Khê, Hải Châu...)	20	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1
V	GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU VÙNG NGẬP LỤT KHU VỰC HẠ DU LỮ VỰC SÔNG VU GIA	400		
1	Dự án tăng khẩu độ thoát lũ qua Quốc lộ 1A từ Hòa Phước đến Cầu Đò	50	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
2	Dự án xây dựng cầu Đa Cô thay thế cho cống tăng khả năng thoát lũ, chống ngập khu vực Hòa Khánh Nam và Hòa Minh	100	Ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
3	Dự án tăng khả năng thoát lũ sông Vĩnh Điện qua đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	100	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 2
4	Dự án tăng khả năng thoát lũ sông Yên qua đường ADB5 Hòa Tiến - Hòa Phong, đường vành đai phía Nam Hòa Phước - Hòa Khương và cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Tăng khả năng thoát lũ và lũ quét sông Túy Loan qua hai đường vành đai phía Tây,...	150	Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí khác	Ưu tiên 1



Phụ lục VI

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN LĨNH VỰC THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2021-2030
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 137 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Tổng cộng			
I	GIẢI PHÁP NÂNG CẤP ĐẢM BẢO AN TOÀN CƠ SỞ HẠ TẦNG THỦY LỢI PHỤC VỤ CẤP NƯỚC VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI			
	Hồ chứa nước			
1	Dự án nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa Bàu Tràm và hồ bơi Quân sự QK5	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
2	Dự án Nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa hồ Đồng Nghệ, Hòa Trung và Trước Đông	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
3	Dự án đầu tư trang thiết bị quan trắc an toàn đập và trang thiết bị quan trắc mưa, mực nước, lưu lượng lũ đến hồ cho việc dự báo định lượng lũ phục vụ công tác quản lý, vận hành và xử lý tình huống khẩn cấp của hai hồ chứa lớn Đồng Nghệ và Hòa Trung.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
4	Lập bổ sung, điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa Đồng Nghệ và Hòa Trung	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
5	Lập các phương án xử lý tình huống khẩn cấp của 9 hồ	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			vi liên quan	
6	Dự án nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Nghệ giai đoạn 2	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
7	Dự án nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Hòa Trung giai đoạn 2	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
8	Dự án nâng cấp đảm bảo an toàn 11 hồ chứa nhỏ: Hòa Phong 1, Hòa Phong 2, An Nhơn, Hồ Trầy, Phú Túc, Hồ Lăng, Tân An, Diêu Phong, Hóc Gỏi, Hồ Thung, Hồ Cái.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
9	Dự án Nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa của 19 hồ chứa thủy lợi nhỏ: Hóc Khế, Đồng Tréo, Hồ Cau, Trường Loan, Hồ Gáo, Bàu Tràm, Hòa Khê, hồ bơi Quân sự QK5, Hòa Phong 1, Hòa Phong 2, An Nhơn, Hồ Trầy, Phú Túc, Hồ Lăng, Tân An, Diêu Phong, Hóc Gỏi, Hồ Thung, Hồ Cái.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
	Đập dâng			
10	Dự án Nâng cấp, sửa chữa đập dâng An Trạch, Hà Thanh	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
11	Dự án Nâng cấp, sửa chữa các đập dâng nhỏ phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp (10 đập dâng)	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
12	Dự án thay hệ thống cửa van lật bằng hệ cửa van phẳng, tăng khả năng thoát lũ của 2 đập dâng An Trạch và Bàu Nít.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			vị liên quan	
13	Dự án sửa chữa, nâng cấp 13 đập dâng còn lại	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
	Trạm bơm			
14	Dự án cải tạo, sửa chữa 3 trạm bơm lớn An Trạch, Bích Bắc và Túy Loan.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
15	Dự án cải tạo, sửa chữa 11 trạm bơm nhỏ còn lại và mở rộng công suất các trạm bơm chống hạn An Tân, Hòa Phong.	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
	Hệ thống kênh mương thủy lợi			
16	Kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã Hòa Phong	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
17	Kênh chính trạm bơm Đông Lâm; kênh chính hồ Hồ Cau, kênh N1 hồ Hồ Cau, kênh chính hồ Hốc Gối và kênh chính hồ Diêu Phong	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
18	Kiên cố hóa các tuyến kênh N1-B Đồng Nghệ, N2-B, N4, N8-1 trạm bơm An Trạch; N5, N5-1, N5-2 trạm bơm An Trạch	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
19	Công trình thủy lợi để thay thế tuyến kênh thủy lợi của hồ chứa nước Hòa Trung đi qua Khu phụ trợ phục vụ dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn	2022-2025

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			vị liên quan	
20	Dự án ngầm hóa các tuyến kênh (kênh N5 Đồng Nghệ, đoạn đầu kênh chính An Trạch và Bích Bắc; các kênh cản trở thoát lũ và thường xuyên bị hư hại do lũ; kênh tưới nội đồng)	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
21	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy lợi (50km)	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2030
22	Dự án Hoàn thiện hệ thống kênh tiêu đồng ruộng	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
II	GIẢI PHÁP CƠ SỞ HẠ TẦNG THỦY LỢI PHÁT TRIỂN NGUỒN NƯỚC			
	Hồ chứa nước			
1	Chương trình xây dựng Đá Nẵng là thành phố ngàn hồ (Nội dung: xây dựng nhiều hồ chứa nhỏ ở núi Sơn Trà, Phước Tường - An Ngãi, Hải Vân - Bạch Mã, Đồng Đen, Bà Nà - Núi Chúa, Sơn Gà).	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
2	Đề án chuyển đổi nước phục vụ nông nghiệp của hồ Đồng Nghệ để phục vụ môi trường, cảnh quan, du lịch và thể thao	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
3	Dự án nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa Bầu Tràm và hồ bơi Quán sự QK5	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
4	Dự án ĐTXD cụm hồ chứa nhỏ trên sông Bắc bổ sung nước cho hồ Nam Mỹ phục vụ cấp nước sinh hoạt thành phố Đà	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công	2022-2025

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Năng		trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	
	Đập dâng			
5	Dự án Tiếp tục thực hiện xây dựng đập tạm hàng năm trong mùa khô đập Quảng Huế (từ nay đến năm 2030)	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2023-2025
6	Tiếp tục thực hiện xây dựng đập tạm ngăn mặn trên sông Cầu Đò - Cẩm Lệ trong mùa khô khi nguồn nước tại An Trạch thiếu hụt và xâm nhập mặn sâu vào sông Cầu Đò, hoặc trạm bơm phòng mặn An Trạch gặp sự cố (từ nay đến năm 2025).	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2023-2025
7	Dự án Nâng cấp, sửa chữa các đập dâng nhỏ phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp (15 đập dâng)	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
8	Dự án nạo vét, chỉnh trị khôi phục dòng chảy, kè kiên cố và xây dựng các đập dâng trên các sông, trục tiêu thoát lũ để tái sử dụng nước, cấp nước, tiêu thoát lũ và đảm bảo cảnh quan, môi trường cho thành phố	Sở NN&PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030
	Trạm bơm			
9	Dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng công suất trạm bơm An Trạch từ 210.000 m ³ /ngày lên 420.000 m ³ /ngày cấp nước thô cho Nhà máy nước Cầu Đò và Sân Bay	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN&PTNT, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
10	Dự án Xây dựng trạm bơm nước thô Nam Mỹ và đường ống từ Nam Mỹ về Hòa Liên, công suất 240.000 m ³ /ngày.	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN&PTNT, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2022-2025
11	Dự án Xây dựng trạm bơm An Trạch 2 và đường ống cấp nước cho NMN Hòa Phước	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN&PTNT, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây	2024-2025

TT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	
12	Dự án ĐTXD trạm bơm Đại Hòa bơm nước sông Thu Bồn về An Trạch	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN&PTNT, UBND huyện Hoà Vang, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị liên quan	2026-2030

✓



Phụ lục VII

TỔNG HỢP NHU CẦU DI DÂN VÙNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2022 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Khu tái định cư (dự kiến)	Số hộ (hộ)	Kinh phí tạm tính			Thời gian thực hiện
					Tổng	Trung ương	Địa phương	
I HUYỆN HÒA VANG								
1	Di dời khẩn cấp ở các vùng có nguy cơ sạt lở đất tại Hòa Sơn và Hòa Bắc	Các xã: Hòa Bắc, Hòa Sơn.	- Hòa Sơn: Khu tái định cư số 6. - Hòa Bắc: khu tái định cư Phò Nam (mở rộng); khu tái định cư Tà Lang - Giàn Bí (mở rộng); khu tái định cư Nam Yên.	125	81.279	-	81.279	2022-2023
2	Di dời khẩn cấp ở các vùng có nguy cơ sạt lở đất tại Hòa Phú và Hòa Bắc	Các xã: Hòa Phú, Hòa Bắc	- Khu tái định cư trên địa bàn xã Hòa Phú; Hòa Bắc.	62	96.750	-	96.750	2023-2025
3	Hỗ trợ ổn định phòng, chống thiên tai tại chỗ	Các xã: Hòa Châu; Hòa Tiến; Hòa Phong; Hòa Khương; Hòa Phú; Hòa Nhơn; Hòa Liên; Hòa Bắc		467	13.620	10.000	3.620	2022-2025
3.1	Hỗ trợ ổn định phòng, chống thiên tai tại chỗ năm 2023		Không có	152	4.560	3.500	1.060	2023
3.2	Hỗ trợ ổn định phòng, chống thiên tai tại chỗ năm 2024			165	4.560	3.500	1.060	2024
3.3	Hỗ trợ ổn định phòng, chống thiên tai tại chỗ năm 2025			150	4.500	3.000	1.500	2025
II QUẬN CẨM LỆ								
	Dự án di dời dân phòng chống sạt lở khu vực xung quanh taluy Đài liệt tướng niệm liệt sỹ Hòa Vang kết hợp công viên cây xanh (Phạm vi giữa chân taluy Đài liệt tướng niệm Liệt sỹ Hòa Vang và Đường nối Hòa Thọ Tây - Khu dân cư Phóng Bắc)	Phường Hòa Thọ Tây	Chưa xác định	17	42.013	-	42.013	2023-2025
Tổng cộng				671	233.662	10.000	223.662	